

GIẢI PHẪM

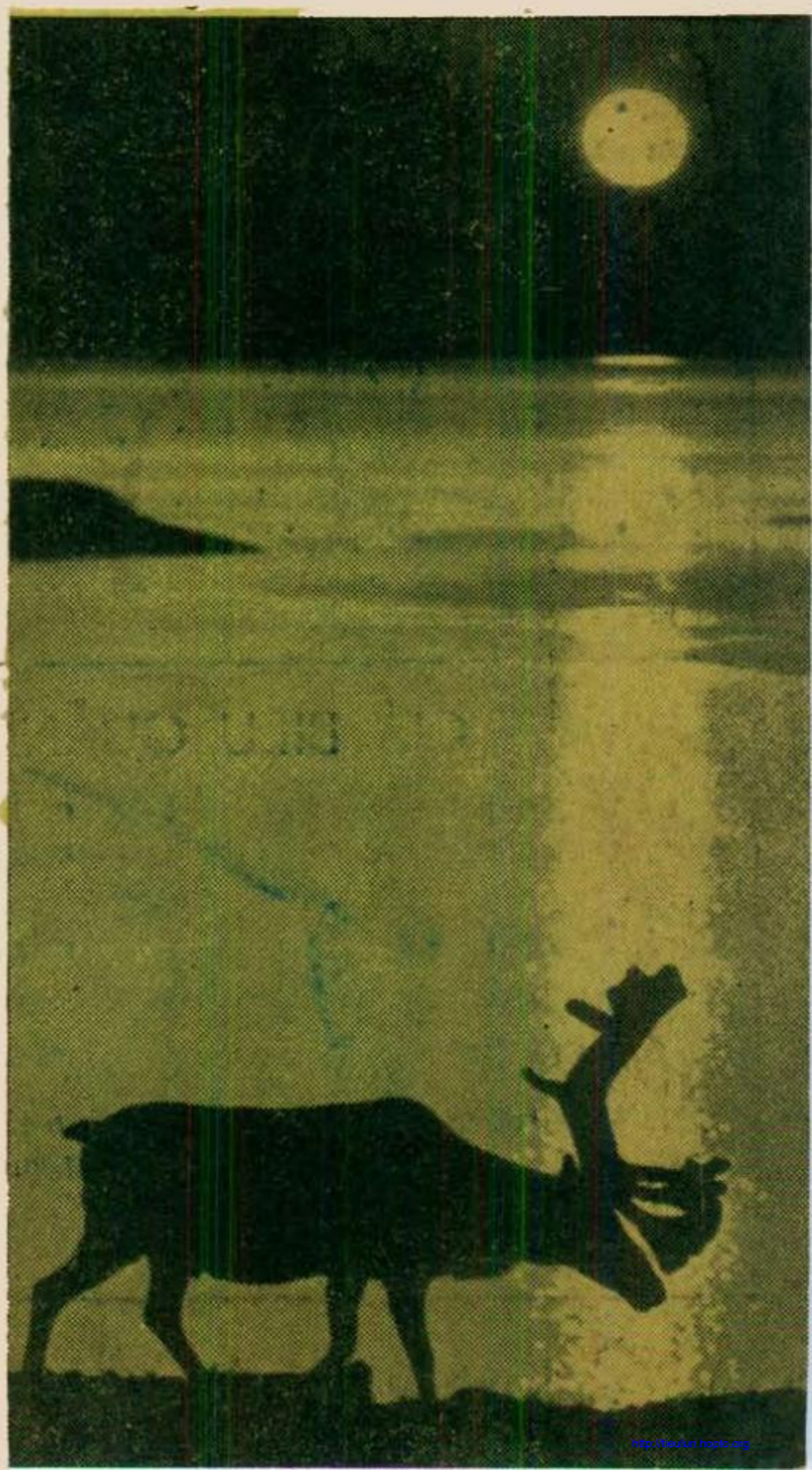
BÁCH KHOA

- Đạo Phật và sự sống
- Một quan niệm mới về tiểu thuyết: « Chữ để ra chữ »
- Lịch sử và Chiến tranh
- Một tài liệu giả mạo trắng trợn: trường hợp Linh Nam Dật Sử
- Mưa và Thơ
- Viễn đồ cho Đông Y
- Ngày trở về của Juan Péron.

C

383

- Thơ : TẠ TỰ, VÕ VĂN LÊ



BÁCH-KHOA

160 Phan Đình Phùng Saigon

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Bài vở : TÔN THẤT HÀM Tiền bạc : NGHIÊM NGỌC HUÂN
NGUYỄN HUY NHÂN

GIÁ MUA DÀI HẠN

SÁU THÁNG 870đ.
MỘT NĂM 1700đ.

* Cao Nguyên và Miền Trung : thêm cước phí máy bay một năm : 200đ.

* Ngoại quốc đường thủy : thêm cước phí một năm : 400đ

* Ngoại quốc đường hàng không, mỗi số :

Gửi đi Ai-lao	: 30đ.	Gửi đi Úc, Tích-lan v.v...	: 130đ
— Kampuchia	: 20đ.	— Pháp	: 160đ
— Đông-Nam-Á (Hồng-kông, Đài-loan, Thái-lan v.v...)	: 40đ.	— Âu-châu (trừ Pháp, Bắc Phi-châu, Đại-dương-châu	: 175đ
— Nhật-bản, Đại-hàn, Ấn-độ, Hồi-quốc	: 90đ.	— Hoa-kỳ, Gia-nã-đại	: 210đ

* Chi phiếu, bưu phiếu, xin đề tên ông Lê-Ngộ-Châu 160 Phan đình Phùng Saigon, bưu chi phiếu xin gửi Trương mục 27-46, Bách Khoa Thời Đại Trung Khu Saigon.

GIÁ BIỂU QUẢNG CÁO

1 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	6000đ
1/2 trang giấy mẫu	:	mỗi kỳ	:	4000đ
oOo				
1 trang trong	:	mỗi kỳ	:	5000đ
1/2 trang trong	:	mỗi kỳ	:	2500đ
1/4 trang trong	:	mỗi kỳ	:	1300đ

Muốn đăng quảng cáo từ 6 tháng trở lên có giá đặc biệt, xin liên lạc với Ty Quản-lý Bách Khoa, 160 Phan-đình-Phùng Saigon. Đ.T. 25.539.

BÁCH KHOA

Kiểm duyệt số 268 BTT/PHNT/GPĐS

Ngày 14-12-1972

C:

THÍCH NHẤT HẠNH, THÍCH HUYỀN QUANG <i>đạo Phật và sự sống</i>	05
BÙI HỮU SÙNG <i>một quan niệm mới về tiểu thuyết : « Chữ để ra chữ »</i>	15
ARIEL và WILL DURANT <i>lịch sử và chiến tranh</i>	23
NGUYỄN THIẾU DŨNG <i>trường hợp Linh Nam Đạt Sử (một tài liệu giả mạo trắng trợn)</i>	31
BÌNH NGUYỄN LỘC <i>nói rõ về tiền-sử-học tại Việt-nam : Lạc và Việt</i>	39
VÕ PHIẾN <i>mưa và thơ</i>	45
HỒ HỮU TƯỜNG <i>viễn đở cho Đông Y</i>	51
TỪ MINH <i>ngày trở về của Juan Péron</i>	55
TẠ TỶ <i>hãy cho tôi (thơ)</i>	65
VÕ VĂN LÊ <i>mùa thu trên đồi (thơ)</i>	66
TRẦN LƯU AN <i>quảng trị xưa nào — quảng trị chữ đây (thơ)</i>	67
TRẦN DZA LỮ <i>thư cho người (thơ)</i>	68

SINH HOẠT

BÁCH KHOA có bao nhiêu sự đoàn ?	69
TỬ DIỆP <i>thời sự khoa học</i>	72
THU THỦY <i>thời sự văn nghệ</i>	75
Họa sĩ VĂN THANH <i>trình bày bìa Bách-Khoa các số 15-11-72 « Nguyễn Du và Truyện Kiều », số 1-12-72 và số này. Hình ảnh ngoài bìa của P. Kyllingstad.</i>	

Chủ trương : LÊ NGỘ CHÂU

Địa chỉ : 160, Phan Đình Phùng Saigon

Điện thoại : 25.539

H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TRÍ ĐĂNG
21, Nguyễn Thiện Thuật — Saigon

GIÁ : 80\$ Công sở : 160\$

Cao Nguyên và Miền Trung
cước phí máy bay 8đ. mỗi số

Sách nhận được trước 15-12-72

Bách-Khoa trân trọng cảm ơn quý vị đã gửi tặng những sách sau đây và xin ân cần giới thiệu cùng quý bạn đọc :

— Tìm về dân tộc của Lý Chánh Trung do Lửa Thiêng xuất bản, tác giả và nhà xuất bản gửi tặng. Sách dày 140 trang, in lần thứ 2, gồm 3 phần: Hồi ký của 1 cựu học sinh trường Tây; Suy nghĩ về 2 chữ « Dân tộc »; Suy nghĩ về 2 chữ « mất nước ». Bản đặc biệt. Giá 220đ.

— Khái Hưng, thân thể và tác phẩm tiểu-luận văn-học của nhiều tác giả, do Nam Hà xuất bản và gửi tặng. Sách dày 132 trang gồm 7 bài tiểu-luận của Thư Trung, Vũ Bằng, Dương Nghiễm Mậu, Huỳnh Phan Anh, Đặng Phùng Quân, Đào Trường Phúc, Vũ Hạnh. Giá 190đ.

— Nhiếp ảnh nghệ thuật bước hai của Nguyễn Cao Đàm và Trần Cao Linh, do Màn Ảnh xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 224 trang, trình bày vẽ tự nhiên, động tĩnh, khéo nhìn trong nhiếp ảnh; ảnh chuyển, ảnh phóng sự, ảnh tả thực, ảnh siêu thực v.v... với rất nhiều hình ảnh nghệ thuật mẫu rất đẹp. Giá 500đ.

— Người chồng thời đại tập truyện của Vũ Hạnh do Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 116 trang gồm 6 truyện mới nhất của tác giả. Có phụ thêm 16 trang Từ điển V.N. Giá 100đ.

— Truyện của một người lãng trí (Xã hội Kappa) tiểu thuyết, nguyên tác của Akutagawa Ryunosuke, Diễm Châu dịch từ bản dịch Anh văn

của Seuchi Shiojiri do Từ Chương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 122 trang, in lần thứ 2. Giá 160đ.

— Một cái chết ngoạn mục Tiểu thuyết, nguyên tác của Friedrich Duerrenmatt, Diễm Châu dịch theo bản dịch Anh văn của Richard và Clara Winston, do Từ Chương xuất bản và gửi tặng. Sách dày 112 trang. Giá 140đ.

— Cuốn sổ tay của người chơi cờ ngoạn của Vương Hồng Sển do tác giả xuất bản và gửi tặng. Hiệu cờ đặc san, tập số 6, dày 370 trang và 9 trang trình bày hình các cờ vật, cho biết thêm, tiếp theo các tập 4 và 5, thế nào là cờ vật, thế nào là thực hành (muốn tập chơi đồ cờ, nên mua sắm và sưu tập loại nào trước, định giá, định tuổi một món đồ xưa v.v...) Có bán tại Tòa soạn Bách-Khoa giá 1500đ.

— Thế giới bí mật của trẻ em, nguyên tác tiếng Pháp «Le développement psychologique de l'enfant» của Thérèse Gouin-Décarie, bản dịch của Nguyễn Hiến Lê do Thanh Tân xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 150 trang gồm 20 chương dẫn người đọc vào «thế giới bí mật và kỳ thú của trẻ, từ khi nó còn là cái thai cho tới khi nó tới tuổi dậy thì». Giá 190đ.

— Nghề làm cha mẹ của Bác sĩ Nguyễn Hữu Phiếm do Khuôn Vàng xuất bản trong « Tủ sách Học làm người » và tác giả gửi tặng, dày 200 trang, biên soạn công phu, giúp các bậc cha mẹ hiểu vai trò và uy quyền của mình, trình bày về tình mẫu tử và phụ tử, tìm hiểu về tâm tính trẻ, về thanh niên, và gia đình có thể giúp đỡ thanh niên bằng cách nào. Nguyễn Hiến Lê đề tựa, Bàng Bá Lân đề bạt. Bản đặc biệt.

Đạo Phật và sự sống

L.T.S.— Bài sau đây rút từ cuốn sách do nhà xuất bản Lá Bối sắp ấn hành mang tên là « Đạo Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày » của các Thượng Tọa Thích Huyền Quang và Thích Nhất Hạnh. Cuốn sách cũng còn được coi là : « Cương lĩnh giáo lý nhập-thế của Phật giáo Việt nam hiện đại ». Bách-Khoa trân trọng giới thiệu với bạn đọc chương đầu của cuốn sách, trình bày rất rõ ràng, dễ hiểu, đạo lý căn bản của Phật giáo và một cái nhìn rất mới của các tác giả về Đạo Phật áp dụng vào đời sống hàng ngày.

Đạo Phật Việt Nam trong quá khứ

Đạo Phật Việt Nam trong quá khứ đã góp phần xây dựng con người và xã hội Việt Nam. Đạo Phật được đưa vào nước ta vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai do những vị tăng sĩ và những thương gia Ấn Độ và Trung Á tới Việt Nam bằng đường biển Ấn Độ Dương. Từ đấy tới cuối thế kỷ thứ sáu các vị tăng sĩ và thương gia liên tục tới Việt Nam. Và cộng tác với họ, dân ta đã dựng chùa, xây tháp, thờ Phật và đọc kinh. Các kinh điển thời đó hoặc bằng tiếng Sanskrit hoặc là bằng chữ Hán do những tăng sĩ Ấn Độ dịch ra với sự cộng tác của những người Việt giỏi Hán tự. Vào cuối thế kỷ thứ sáu, ở thủ đô Luy Lâu của nước ta đã có hai mươi ngôi chùa, hơn năm trăm vị tăng sĩ và mười lăm bộ kinh được phiên dịch và lưu hành. Nước ta hồi ấy là một trung tâm Phật Giáo, từ đó đạo Phật được truyền qua Trung Hoa. Các tăng sĩ từ Ấn Độ sang thường lưu trú tại Giao Châu để hoằng hóa một thời gian trước khi đi Trung Quốc. Từ đó

tu sĩ Trung Quốc trên đường hành hương Ấn Độ cũng thường ghé qua lưu trú tại Giao Châu.

Cuối thế kỷ thứ sáu, một vị tăng sĩ Ấn Độ tên Tỳ Ni Đa Lưu Chi (Vinītaruci) sau khi vân du Trung Hoa, tới kinh đô Luy Lâu, ở lại chùa Pháp Vân và thành lập phái thiền tông đầu tiên tại nước ta gọi là *phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi*. Vào đầu thế kỷ thứ chín, một vị thiền sư Trung Hoa tên là Vô Ngôn Thông sang nước ta, trú tại chùa Kiến Sơ và thành lập phái thiền tông thứ hai tại nước ta gọi là *phái Vô Ngôn Thông*. Giữa thế kỷ thứ mười một, cùng với Thảo Đường Thiền Sư, vua Lý Thánh Tông thành lập một phái thiền tông thứ ba gọi là *phái Thảo Đường*. Vào thế kỷ thứ mười ba, vua Trần Nhân Tông, sau khi xuất gia, lập một phái thiền tông thứ tư gọi là *phái Trúc Lâm Yên Tử*.

Các phái thiền tông này đã đóng góp rất nhiều trong công trình xây dựng nền độc lập chính trị và văn hóa của nước ta. Phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã hỗ trợ đắc lực cho các triều đại độc

lập đầu tiên ở Việt Nam là triều đại Đinh, Tiền Lê và Lý. Pháp Thuận Thiền Sư và Vạn Hạnh Thiền Sư là những vị cao tăng của Phái này đã từng làm cố vấn văn hóa, chính trị và quân sự cho các triều đình Việt và đem thế lực Phật Giáo hỗ trợ cho việc xây dựng quốc gia. Khuông Việt Thiền Sư của phái *Vô Ngôn Thông* cũng đã phụ tá đắc lực cho vua Đinh Tiên Hoàng trong việc dựng nước. Đạo Phật đã xây dựng cho đời Lý những triều đình có kỷ cương, có văn hóa, có pháp chế. Kỷ cương, văn hóa và pháp chế này đã được xây dựng trên tinh thần Từ Bi và Khoan Dung. Triều Lý có thể gọi là triều đình từ bi và khoan dung nhất trong lịch sử Việt Nam, và điều đó là công của đạo Phật. Phái Trúc Lâm Yên Tử, ra đời tại Việt Nam vào đầu triều Trần, là một tông phái thiền Việt Nam hợp nhất các truyền thống thiền đã có từ trước. Những nhà lãnh đạo của phái Trúc Lâm như Trần Thái Tông, Tuệ Trung Thượng Sĩ, Điều Ngự Giác Hoàng, Pháp Loa Đại Sư và Huyền Quang Đại Sư... đã đóng góp rất nhiều cho nền học thuật, tư tưởng và văn hóa Việt Nam. Phật Giáo triều Trần, tiếp nối Phật Giáo triều Lý, đã giúp đỡ phát huy Nho Giáo và xử dụng triết học hành động chính trị của Nho Giáo trong tinh thần vị tha và cởi mở của Phật Giáo. Do đó cho nên Phật Giáo, Nho Giáo và Lão Giáo đã được hòa đồng một cách rất tốt đẹp trong những thời đại hưng thịnh ấy của đất nước Việt Nam. Đạo Phật đã đóng vai trò điều hòa và hóa giải giữa các thế lực

tranh chấp, góp phần xây dựng tinh thần dân tộc, bảo vệ nền độc lập quốc gia. Đạo Phật đã ảnh hưởng tới đời sống tình cảm, tâm linh và trí thức của con người Việt Nam, khiến cho người Việt tuy ham chuộng hòa bình nhưng vẫn tự lực tự cường không để cho ai áp chế, tuy giữ gìn và quý chuộng gia tài văn hóa dân tộc nhưng vẫn cởi mở đón chào và thâu nhận những tinh hoa của các nền văn hóa thế giới.

Đạo Phật Việt-nam trong hiện tại.

Đạo Phật Việt Nam trong hiện tại tiếp tục xây dựng con người và xã hội Việt Nam, đồng thời góp sức vào sự xây dựng cộng đồng nhân loại. Cuộc chiến tranh kéo dài trên hai mươi năm đã tàn phá bao nhiêu sinh mạng và tài sản của quốc gia Việt Nam. Không những thế, cuộc chiến tranh còn gây căm thù nghi kỵ giữa người Việt với người Việt. Phật Giáo Việt Nam trong hai mươi lăm năm qua đã đóng góp phần mình trong cuộc tranh đấu cho chủ quyền đất nước và hòa bình dân tộc và người Phật tử Việt Nam đã chịu chung gian lao nguy khổ với đồng bào và đất nước. Để chống lại sự tàn phá đất nước và sự tàn phá những giá trị con người, Đạo Phật Việt Nam đang nỗ lực giữ vững niềm tin của người Việt Nam nơi truyền thống và khả năng tổng hợp văn hóa của truyền thống dân tộc, giữ cho xã hội không tan nát vì phân hóa, hoài nghi và căm thù. Kêu gọi mọi người trở về với truyền

thống văn hóa dân tộc, đạo Phật Việt Nam chống lại mọi mưu toan bên ngoài muốn xữ dụng xương máu Việt Nam để làm hàng rào phòng thủ của họ. Đạo Phật Việt Nam đồng thời cũng nhắm đến sự xây dựng xã hội Việt Nam về các phương diện kinh tế, y tế và giáo dục để làm nền tảng vững chãi cho hòa bình. Thế giới đang bị đặt trong tình trạng hiểm nguy : nạn nhân mãn, nạn đói kém, nạn nhiễm độc và chiến tranh nguyên tử đang đe dọa số phận con người. Việt Nam cần sớm đạt tới hòa bình và kiểm soát được vận mệnh mình để có thể góp phần hữu hiệu với các quốc gia khác trong việc đối phó với những hiểm trạng kia. Một cộng đồng nhân loại trong đó người không bóc lột người, ranh giới giữa các quốc gia chủng tộc không còn là nguồn gốc của tranh chấp kỳ thị, đó cũng là mục tiêu mà Việt Nam nhắm tới.

Áp dụng Đạo Phật trong đời sống mới

Người Phật Tử Việt Nam nhìn rõ thực tại tâm lý, kinh tế và xã hội của thời đại và áp dụng giáo lý đạo Phật một cách thông minh vào đời sống mới, không bị ràng buộc bởi thành kiến và thói quen. Đức Phật là một bậc Đại Đạo Sư. Thâm hiểu những điều kiện tâm lý, kinh tế và xã hội con người của thời đại ngài, đức Phật đã truyền dạy những giáo lý thích hợp với con người của thời đại ấy. Giáo lý của đức Phật đã phù hợp với các điều kiện sinh hoạt tâm lý, kinh tế và xã hội của con người cho nên được gọi là

một giáo lý *khế cơ*, Trong suốt lịch sử của Phật Giáo, ta thấy xuất hiện nhiều hệ thống giáo lý mới phát xuất từ Phật giáo Nguyên Thủy, như giáo lý Tịnh Độ, giáo lý Thiền, giáo lý Duy Thức, giáo lý Thiên Thai... Những giáo lý này vừa khế hợp với căn bản đạo Phật vừa khế hợp với những điều kiện tâm lý và xã hội của con người đương thời. Phật Giáo là một tôn giáo không bảo thủ, biết cởi mở và khai phóng để mở rộng chân trời tương lai. Tuy cởi mở, khai phóng và tiến bộ như thế, đạo Phật vẫn không bị lạc gốc, cũng vẫn tiếp tục được truyền thống từ bi, khoan dung, vô úy và giải thoát. Thái độ bảo thủ vì thói quen, vì thành kiến và cố chấp, là một thái độ trái ngược với tinh thần cởi mở và tiến bộ của đạo Phật. Người Phật tử không thể nhắm mắt làm theo tất cả những điều mà người xưa đã làm, lấy có «xưa bầy nay làm.» Người Phật tử phải xét xem những điều do người xưa bày ra hiện còn có giá trị trong hoàn cảnh hiện tại hay không. Nếu còn thì ta vẫn tiếp tục thi hành. Nhưng nếu những điều ấy không còn giá trị nữa thì ta phải bỏ và tìm ra những điều khác thích hợp với ta hơn. Ngày xưa khi còn tại thế, đức Phật và các môn đệ cùng thời với ngài đã áp dụng pháp chế khắc thực chẳng hạn. Ở các nước Tây Tạng, Trung Hoa, Nhật Bản, trong suốt mười thế kỷ, tăng sĩ ít khi thực hành pháp chế trì bát khắc thực đó, tại vì điều kiện phong thổ và tập quán ở các nước này khác với Ấn Độ thuở xưa. Như thế không có nghĩa

là Phật Giáo các nước đó chống với Phật Giáo Ấn Độ. Như thế chỉ có nghĩa là Phật Giáo tại các nước đó đã biết chuyển biến để khế hợp với những điều kiện sinh hoạt tại các nước đó mà thôi. Lấy ví dụ ấy mà xét thì, nếu ta muốn cho đạo Phật có sinh khí, ta phải biết áp dụng đạo Phật một cách thông minh vào những điều kiện sinh hoạt tâm lý, kinh tế và xã hội của đời sống chúng ta. Đạo Phật không phải là của riêng của một số người ẩn dật nơi tự viện. Đạo Phật là của mọi lớp người : của thiếu nhi, của thanh niên, của phụ nữ, của lao động trí thức và lao động chân tay. Đạo Phật chỉ có sinh lực khi nào giáo lý đạo Phật được áp dụng trong đời sống hàng ngày, trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, chính trị, kinh tế, tổ chức, trong đời sống cá nhân cũng như trong đời sống gia đình, quốc gia và xã hội. Người Phật tử phải đặt những câu hỏi tương tự như sau đây : Trong một xã hội con người bị lôi cuốn theo guồng máy kinh tế và chính trị đến nỗi con người khó có thể bảo tồn tự do và nhân tính của mình, thì đạo Phật dạy con người áp dụng thái độ nào và hành động những gì để khôi phục tự do và nhân tính ấy ? Đối với những cuộc chiến tranh diệt chủng và tàn phá sinh mệnh và giá trị con người, đạo Phật dạy ta hành động thế nào ? Trước hiểm họa mà nhân loại đang phải đương đầu, đạo Phật dạy ta con đường nào để có thể tự cứu ? Nếu đạo Phật không trả lời được những câu hỏi như thế, thì ta không thể nói rằng đạo

Phật là đạo của sự sống. Kỳ thực, người Phật tử tin rằng trong đạo Phật có hàm chứa những nguyên lý căn bản có thể trả lời được mọi vấn đề của sự sống ; và do đó, đem những nguyên tắc kia áp dụng vào đời sống cá nhân và xã hội hiện tại ta sẽ tìm thấy những câu trả lời thích hợp. Bản thân ta và sự sống của ta chính là môi trường thực nghiệm từ đó được tìm ra những câu giải đáp, gọi là *đạo Phật ứng dụng*. Những điều kiện sinh hoạt tâm lý, kinh tế và xã hội luôn luôn thay đổi, cho nên mỗi thời đại và mỗi địa phương cần có một đạo Phật ứng dụng thích hợp. Thành kiến và thói quen thường khiến cho người ta sợ hãi sự thay đổi và sự sáng tạo. Đạo Phật là một đạo sống động, do đó cần sự đổi thay và sáng tạo liên tục. Phật tử đừng để cho thành kiến và thói quen bó buộc. Phật tử cần luôn luôn nhận định lại về sự sống để mà thực hiện những thay đổi và sáng tạo cần thiết làm cho đạo Phật luôn luôn là một đạo sống động chứ không khô chết trong những cái vỏ hình thức và thiếu sinh khí.

Con người là then chốt

Đạo Phật được khai sáng bởi con người để phục vụ cho con người. Đạo Phật lấy con người làm gốc. Tinh thần nhân bản của đạo Phật được biểu lộ không những ở giáo lý đạo Phật mà còn ở thái độ và hành động của người Phật tử. Đạo Phật do con người sáng lập để phụng sự

cho con người. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (Sakya Muni) người sáng lập đạo Phật cách đây 2500 năm không bao giờ tự cho mình là một vị trời hay một đấng thần linh. Từ ngữ Phật (Buddha) chỉ có nghĩa là con người giác ngộ. Phật là một con người đã giác ngộ chân lý (tự giác) và đem chân lý ấy giác ngộ cho những kẻ khác (giác tha) để mong đạt tới sự nghiệp giác ngộ tròn đầy (giác hạnh viên mãn). Trước khi tu đạo và thành Phật, đức Thích Ca, có tên là Shid-dharta, cũng đã có cha mẹ và đã thành lập gia đình với công chúa Gia Du Đà La (Yasodhara) và có một người con tên là La Hầu La (Rahula). Trí tuệ giác ngộ mà Phật đạt được không phải do nơi một vị thần minh nào trao truyền mà do chính kinh nghiệm tâm linh của Phật chứng nhập.

Giáo lý đạo Phật chủ trương rằng con người chịu hoàn toàn trách nhiệm về bản thân mình và xã hội mình, rằng con người có thể thay đổi được bản thân và hoàn cảnh xã hội theo ý mình muốn. Những điều kiện hiện tại của sự sống, những gì đã xảy ra, đang xảy ra và sẽ xảy ra đều do hành động (nghiệp hay karma) của mình tạo thành và thúc đẩy. Không có một đấng thần linh nào có quyền năng cứu rỗi được con người. Phật tử, theo lời Phật dạy, phải tự mình thấp xuống mà đi. Con người phải tự cứu lấy mình.

Nhân cách Phật Thích Ca

Đức Phật Thích Ca, người thành lập đạo Phật là một người đã phát triển nhân cách mình đến mức độ

tuyệt hảo. Nhân cách của đức Phật Thích Ca còn quan trọng hơn cả giáo lý ngài dạy trong kinh điển, bởi vì nhân cách ấy là giáo lý sống động do chính đời ngài phô diễn. Chính nhân cách ấy đã hàng phục được bạo động, đã tạo được niềm tin, đã gây nên đoàn kết. Chính nhân cách ấy đã hướng dẫn được giáo đoàn ngài lúc ngài tại thế và còn tiếp tục hướng dẫn được giáo đoàn Phật giáo hàng mấy thế kỷ sau khi ngài tạ thế. Được nhìn vào mắt Phật, được sống bên cạnh ngài và được chiêm ngưỡng nhân cách ngài chắc hẳn là còn hiểu được ngài nhiều hơn là học tập giáo lý ngài qua kho tàng kinh điển. Nhân cách của Phật làm sao ta có thể diễn tả nổi? Tuy vậy, ta cũng có thể căn cứ trên giáo lý đạo Phật để nói rằng nhân cách của Phật biểu lộ một trí tuệ lớn, một tình thương lớn và một ý chí lớn. Tình thương lớn ấy gọi là *đại bi* (mahàkarunā) được đi đôi với trí tuệ lớn gọi là *đại trí* (mahāprajñā) và ý chí lớn gọi là *đại lực* (mahabala). Đạt đến mức độ tuyệt hảo của nhân cách tức là đạt đến trình độ giác ngộ hoàn toàn, trình độ Phật, trình độ vô thượng giác (giác ngộ cao nhất) mà phạn ngữ gọi là *Anuttara-samyak-sambodhi* (a nậu lâu đa la tam miệu tam bồ đề phiên-âm theo tiếng Hán Việt).

Trí Tuệ, Từ Bi và Đại Lực

Mục đích của sự thực hành đạo Phật, do đó, là để đạt tới nhận thức sáng tỏ về thực tại (*trí*), tình thương rộng lớn với mọi người và mọi loài (*bi*) và ý chí bền vững để thành tựu

đại nguyện giúp đời (dũng). Đạo Phật không phải là một tôn giáo chuyên thờ cúng cầu xin các vị thần minh. Đạo Phật đòi hỏi người Phật tử thực hiện trí tuệ, tình thương và ý chí nơi bản thân và ngoài xã hội. Đạo Phật Đại thừa trình bày những nhân vật gương mẫu của sự thực hiện đạo Phật như Bồ tát Quán Thế Âm, Bồ tát Văn Thù Sư Lợi, Bồ tát Phổ Hiền và Bồ tát Địa Tạng... Đó là những Phật tử lỗi lạc nhất, những người đang thực hiện tuệ giác đại trí, tình thương đại bi và công tác đại hạnh. Bồ tát (bodhisattva) có nghĩa là người đang thực hiện sự nghiệp giác ngộ và độ sinh. Bồ tát Quán Thế Âm là hình ảnh của tình thương đại bi và công tác đại hạnh, lắng tai nghe tiếng kêu thương của kẻ khổ đau ở mười phương mà có mặt để cứu độ (kinh

Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn). Bồ tát Văn Thù Sư Lợi là hình ảnh của tuệ giác đại trí và biện tài vô ngại (kinh Duy Ma). Bồ tát Phổ Hiền và bồ tát Địa Tạng là hình ảnh của hành động và đại nguyện để thành tựu sự nghiệp giác ngộ và cứu đời (kinh Hoa Nghiêm, phẩm Phổ Hiền và kinh Địa Tạng). Tụng đọc những kinh điển nói về các vị Bồ Tát ấy là để thâm hiểu về đạo Phật qua đời sống, trí tuệ và hạnh nguyện của các vị ấy chứ không phải để cầu xin kẻ lề. Người Phật tử cần thấy nơi hình ảnh của các vị bồ tát ấy những tấm gương sáng để noi theo trong lúc học tập và thực hành đạo Phật. Đọc kinh suông và trì niệm danh hiệu suông thì không đem lại chút lợi ích thiết thực nào.

(còn tiếp 1 kỳ)

THÍCH HUYỀN QUANG
THÍCH NHẤT HẠNH

Tăng cường sinh lực bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

433-YTDP.Đ.

Quan-niệm mới về tiểu-thuyết: « CHỮ ĐỂ RA CHỮ »

Chủ-đích của bản hùng-ca tiềm ẩn dưới mỗi bước đường tiến-triển của nó. Độc-giả mộ điệu đừng nóng-nảy vội bước tới đích; hãy biết dừng chân để triu-mẫn thưởng-thức từng bước một ».
SCHILLER

I.— Ý-THỨC MỚI TRONG VĂN-HỌC

Ý-thức mới về Ngôn-ngữ thi-ca

Trong mấy năm gần đây, một số tiểu-thuyết, truyện-ngắn, theo một ý hướng mới, trái ngược với những lẽ-lối cổ-diễn. Đề thưởng-thức và xét đoán phê-bình cũng phải canh-tân phương-pháp và nhãn-quan. Cả hai, sáng-tác và phê-bình, đều bắt nguồn từ một ý-thức mới về ngôn-ngữ thi-ca. Xưa kia, ở Tây-phương, thi-sĩ hay phê-bình-gia quan-niệm rằng: tư-tưởng và tính-tình phát sinh trước rồi ngôn-ngữ chạy theo sau để diễn-đạt chúng: « Điều mà đã được quan-niệm minh-bạch, thì việc diễn-tả sẽ dễ-dàng » (Boileau). Nhà văn, nhà thơ cứ sống cho nhiều, quan-sát cho chính xác, suy-luận cho mạch-lạc sau đấy mượn ngôn-ngữ làm công-cụ truyền-đạt, hay lấy đấy làm một cái áo đẹp khoác vào cho hoa mỹ. Văn-chương quan-niệm như trên là một thứ văn-chương phản-ảnh (Littérature reflet). Thứ văn ấy và thứ ngôn-ngữ công-cụ ấy đã lỗi thời. Đối với ngày nay, không những ngôn-ngữ thi-ca khác biệt ngôn ngữ nhật-dụng, nó còn biệt-lập với người cầm bút; nó có khả-năng tự-tồn, sinh-sôi nảy-nở: « Chữ để ra chữ và ra nghĩa ».

Nhà Phân-tâm-học Lacan (một đồ đệ của Freud) còn đi xa hơn nữa khi ông cả quyết rằng: ngôn-ngữ chỉ mượn tạm con người để làm « máy phát-thanh »; nó dùng người cầm bút như một chiếc loa của xe ô-tô Sở Thông-tin. Người cầm bút cứ việc lặng ngời nghe để ghi cho đúng những lời khởi dậy; tiếng nọ đánh thức tiếng kia, âm-vận này kéo theo âm-vận đồng-diệu, tất cả điều-động nhau, liên-kết lan tràn như suối thơ, dòng văn. Chúng chỉ huy cán bút bắt phải theo chiều hướng chúng định đoạt. Chúng mang lại cho tác-phẩm một ý-nghĩa rất mới và bất ngờ đối với chính ngay tác-giả. Người mà chúng ta quen gọi là văn-sĩ, thi-sĩ, chỉ biết ngoan-ngoãn viết cho đúng, tựa như một em học-sinh ngồi viết chính-tả dưới sự đọc chăm-chạm của thầy giáo, hay tựa như các con công đệ tử trong các đền chùa sao chép các bài thơ giảng bút do các vị tiên thánh nhập vào các ông đồng và ứng khẩu đọc lên. Nếu cuối năm 1972, có độc-giả nào đã đi xem triển lãm tiểu thuyết ở cơ quan văn-hóa Pháp tại Sài-gòn, tất cũng thấy lúc hình trình bày một bàn cờ với các quân cờ đang đánh nửa chừng. Dưới hình có chú giải: Tân-tiểu-thuyết không có

nhân-vật cũng giống như ván cờ này thiếu người ngồi đánh cờ. Chắc độc giả liên tưởng đến một câu thơ chấm hết bài «Đánh-đau» của nữ sĩ Hồ-Xuân-Hương :

Cột nhờ đi rồi, lỗ bỏ không

Câu này ngày xưa, mang một nghĩa duy nhất : tả cái hiu-quạnh, bẽ-bàng của một người đàn bà bị bỏ rơi bởi tên Sở-khanh, sau màn làm tình. Nhưng nay đặt trước đèn Cờ-cầu, câu kia hàm nhiều ý nghĩa mới như chúng ta sẽ thấy trong các tân-tiêu-thuyết từ R. Grillet đến nhóm Tel Quel : Ricardou, Ph. Sollers, Baudry.

Sở dĩ xưa kia bên ta, gọi «thi văn không tác giả» là thi-văn *giáng-bút* và ở Tây-phương người ta tin có Thần Thơ (La muse) là vì thời đó chưa có Phân-tâm-học và cũng chưa có ai có một ý-niệm về sự sinh-sống độc-lập của ngữ-ngôn thi-ca : «Chữ đề ra chữ và ra nghĩa».

Trường hợp của hai thi-sĩ Hàn-Mặc-Tử và Nguyễn-Du có thể minh-họa cho thuyết «Chữ đề ra chữ». Thi-sĩ họ Hàn đã thú-nhận với bạn-bè rằng : Không phải bao giờ muốn làm thơ là làm được. Và có phút ông như bị tràn-ngập, lời cuốn say đắm đến điên, đến chết bởi nguồn thơ :

*Bao nét chữ quây-cuồng như máu vọt
Cho mê-man chết điếng cả làn da.*

Và ông van xin mọi người chung-quanh hãy để cho lòng ông được xiết-chặt như vậy «*trong mớ chữ rung-rinh*» nghĩa là cứ để mặc cho «chữ đề ra chữ». Tuy cha ông đã mấy đời

theo đạo Gia-tô, tuy ông đã nuôi dưỡng bởi triết-học của tôn giáo ấy và ông một lòng làm thơ mộ đạo, ấy thế mà trong thơ vẫn cứ xen vào những văn-từ, những thi-tứ, những biểu tượng dân-tộc mà ông không sao làm chủ được chúng. Giữa bài thơ cầu nguyện Đức Mẹ, mà ông cũng lầm bầm : «*bà ngàn thế-giới*» (của Phật giáo) hay «*song lộc triều-nguyên*» (của thần-thoại dân-tộc) và nhắc đến bốn lần «*Phượng-trì*» (ao phượng của Lão-giáo) trong bài thơ Ave Maria. Thi-sĩ đã bị cám dỗ bởi «âm vận» hơn là bởi ý-nghĩa tôn giáo.

Còn Nguyễn-Du khi «diễn ca» (một thứ văn phiên dịch ngày xưa) sử dụng nhiều lý trí hơn tiềm thức, thế mà cũng có lúc sơ-hở, bị âm-vận dân-tộc lôi cuốn Tổ-Như từ Bắc-kinh lạc về Thăng-long, rồi từ Việt-nam nhìn sang các nước lân-cận, Ngô (chỉ nước Tàu) và nước Lào. Bị lôi cuốn đến nỗi tác-giả đặt vào cửa miệng Thúc-sinh một câu thơ không đẹp gì cho truyện Kiều :

Đường xa chóe ngại Ngổ Lào.

Nhìn về vị-trí và lịch-sử địa dư, đáng lẽ Nguyễn-Du phải viết... chóe ngại Mãn Mông hay Tần Sở.

Ở Tây-phương có nhiều minh-chứng cho thuyết trên. Gần đây thi-sĩ Eugen Gomrigé (sinh năm 1924 ở Bolivie, giỏi nhiều thứ tiếng, Tây-Ban-Nha, Đức, Pháp, Anh) có ví các chữ như bóng chập chờn hay các trò chơi của âm thanh trong một bài thơ tạm dịch như sau :

*Les mots sont ses ombres
(Các chữ là những cái bóng)*

Les ombres derienent des mots
(Những bóng ấy trở thành chữ)

Les mots sont des jeux
(Các chữ là những trò chơi)

Les jeux sont des mots
(Các trò chơi là những chữ)

Về tiểu-thuyết mới, đáng kể là Philippe Sollers, cầm đầu nhóm Tel quel. Trong cuốn tiểu thuyết ngắn « Drame », ông đã tả cuộc vật lộn giữa « chữ » và « người-cầm-bút » trước những tờ giấy trắng. Còn nữ tiểu-thuyết-gia, Marguerite Duras cảm thấy hiện-tượng sau đây: « Khi tôi viết, hình như người nào khác nói lên và giục tôi ghi lấy. Bỗng nhiên, trở thành dòng chữ, cứ trường thành mãi lên, tự tổ-hợp lại. Tôi là cái mồi của một cái gì, nhưng nói ra thật là trơ trẽn (Je suis la proie de quelque chose, mais c'est impudique de le dire.)

Xin đan cử thêm giai-thoại sau đây, xảy ra trước thịnh-thời Cơ-cấu. Paul Valéry, một nhà thơ thời danh, một hôm, cho ra đời bài thơ bất hủ *Le cimetière marin* (Nghĩa trang thủy-thủ) được nhiều thi-sĩ hoan-ngheh nhưng đa số vẫn cho là khó hiểu. Bài thơ được giáo-sư Gustave Cohen mang ra giảng tại giảng đường đại-học Ba-lê. Biết tin trên qua báo chí, tác-giả Paul Valéry trà-trộn vào đám sinh-viên để ngồi nghe. Hết giờ, trước sự ngạc-nhiên của thính giả, thi-sĩ bước lên bắt tay giáo-sư và cảm ơn: « Nhờ giáo-sư, hôm nay tôi mới thực-sự hiểu hết cái hay trong bài thơ của tôi.» Thế là Bá-Nha P. Valéry gặp được Tử-Kỳ G. Cohen rồi. Thế là cung

đàn của Thúy-Kiều gặp được bạn tri âm nơi Kim-Trọng ! Tội nghiệp cho thi-hào Tố-Như đã cả đời ôm hận không gặp được bạn đồng-điệu và giờ lâm chung còn lằm-bằm :

Bất tri tam bách dư niên hậu,

Thiên hạ hà nhân khấp Tố-Như.

(Không biết ba trăm năm sau, trong đời có ai (là kẻ hiểu và) khóc Tố-Như này chẳng ?)

Phê-bình không đếm xỉa tới tác-giả

Đoạn trên đã giới thiệu tạm đủ loại « sáng tác không tác giả. Đoạn này xin trình bày sơ-lược về « đọc » và « phê bình » không đếm xỉa tới hoàn-cảnh xã-hội, thân-thể, tâm-sự của tác-giả; gọi tắt là « Phê bình không tác-giả ». Phê bình này thoát thai từ ngữ-học cơ-cấu của F. Saussure và từ nhóm ngữ-học Prague (Cercle de Prague). Lúc đầu nó chú-trọng vào hình-thức (forme), dần-dần nó áp dụng thành công vào các chuyện cổ-tích (Propp) vào các chuyện thần-thoại. Nay nó đâm ra nhiều chi-nhánh: nào tế-nhị linh-động dưới ngòi bút của Barthes, nào biến sinh (génétique) với L. Goldmann, nào biện-chứng với J. Kristeva, nào hình-thức-nghĩa (forme-sens) với Ricardou v.v... Vinh-hạnh nhất cho nó là được áp-dụng và giảng dạy lại các học đường: với sách ngữ-pháp cơ-cấu (grammaire structurale) với các bài giảng-văn cơ-cấu thay thế cho phương-pháp của Lanson. Trong khuôn-khổ bài báo này, chúng tôi chỉ chú ý riêng về « Phê-bình Cơ-cấu » của Jean Ricardou, một chi-nhánh cơ

như là sắc cạnh và cực đoan nhất trong vườn Cơ-cấu.

Jean Ricardou vừa viết tiểu-thuyết, (« L'observatoire de Cannes » 1961) truyện ngắn (Révolutions minuscules, 1971) vừa là lý-thuyết-gia về Tân-Tiểu-thuyết rất được các sinh-viên và giáo-sư trẻ hoan-ngheh (ví-dụ cuốn « Pour une théorie du nouveau roman » 1971). Từ năm 1962 ông đứng trong nhóm « Tel quel » nhưng vừa đây, vì vài ý kiến bất đồng, ông tách rời, hầu như độc-lập và trong các buổi hội-thảo, ông thường « đập » J.P. Sartre bằng những « chùy » rất nặng.

Năm 1970, giữa cuộc hội-thảo ở Đại-học Strasbourg ông đưa ra cái thuyết « Chữ để ra chữ » (*Les mots générateurs*). Cũng như các giáo-sư M. Foucault, Derrida, ông xướng lên lối « phê bình không tác-giả ». Mấy giáo-sư Đại-học Văn-khoa nhiệt-liệt hoan-ngheh những đoạn phân-tích các cơ-cấu và ngôn-ngữ trong mấy cuốn Tân-Tiểu-thuyết. Một giáo-sư thánh giá chất-vấn Ricardou :

— Nếu như trong một cuốn tiểu-thuyết có những chữ, (1) những hình ảnh lập đi lập lại nhiều lần thì ông bạn J. Ricardou có cho đấy là một ám-ảnh (une obsession) căn rọi bằng kính phân-tâm-học không ?

— Không cần (J. Ricardou trả lời). Vì làm như thế là bỏ quên bản chính-văn để đuổi theo một lý-thuyết tâm-lý rồi ! Tại sao lại cứ « phóng » (projeter) vào chính-văn những lý-thuyết ngoại-lai, như duy-tâm-lý, duy-xã-hội v.v... (Trước kia, các nhà thiên-văn-học

quan-sát nguyệt-cầu từ đằng xa xa để phỏng đoán ; nay đến lúc họ đặt chân và quan-sát tại chỗ). Nay cũng đến lúc, phê-bình-gia bỏ lẽ lối chạy quanh tác-phẩm và đi thẳng ngay vào lòng chính-văn. Hãy bắt đầu đọc chính-văn đi ! (Lecture textuelle).

— Vậy sao trong bản phân-tích một Tân-Tiểu-thuyết ông bạn Ricardou lại nhất và nêu ra tất cả các chữ gọi màu vàng ?

— Là vì tôi muốn xem « màu vàng » ấy (le jaune) đã sinh hoạt hay sinh đẻ ra sao trong tác phẩm. Không, tôi không hề coi đó là một ám-ảnh.

— Ừ ra sự lập lại cũng tổ cáo một khía cạnh tâm-lý nào chứ ?

— Không, nhất định không tâm-lý hay tâm-hồn nào cả ! Hãy cứ đóng khung trên bình-diện từ-nguyên-học (au niveau lexical) mà thôi !

— Nghĩa là ông chủ trương một thứ Phê-bình không tác giả !

— Tác giả ! Tác giả đã là cái bóng ma quấy rầy phê-bình cũ. Xin các bạn cứ đọc lại các thư-tín của Flaubert, các bạn sẽ thấy ông này đã hơn một lần thú-nhận là bị « qua mặt » bởi kỹ thuật viết, nghĩa là Flaubert bị chi phối bởi ngòi bút, bởi cơ-cấu của câu văn và cốt-truyện, khó bề cưỡng lại được. Chúng ta nên nhớ : văn cũng như Đạo của Lão-Tử : tự nó sinh ra một, một sinh ra hai, hai sinh ra ba và hằng hà sa số. Con người (tác-giả) đừng can thiệp vào vì chỉ tổ làm lệch lạc các tiến-triển tự-nhiên !

(1) Tạm lấy ví dụ bên nước ta : trong Truyện Kiều chữ *gương* dùng tới 18 lần, chữ *huơng* 62 lần.

— Ông bạn Ricardou nghĩ gì về môn Giảng-văn (Explication française) từ thời Lanson, Bézard, đến nay vẫn còn áp-dụng nơi học đường.

— Ở một vài học-đường, giờ ấy là giờ « dạy tán rộng » (1) (école du bavardage). Còn nói chung thì vẫn mắc cái « bệnh nặng » đem phân tách ra hình-thức và nội-dung. Theo ngữ-học mới, sự phân-tách ấy rất giả tạo. Trong một bản chính-văn, ngôn-ngữ để ra nghĩa, vậy hình-thức và nghĩa (forme-sens) là một, là bất-khả phân-tích.

— Văn-sĩ Ricardou nhận-định đúng (lời của Bà giáo-sư Durry, Đại-học Văn-khoa Ba-Lê) nhưng chỉ đúng về khía cạnh ngôn-từ thôi ! Văn-sĩ đã gác bỏ các trạng-thái khác của tác phẩm. Tiếc thay !

— Thừa bà, chúng ta đã quyết-định đoạn tuyệt với Phê-bình cũ và nhất định đưa Tân Phê-bình lên địa vị một Khoa-học về Văn-chương (Science des Lettres) thì chúng ta phải thận-trọng từ bước đầu... Đầu óc chúng ta hãy còn vướng mắc nhiều dây nhợ cũ.

Qua mấy trang lượt-thuật trên đây, J. Ricardou tỏ ra rất tự-túc tự mãn, với thuyết « Chữ để ra chữ, ra nghĩa » của ông ta. Cũng có phút ông đi đến chỗ « độc-tài » làm vài thính giả cười chề diễu.

Trong một dịp khác, một ký giả hỏi Jean Ricardou :

« Theo quan niệm mới của ông, nên lấy cái gì làm tiêu-chuẩn để đánh

giá một văn phẩm ? » Không ngần ngại, ông trả lời : căn cứ vào mức độ hoạt động đang diễn ra trong chính văn của văn-phẩm ấy (au degré d'activité qui se produit dans le texte.)

Ông lấy cuốn Tân-tiểu-thuyết « La bataille de Pharsale » của Claude Simon làm ví dụ. Theo ông, những « danh-từ-mẹ » (mots générateurs) trong tiểu thuyết trên là mấy câu thơ của P. Valéry in ở trang đầu sách (Tựa như tám câu thơ đầu của Truyện-Kiều mà các giáo sư vẫn quen miệng gọi là đoạn lung khởi đã để ra hơn 3.200 câu lục-bát).

Thứ đến những « danh-từ-mẹ » như chữ chỉ *Màu vàng* (Le jaune) trong *Bataille de Pharsale*. Chữ « Jaune » để ra Or, rồi để ra Oriane, Oro, Orion v.v... Tựa như trong Truyện-Kiều âm « hồng » dùng tới 58 lần, để ra « hồng-quân, hồng-quần, buồng điều, má đào v.v... Ngược lại với màu hồng là màu xanh, « hồng » và « xanh » đối chọi nhau trong câu :

Trời xanh quen với má hồng đánh ghen.

hay ai oán như trong hai câu :

Đầu xanh đã tội tình gì,

Má hồng đèn (2) quá nửa thì chưa thôi.

(2) Cũng đúng ở Việt-Nam vào giờ « Giảng-văn ». Chưa thấy các giáo-sư trẻ nước ta lên tiếng xin cải cách môn bình-giảng văn-chương.

(2) Theo bản hiệu-định của chúng tôi là « đèn ». Đa số các bản quốc ngữ khác đều in là « đến ».

Cũng như các tân tiểu-thuyết-gia Tây-phương Nguyễn-Du cũng mang tên các nhân-vật ra đùa dỡn. Do chữ « Thúc » nghĩa là bó tay, Tố-Như viết :

Mà chàng Thúc đã ra người bó tay

Tiếng « Bạc » nghĩa là tiền bạc, là bạc tình. Do đó, « để » ra câu thơ hàm hai ba nghĩa :

Bạc đến mặt bạc, kiếm đường cho xa cũng như từ chữ « Hải » là « bề » để ra câu :

Rằng : « nay bốn bề không nhà,

Lý thú là chữ Trọng được đặt ở cửa miệng trình nữ Thúc-Kiều vang từ bên kia bức tường sang tại Kim Trọng :

Chiếc thoa nào của mấy mươi

Mà lòng Trọng nghĩa khinh tài xiết bao !

Duyên mới bén mà tên húy của mình được nói lên một cách trân trọng như vậy, thử hỏi chàng Kim hồi hộp biết bao ! Chữ « Trọng » lại còn chọi với chữ « khinh » ngay trong câu. Hơn nữa, nếu chữ « trọng » làm

đầu mối cho cuộc tình duyên, thì ở cuối truyện, chữ Kim đáp ứng lại nhiều lần để hoàn thành mối tình son sắt lứa đôi.

Cũng là phận cải duyên Kim

Ấy ai hẹn ngọc, thề vàng

Bây giờ Kim-mã ngọc đường với ai
Hay câu : *Bấy lâu đáy bể mò Kim*

Vài dẫn-chứng trên tỏ ra Truyện-Kiều cũng mang nhiều tính chất « tân thời » (la modernité) không thua kém gì những « mots générateurs » rải rác trong các sáng tác mới của Tây-phương.

Sau khi đã minh-họa thuyết « Chữ để ra chữ và ra nghĩa » bởi những thí-dụ Tây và Đông, nay chúng ta thử xem J. Ricardon đã thể-hiện « thuyết » ấy ra sao trong công việc « sáng chế » (la fabrication), (danh từ của ông) trong truyện ngắn « Một cuộc dạo chơi trắc trở (1) ».

(còn tiếp 1 kỳ)

BÙI HỮU SÙNG.

(1) Xin độc giả đọc bản dịch truyện này của Giáo sư Trần-Đình-Ý trên số tới đây.

Đã phát hành :

TINH SƯƠNG

Thơ VÔ CHÂN CỬU

Bìa Cao Nam Tiến — Thi Ca xuất bản

- * Âm vang tịch mịch tự Buổi Ban Đầu tới giờ Tịch Minh của Trời Đất.
- * Tiếng gọi thiết tha của cõi Quê Nhà Chiêm Bao.
- * Phải lâu lắm người ta mới nghe lại được những âm thanh như thế.

Sách in hoàn toàn trên giấy trắng tốt.

ĐÃ PHÁT HÀNH :

CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA

GIẢI NOBEL VĂN CHƯƠNG 1961

của nhà văn Nam-tư **IVO ANDRITCH**

bản dịch của **NGUYỄN HIẾN LÊ**

- ★ Câu chuyện về lịch sử trên 300 năm của một chiếc cầu được xây cất từ thế kỉ XVI.
- ★ Truyện kể lại các cuộc xâm lăng, phong trào quốc gia, xã hội . . . của một dân tộc anh dũng chịu cái ách thống trị của Thổ rồi của Áo được ghép vào những biến cố gia đình của ba bốn giống người mâu thuẫn nhau về quyền lợi, tín ngưỡng, lối sống : Thổ, Nam-tư, Áo, Do-thái.
- ★ Tác giả vừa là một học giả, vừa là một nghệ sĩ, kể chuyện rất hấp dẫn, phân tích tâm lý sâu sắc ; giọng văn khi thì hùng hoặc bi, có lúc lại hài hước, lắm chỗ nên thơ, triết lý nhẹ nhàng. Thú vị nhất là đọc truyện người mà tưởng như đọc truyện mình : tâm lý con người thời nào, nơi nào cũng như nhau. Mỗi năm có một giải văn chương Nobel nhưng mười năm chưa chắc đã gặp được một truyện như truyện : **CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA**.

TRÍ ĐĂNG xuất bản và phát hành

19 - 21, Nguyễn Thiện Thuật SAIGON 3

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin lễ thành hôn của :

TRẦN-CÔNG-CHÍN (Đà-nẵng) **HÀ-THỊ TUYẾT-ANH** (Hội-an)

Thành thật chia vui và chúc mừng **ANH-CHÍN** hạnh phúc trăm năm.

Lê-Phước-Quơn — Saigon

TIN MỪNG

Được hồng thiệp báo tin cùng ngày 15-12-1972 (nhằm ngày mừng 10 tháng 11 năm Nhâm Tý), hai giáo sư đồng nghiệp, đồng trường, sẽ làm lễ thành hôn :

Cặp **HUỲNH NGỌC ẮN**
NGUYỄN THỊ HUỆ

(Hôn lễ cử hành tại Long-xuyên)

Cặp **LÊ VĂN BÁO**
NGUYỄN THỊ LỘC

(Hôn lễ cử hành tại Rạch-giá)

Thành thật chia vui và chúc mừng **ẮN-HUỆ** và **BÁO-LỘC** bách niên và thường xuyên hạnh phúc.

Hiệu Trưởng và toàn thể giáo sư, nhân viên
Trường Trung học Kiên Thành (Kiên Giang)

Nhà Xuất-Bản LÁ-BỐI

Giám-đốc sáng lập : Nhất-Hạnh

Lô O, 121, Chúng-cư Minh-Mạng Saigon 10



Mời đọc những tác phẩm sau đây :

● NHỮNG TẬT BỊNH THÔNG THƯỜNG
TRONG LỬA TUỔI HỌC TRÒ

của bác sĩ Đỗ-Hồng-Ngọc

● THÂN PHẬN — *thơ tái bản lần III*

của Hoài Khanh

● CHOPIN, nhà thơ của Âm-Nhạc

của Guy de Pourtalès — Vũ-Đình-Lưu (dịch).

● ĐƯỜNG THI *của* Trường-Xuân Phạm-Liễu

Và những tác phẩm đang lên khuôn :

△ GÓP NHẬT CÁT ĐÁ

của Thiên-sư Muju, Đỗ Đình-Đồng (dịch)

△ CHIẾN QUỐC SÁCH

Giản-Chi và Nguyễn-Hiến-Lê

△ BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ

của Will Ariel Durant — Nguyễn Hiến-Lê (dịch)

△ SỬ KÝ CỦA TƯ-MÃ-THIÊN

Giản-Chi và Nguyễn Hiến-Lê

△ TÌNH NGƯỜI *của* Tâm-Quán.

Đến tại LÁ BỐI mua sách được trừ hoa hồng.

Lịch sử và chiến tranh^(*)

Chiến tranh là một trong những sự thực lịch sử thời nào cũng xảy ra; Khi loài người bắt đầu văn minh, nó cũng không bớt, mà khi chế độ dân chủ xuất hiện, nó cũng không giảm. Trong 3421 năm gần đây chỉ có 268 năm là không có chiến tranh. Chúng ta đã chấp nhận rằng chiến tranh là hình thức phát triển nhất của sự ganh đua, sự đào thải tự nhiên trong loài người với nhau. Triết gia Hi Lạp Héraclite (thế kỉ thứ VI trước T.L.) đã nói rằng chiến tranh (hoặc sự ganh đua) là mẹ của mọi sự, nguồn gốc của mọi ý tưởng, phát minh, chế độ, cả của các Quốc gia nữa. (*Polemos pater panton*). Hòa bình chỉ là một thể thăng bằng không bền, và chỉ có thể duy trì được khi hai bên lực lượng ngang nhau, hoặc một bên chịu nhận ưu thế của bên kia.

Nguyên nhân của chiến tranh cũng vẫn là những nguyên nhân của sự ganh đua giữa cá nhân, tức bản năng thủ đắc, tính hiếu chiến, tính tự tôn, tự phụ, lòng ham muốn chiếm thức ăn, đất đai, nguyên liệu, nhiên liệu, và lòng ham thống trị. Quốc gia cũng có những bản năng đó như chúng ta, nhưng lại không có những cấm chỉ của chúng ta. Cá nhân chấp nhận những hạn chế do luân lí và luật pháp đặt ra, bắt mọi người phải theo; cá nhân chịu thôi không đánh nhau nữa mà ngồi thảo luận với

nhau, sợ dĩ vậy chỉ là nhờ Quốc gia bảo đảm cho cá nhân được hưởng một sự bảo vệ tối thiểu về sinh mạng, của cải và quyền lợi. Còn Quốc gia thì không chịu chấp nhận một sự hạn chế quan trọng nào cả, hoặc vì nó khá mạnh để bất chấp mọi sự ngăn cản ý muốn của nó (1) hoặc vì không có một Siêu-Quốc-gia nào có thể bảo đảm cho nó một sự bảo vệ tối thiểu (2) không có một bộ luật nào, một luân lí quốc tế nào có đủ thực lực.

Ở cá nhân, lòng tự phụ gây ra các cuộc cạnh tranh; còn các dân tộc thì tinh thần quốc gia đưa tới hoặc mưu thuật (ngoại giao) hoặc là chiến tranh. Khi các Quốc gia châu Âu đã trút bỏ được sự giám hộ của các giáo hoàng (3) thì Quốc gia nào cũng khuyến khích tinh thần quốc gia, đề hỗ trợ cho lực quân hoặc hải quân. Khi một nước nào đoán trước sẽ có cuộc xung đột với một nước khác thì chính quyền nước đó kêu trong lòng quốc dân ngọn lửa oán ghét nước kia, rồi tìm ra những khẩu hiệu kích thích nổi oán ghét đó tới cực độ; đồng thời người ta không ngớt tuyên bố hoài rằng mình chỉ muốn hoà bình.

(*) Xin xem từ bài « Lịch sử và kinh tế » trên Bách Khoa 380 (1-11-1972).

(1) Như Nga, Mi ngày nay.

(2) Như Israel và các quốc gia Ả Rập ngày nay.

(3) Cuối thế kỉ XVIII và đầu thế kỉ XIX

Sự khiêu động, điều lí tình thần bại ngoại đó chỉ xảy ra trong những cuộc xung đột tầm thường nhất ; ở châu Âu người ta ít khi dùng tới cách đó từ những chiến tranh tôn giáo ở thế kỉ XVI tới những chiến tranh của cuộc Cách mạng Pháp, thế kỉ XVIII. Trong khoảng thời gian đó, dân chúng các nước lâm chiến được tự do tôn trọng nền văn minh của nhau ; Pháp đánh nhau với Anh mà người Anh vẫn được đi lại thông thả trên đất Pháp ; trong chiến tranh Bảy năm [chiến tranh giữa Anh, Phổ và Pháp, Áo, Nga : 1756-63], người Pháp và Đại đế Frederick [vua Phổ, bạn thân của Voltaire] vẫn tiếp tục ngưỡng mộ lẫn nhau. Ở thế kỉ XVII và XVIII, chiến tranh là sự xung đột giữa các quý tộc (tức các vua chúa) chứ không phải là giữa các dân tộc. (1). Tới thế kỉ thứ XX, do sự cải thiện các phương tiện giao thông, chuyên chở, cải thiện khí giới, và các cách tuyên truyền nhồi sọ, mà chiến tranh thành sự xung đột giữa các dân tộc, chẳng những các chiến sĩ ngoài mặt trận mà cả những thường dân ở hậu tuyến cũng phải liên lụy, và từ đó « chiến thắng » có nghĩa là tiêu diệt một cách triệt để mọi của cải và sinh mạng. Ngày nay chỉ một chiến tranh thôi cũng đủ phá hủy trọn kết quả của mấy thế kỉ xây dựng : thị trấn, nghệ phẩm và tất cả những ích lợi của văn minh. Đề bù lại, và cũng tựa như đề được miễn tội, chiến tranh cũng làm cho khoa học và kĩ thuật tiến bộ, và những phát minh sát nhân có thể một ngày kia (2) giúp cho các thực hiện vật chất trong thời bình mau phát

triển, miễn là từ nay tới đó, thế giới không bị tàn phá hoàn toàn, nhân loại không trở về tình trạng dã man mà các phát minh đó không bị chôn vùi luôn, không ai còn nhớ nữa.

Ở thế kỉ nào cũng vậy, các tướng lĩnh và các quốc trưởng (trừ vài trường hợp rất hiếm như Açoka và Auguste (3), đều chế giễu các lời phản

(1) Tác giả vẫn chỉ xét riêng ở châu Âu. Ở Đông Á chúng ta, cho tới thế kỉ XIX, chỉ có chiến tranh xâm lăng. Trung Hoa khi mạnh thì xâm lăng các nước ở chung quanh (trừ Nhật Bản vì cách biển) để mở mang bờ cõi ; khi yếu thì bị các dân tộc chung quanh — nhất là các dân tộc du mục ở phía Bắc và phía Tây — xâm lăng. Dân tộc ta đời Lí, thừa lúc nhà Tống suy vi, cũng tính chiếm Hoa Nam nhưng không thành công.

Trung Hoa thời đó vì đất đai quá rộng, vì thiếu phương tiện hoặc vì chưa giỏi về tổ chức, kĩ thuật, nên không biết bóc lột, khai thác triệt để các nước bị họ chiếm, và cơ hồ chỉ chú trọng tới sự đồng hóa các dân tộc chung quanh thôi.

Rồi từ thế kỉ XIX, Đông Á (kể cả Trung Hoa) lại bị những chiến tranh xâm lăng của người da trắng tàn nhẫn hơn nhiều, hiện nay vẫn chưa dứt.

(2) Tác giả viết cuốn này năm 1967 vậy lúc đó ông còn cho rằng thế giới vẫn chưa hòa bình, thế chiến thứ nhì vẫn tiếp diễn dưới một hình thức khác.

(3) Açoka là một ông vua Ấn Độ, rất mộ đạo Phật ; dưới triều đại ông (273-232) đạo Phật thịnh nhất, bành trướng mạnh nhất (Coi Lịch sử Văn minh Ấn Độ — Lá Bối, 1971).

Auguste là ông vua đầu tiên của La Mã, sanh năm —63 chết năm + 14. Cả hai ông vua đó mới đầu đều dùng binh lực để thống nhất quốc gia, thành công rồi thì trị dân một cách nhân từ và không đưa chiến tranh.

kháng rứt rề của các triết gia đối với chiến tranh. Theo thuyết giải thích lịch sử bằng chiến tranh, thì chiến tranh là sự điều đình tối hậu (1); nó được mọi người — trừ bọn hèn nhát, ngây thơ — cho là tự nhiên, cần thiết. Charles Martel thắng quân Hồi giáo ở Poitiers (năm 732), đã chẳng tránh cho Pháp và Y-Pha-Nho khỏi bị Hồi-hóa đấy ư? Nền văn minh cổ điển của chúng ta nếu không được bảo-vệ bằng khí giới, chống với các cuộc xâm lăng Mông-cồ và Hung-nô thì phương Tây chúng ta đã ra sao? Chúng ta mĩa mai các tướng lãnh chết trên giường bệnh giữa vợ con (mà quên rằng sống, họ có ích cho chúng ta hơn là chết chứ), nhưng chúng ta dựng tượng cho họ khi họ hạ được một Hitler, một Thành Cát Tư Hãn. Bọn tướng lãnh bảo có biết bao thanh niên chết trên chiến trường, điều đó tuy đáng tiếc thật, nhưng số thanh niên chết vì tai nạn xe hơi còn nhiều hơn, mà nhiều thanh niên vì thiếu kỉ luật mà hay chống đối chánh quyền, nổi loạn hoặc sống một đời trụy lạc; tính ham chiến đấu, mạo hiểm, ghê tởm cuộc sống bình thường của họ cần có một lối thoát; mà sớm muộn gì họ cũng sẽ chết thì tại sao lại chẳng để họ say mê chết cho quốc gia vì chiến tranh, trong sự vinh quang rực rỡ? Ngay một triết gia nếu thuộc sử tất cũng phải nhận rằng hòa bình mà kéo dài lâu quá thì tinh thần chiến đấu của một dân tộc có nhiều phần chắc sẽ bị suy giảm không sao cứu được. Hiện nay luật pháp quốc tế còn thiếu sót quá, ý thức bốn bề một

nhà còn ít được phổ biến quá, vậy thì dân tộc nào cũng phải chuẩn bị sẵn sàng đề tự bảo vệ bất kì lúc nào; và khi những quyền lợi cốt yếu cho sinh mệnh của mình bị lâm nguy thì mình phải có cái quyền dùng bất kì phương tiện nào nếu thấy nó cần thiết cho sự sống còn của mình. Thập giới [Thượng đế ban cho Moise] phải làm thình đi, khi giết người là một vấn đề sinh tử. (2)

Bọn tướng lãnh nói tiếp: hiển nhiên là ngày nay Mĩ phải lãnh cái nhiệm vụ mà Anh đã làm một cách rất hoàn hảo ở thế kỉ XIX: bảo vệ văn minh phương Tây khỏi bị những tai họa từ ngoài vô. Các chính quyền cộng sản, nhờ giữ được mức sinh suất cũ (3) và có được những khí giới mới, không giấu giếm gì cả, nói thẳng rằng họ quyết tâm diệt chế độ kinh tế và sự độc lập của các nước không cộng sản. Các quốc gia tân lập vẫn ước ao có một cuộc cách mạng kĩ nghệ để giàu mạnh lên, bị mê hoặc và chóa mắt khi thấy ở Nga áp dụng chính sách kinh tế do Quốc gia chỉ huy mà kĩ nghệ phát triển rất mau; chế độ tư bản phương Tây rốt cuộc có thể là

(1) Nghĩa là chỉ có chiến tranh mới giải quyết được mọi sự.

(2) Trong thập giới (mười điều cấm), giới thứ năm cấm giết người.

(3) Vì họ cấm sự ngừa thai, không hạn chế sinh sản, sinh suất của họ vẫn vào khoảng từ 2 tới 3% mỗi năm, còn ở Âu, Mĩ chỉ vào khoảng 1%. Nhờ vậy dân số họ tăng lên mau hơn. Nhưng ở Trung-Cộng hiện nay, người ta đã bắt đầu áp dụng chính sách ngừa thai rồi.

sản xuất được nhiều hơn, nhưng phương pháp của họ có vẻ chậm chạp hơn; những chính quyền mới muốn sử dụng tài nguyên và nhân lực trong nước, để bị sự tuyên truyền của Cộng sản cám dỗ, hậu quả là Cộng sản xâm nhập lần lần rồi phá hoại. Vậy nếu không ngăn chặn lại bước tiến của Cộng sản thì Á, Phi và Nam Mĩ sớm muộn gì cũng sẽ đứng vào khối Cộng mất, chỉ là một vấn đề thời gian thôi. Trong hoàn cảnh đó Úc, Tân-Tây-Lan, Bắc Mĩ và Tây Âu sẽ bị kẻ thù bao vây mọi phía. Ta thử tưởng tượng tình trạng đó sẽ ảnh hưởng tới Nhật, Phi Luật Tân và Ấn Độ, hoặc tới đảng Cộng sản mạnh mẽ ở Ý ra sao; mà một thắng lợi của Cộng sản Ý sẽ tác động tới phong trào Cộng sản ở Pháp ra sao? Anh, Thụy Điển, Na Uy, Phần Lan, Hòa Lan, Tây Đức sẽ phải tùy thuộc một lực địa đại đa số theo Cộng, Cộng bắt sao họ phải chịu vậy. Bắc Mĩ hiện nay quyền lực lên tới tột đỉnh, có chịu qui phục, nhận tai họa đó không, thu hình trong cái vỏ sò, để cho các nước kinh địch kia bao vây, chặn đường tiếp tế nguyên liệu, cắt đứt các thị trường, và như mọi dân tộc bị bao vây, bắt buộc phải bắt chước kẻ thù của mình, thiết lập chế độ độc tài về mọi khu vực kinh tế, mà kinh tế hết được tự do, kích thích nữa, Bắc Mĩ có chịu nhận tình trạng đó không? Các chính quyền Mĩ có nên chỉ quan tâm tới ý kiến của thể hệ hiện nay chỉ ham hưởng lạc, không chịu nhìn thẳng vào vấn đề sinh tử đó; hay là

cũng nên nghĩ tới những thể hệ sau này nữa, mà hành động như họ ước ao ông cha họ hành động? Chống cự lại ngay đi có phải là khôn hơn không? Đem ngay chiến tranh vào nội địa của địch đi, chiến đấu tại nước họ, nếu cần thì hi sinh một trăm ngàn sinh mạng Mĩ, và có lẽ, một triệu thường dân không chiến đấu nữa, để được trở lại thành một nước Mĩ tự do, sống theo ý mình, trong sự độc lập và an toàn, như vậy có phải là khôn hơn không? Chính sách dài hạn đó chẳng hoàn toàn phù hợp với những bài học của lịch sử đấy ư?

Phe triết gia đáp: «Phải, phù hợp đấy», nhưng hậu quả tai hại cũng sẽ phù hợp với lịch sử nữa, chỉ khác là những hậu quả đó sẽ tăng lên theo số đông và tốc độ di động của các lực lượng chiến đấu, và theo sức tàn phá kinh khủng phi thường của các khí giới. Còn có cái gì lớn lao hơn lịch sử nữa. Có những lúc mà nhân danh nhân loại, chúng ta phải từ chối không bắt chước cả ngàn những việc đáng tiếc đã xảy ra, và can đảm áp dụng Hoàng kim qui-tắc (1) vào các dân tộc, như vua Phật giáo Aśoka đã làm năm 262 trước T.L, hoặc ít nhất thì cũng như Auguste khi ông ra lệnh cho Tibère (2) đừng tiến sâu vào

(1) Tức qui tắc: kỉ sở bất dục, vật thi ư nhân (điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người khác).

(2) Vừa là tướng vừa là con rể của Auguste, kế nghiệp Auguste, thành Hoàng đế thứ nhì của La Mã (— 42, / + 37).

xứ Germanie nữa (năm 9 sau T.L.). Dù phải trả giá nào chăng nữa, chúng ta cũng không được phạm cái tội gây ra cả trăm vụ Hiroshima ở Trung Hoa. Edmund Burke đã nói: «Về chính trị, đức đại độ nhiều khi mới thực là khôn khéo sáng suốt, và không có sự thích hợp giữa một đại đế quốc và một tinh thần ti tiểu.» (1) Chúng ta thử tưởng tượng một vị Tổng thống Mỹ nói với các nhà lãnh đạo Nga và Trung Hoa:

«Nếu chúng tôi cứ theo những luật truyền thống của lịch sử thì chúng tôi phải tuyên chiến với các ông liên, vì e rằng chỉ trong một thế hệ nữa các ông cũng sẽ tuyên chiến với chúng tôi. Hoặc giả, nếu không vậy thì chúng tôi phải noi cái gương ô nhục của Đồng minh Thần thánh năm 1815 (2) mà dùng tiền bạc cùng tinh hoa của thanh niên chúng tôi để đàn áp mọi cuộc nổi loạn chống trật tự hiện tại trên khắp thế giới (3). Nhưng chúng tôi đã quyết định thử một giải pháp khác. Chúng tôi tôn trọng dân tộc và nền văn minh của các ông mà chúng tôi cho là vào hàng đáng chú ý nhất trong lịch sử. Chúng tôi sẽ rán tìm hiểu cảm nghĩ cùng ý muốn thực hiện chế độ Cộng sản của các ông, mà không sợ bị các ông tấn công. Phía các ông và phía chúng tôi, chúng ta đừng nên đề cho niềm sợ sệt lẫn nhau thúc đẩy mà gây ra chiến tranh, vì sức hiệu nghiệm phi thường của khí giới đôi bên sẽ làm cho vấn đề mang một yếu tố chưa từng thấy. Đây, chúng tôi đề nghị với các ông như vậy: các nhà đại diện của các ông và các

nhà đại diện của chúng tôi sẽ họp nhau trong một hội nghị thường trực để giải những mâu thuẫn của chúng ta, chấm dứt các hành động cừu địch, phá hoại lẫn nhau, và tài giảm binh bị. Mỗi khi chúng tôi ganh đua với các ông để thu phục một nước thứ ba nào thì chúng tôi chịu tuân theo kết quả cuộc đấu phiếu tự do của dân chúng nước đó. Chúng ta mở cửa nước chúng ta cho nhau vô, chúng ta tổ chức các cuộc trao đổi văn hóa để hiểu biết lẫn nhau hơn. Chúng tôi không sợ chính sách kinh tế của các ông thay thế chính sách của chúng tôi, và các ông cũng đừng sợ chính sách kinh tế của chúng tôi một ngày kia sẽ thay thế chính sách của các ông; chúng tôi tin rằng mỗi chính sách tiếp xúc với chính sách kia thì sẽ tự cải thiện đi và cả hai có thể sống chung với nhau, hợp tác một cách hòa bình với nhau nữa. Có thể mỗi nước chúng ta, vừa giữ những phương

(1) Do Seebolm dẫn trong cuốn *The age of Johnson* (Thời đại Johnson) (Chú thích của tác giả) Đại ý câu đó là một nước lớn đừng nên tính những chuyện nhỏ mọn.

(2) Sau khi thắng Napoléon ở Waterloo rồi đẩy ông ta ra đảo Thánh Hélène, các đồng minh Nga, Anh, Áo, Phổ họp nhau ở Vienne (Áo) năm 1815, tự ý chia cắt Âu châu với nhau, rồi Nga, Áo Phổ lập ra Đồng minh Thần thánh để giữ tinh thần huynh đệ giữa ba quốc gia «mà Thượng đế đã giao cho thiên chức đem lại hòa bình cho Châu Âu», nói trắng ra là để duy trì hiện trạng ở Châu Âu sau khi họ đã chia phần với nhau, mà bất chấp quyền lợi của các dân tộc khác.

(3) N-ì, Anh, Úc hiện nay dùng chính sách đó.

tiện tự bảo vệ thích đáng, vừa kí kết với các nước khác những hiệp ước bất tương xâm, bất tương phá hoại; những hiệp ước như vậy có thể tạo nên một sự thăng bằng trên khắp thế giới, mà mỗi quốc gia được tự chủ, độc lập, chỉ phải giữ những lời cam kết mà mình đã tự do ký thôi. Chúng tôi mời các ông hợp sức với chúng tôi để chống lại cái luật định mệnh lịch sử, để đem các luật lệ độ, văn minh áp dụng vào sự giao thiệp giữa các Quốc gia xem sao. Chúng tôi lấy danh dự thề trước toàn thể nhân loại rằng chúng tôi hoàn toàn tin tưởng và thành thực thử mạo hiểm xem sao. Dù chúng tôi có thua trong cuộc đánh cá lịch sử này thì tương lai cũng không thể tệ hơn cái tương lai nó chờ đợi chúng tôi nếu chúng tôi cứ khăng khăng theo chính sách truyền thống. Nhưng nếu các ông và chúng tôi mà thành công, thì chúng ta đáng được hậu thế mang ơn. »

Tới đây, phe tướng lãnh mỉm cười : « Các ông quên tất cả những bài học của lịch sử, ngay đến bản tính con người như ông đã tả, ông cũng quên nữa. Có một số xung đột sâu sắc quá không thể giải quyết bằng cách thương nghị được ; vả lại lịch sử cho ta thấy rằng trong các cuộc thương nghị kéo dài, hai bên cũng vẫn tiếp tục phá hoại lẫn nhau. Một trật tự cho cả thế giới không thể thành lập bằng một *gentleman's agreement* (giao ước bằng lời, lấy danh dự bảo đảm), mà chỉ có thể thành lập sau một cuộc đại thắng có tính cách quyết định tới nỗi một đại cường có thể bắt buộc các

quốc gia khác phải theo cái luật của mình đưa ra như một luật quốc tế, tựa như La-Mã từ thời hoàng đế Auguste tới thời hoàng đế Marc Aurèle (1). Những màn thế giới thăng bình đó trái với tự nhiên, vậy là lệ ngoại, chẳng bao lâu lại có một sự phân phối mới về vũ lực và cảnh thăng bình phải chấm dứt. Các ông đã nói với chúng tôi rằng bản tính con người là thích ganh đua, rằng những xã hội loài người thành lập, nhất định cũng mang cái tính cách ganh đua đó và luật đào-thải-tự-nhiên từ nay chuyển lên cương vị quốc tế. Chỉ khi nào các Quốc gia đều bị tấn công từ ngoài vào thì họ mới đoàn kết với nhau và hợp tác từ căn bản. Có lẽ ngày đó đương tiến lại gần đây ; có thể chúng ta sẽ phải đương đầu với những giống người tham lam, có dã tâm, từ các hành tinh khác hoặc từ các thái dương hệ khác đổ bộ xuống địa cầu chúng ta ; rồi ngay sau đó sẽ có một chiến tranh giữa các tinh cầu. Lúc đó và chỉ lúc đó, loài người trên Địa cầu này mới đoàn kết với nhau mà đồng cam cộng khổ. »

ARIEL và WILL DURANT

Trích trong cuốn « Bài học lịch sử » do Lá Bối sắp xuất bản.

(1) Auguste — coi chú thích ở trên — Marc Aurèle một hoàng đế kiêm triết gia La-Mã — sanh năm 121, mất năm 181. Trong hai thế kỉ đầu, kỉ nguyên từ Auguste tới Marc Aurèle, La-Mã cực thịnh, đế quốc La-Mã được hòa bình.

Lời bàn của người dịch.— Tác giả cho rằng nguyên nhân của chiến tranh là bản năng thù địch, ganh đua, tự phụ, hiếu chiến. Đúng cả đấy, nhưng những nguyên nhân đó chưa đủ giảng tại sao loài người được sự giáo hóa của đức Thích Ca, Khổng Tử, Lão Tử, Chúa Ki Tô... đã mấy ngàn năm mà vẫn tàn bạo hơn hết thảy các sinh vật khác, dùng tất cả các phương tiện khoa học nhất, dã man nhất để tận diệt đồng loại. Chúng tôi không nhớ một nhà sinh vật học nào đã nhận thấy rằng các loài vật luôn luôn nương rệ với đồng chủng, chẳng hạn loài cọp chỉ cần xé các loài khác chứ không cần xé những con cọp khác, loài hươu chỉ đá những loài khác, còn đối với con hươu khác làm cho nó bất bình thì nó chỉ dùng sừng thúc nhẹ cho con kia lùi đi thôi ; loài người trái lại đối với đồng loại, cả với đồng bào nữa, cả với con cái nữa, không chưa một cách giết chóc nào cả. Chỉ trong lịch sử nhân loại chúng ta mới thấy những cuộc diệt chủng đại qui mô, có tổ chức, như Thành Cát Tư Hãn, Hitler. Những chiến tranh tôn giáo ở châu Âu, những chiến tranh xâm lăng châu Mi, châu Phi thời trước, cuộc thế-chiến vừa rồi, các cuộc nội chiến Biafra và Đông Hồi, ngay cả cuộc chiến tranh Việt Nam hiện nay nữa, tàn khốc cơ hồ như không sao hiểu nổi...

... Gaston Bouthol, nhà xã hội học nổi danh của Pháp hiện nay, trong cuốn *Le phénomène guerre* (Hiện tượng chiến tranh) Payot — 1962 — tiến thêm một bước nữa cho rằng nhân loại không những có bản năng tàn phá mà còn có bản năng tự sát, mà nguyên nhân các cuộc tự sát đại qui mô, tức chiến tranh, là để lập lại một sự thăng bằng về nhân khẩu (*équilibre démographique*) (trang 97) và ông nhận thấy rằng — ít nhất là trong các thế kỉ đã qua — cứ sau một thời có nạn nhân mãn là có một chiến tranh lớn (trang 144) để loài người chết bớt đi, đỡ phải dùng chính sách giết trẻ con (*Infanticide différé* — trang 151). Nếu có thể di cư được để bớt nạn nhân mãn thì chiến tranh có thể tạm tránh được.

Ngay triết gia Bergson năm 1936 cũng viết : « Cứ để cho nữ thần ái tình Venus hành động thì chúng ta sẽ thấy thần chiến tranh Mars xuất hiện », nghĩa là loài người sinh sản nhiều quá thì sẽ có chiến tranh.

Chúng tôi nhớ Napoléon, sau một cuộc bại trận ở Áo (?) thấy sĩ tốt chết nhiều quá, bảo : « Không sao, chỉ một đêm ái ân của dân Paris là đủ bù được. »

Và Bouthoul kết luận rằng tài giảm binh bị không có hiệu quả bằng tài giảm sinh sản (*désarmement démographique* — trang 187) vì ông cho sự thăng hoa (*sublimation*) bản năng ganh đua, chiến đấu, nghĩa là hướng tinh thần chiến đấu của loài người vào những mục tiêu cao cả, không có hiệu quả lớn : nguyên nhân của chiến tranh không do bản năng ganh đua, chiến đấu mà do bản năng tự sát, tự hủy kia. Nếu vậy thì bi đát thật !

CHÚC MỪNG

Nhân ngày thành hôn 01-12-1972 của cặp tình nhân ĐỖ XUÂN QUANG và HỒ THỊ BÍCH HÀ.

Thân chúc đôi QUANG-HÀ được hạnh phúc trăm năm.

LÊ ĐÌNH BA, LÊ VĂN TRUNG, PHƯƠNG TẤN, NGUYỄN-KIM, NGUYỄN THIỆU-CHÂU, ĐOÀN HUY GIAO, NGUYỄN ĐỨC-LÊ và HẠ ĐÌNH THAO

Mua ngay, đọc kỹ

TỬ VI ÁO BÍ BIỆN CHỨNG HỌC

Đề khám phá — Đâu là chính thư, đâu là
man thư của khoa tử vi đầu số.

ĐÂY: 128 chìa khóa để mở kho tàng khoa Tử vi đầu
số: Từ thấp đến cao — Từ dễ đến khó.

- ✧ Người chưa biết tử vi đọc 20 giờ có thể biết lập
thành lá số trên giấy.
- ✧ Người biết sơ về tử vi đọc 15 ngày có thể đàm
luận và lập thành lá số trên bàn tay không cần tới
sách vở (Môn lập thành trên tay là môn bí truyền
từ trước đến nay chỉ dành cho các vị thiếu thị
giác).
- ✧ Người đã thông về tinh đầu thì độ số các sao giao
hợp, củng chiếu. Cũng như các định luật TÁC —
Nguyên lý ngũ hành tiêu trưởng — Định lý sinh khắc
— Quy luật Âm Dương — Định lý vãng phản thuận
nghịch cùng với ngũ cục tương quan biểu lý trong
các tam hợp cục để phân định: đâu là tam thập niên
tiền hợp với mệnh, đâu là tam thập niên hậu hợp với
thân. Cũng như định lý hợp, phản của Tuần Triệt.
- ✧ Đặc biệt có 200 bài Phú nôm — 300 bài Phú chữ mà
tác giả đã sưu tầm.

HÀ-LẠC DÃ-PHU VIỆT-VIỆM-TỬ

đã nghiên cứu và biên soạn để cống hiến quý độc giả.

Đã phát hành trên toàn quốc:

Tổng Phát hành THỐNG-NHẤT

117, Lê-Lợi SAIGON

Trường hợp Lĩnh-Nam Dật-Sử

Xưa nay những trường hợp mạo hóa thường vẫn xảy ra trong mọi lãnh vực. Có rất nhiều động cơ thúc đẩy kẻ gian thực hiện những tội phạm đó, nhưng xét cho cùng yếu tố quan trọng nhất vẫn không ngoài hai chữ cầu danh và cầu lợi.

Điều chúng ta ngạc nhiên hơn hết là thường sự đánh tráo tài liệu, nhất là trong lãnh vực văn học, sử học — tất nhiên không thể nói đến khía cạnh chính trị, tuyên truyền — người ta chỉ thấy xảy ra ở cá nhân, ở tư nhân hơn là ở một tập thể, một cơ quan nhà nước, lạ hơn nữa là ở cơ quan Tu thư của Bộ Giáo dục.

Chúng tôi đã có dịp trình bày cùng quý vị trường hợp quyền Dật-Sử (1), nhưng trường hợp này xảy ra có thể do sự vội vàng, thiếu cân nhắc, đến trường hợp sau đây mới thật là ngao ngán. Nó gây cho độc giả một sự chán nản, mất cả niềm tin khi bộ Giáo dục đã cho ấn hành quyền Lĩnh Nam Dật-Sử, (2) một tài liệu giả mạo trắng trợn để đánh lừa độc giả và học sinh. Cũng có thể do ở thái độ chán nản, bất tín nhiệm này mà nhiều bậc thức giả đã không buồn lên tiếng khi quyền Lĩnh Nam Dật-Sử tái xuất hiện (3).

Thật vậy, Lĩnh Nam Dật-Sử đã một lần xuất hiện trên Nam Phong Tạp chí và Học giả Hoàng Xuân Hãn đã phanh phui tính cách giả mạo của nó trong một bài báo «Đối với nhà khoa học, không thể giấu được sự thực» (Đời Mới 106). Cuốn Lĩnh Nam

Dật-Sử là một tiểu thuyết Tàu đời nhà Thanh và kẻ lưu manh «đã đổi tên vật tên người ít nhiều, rồi thêm tựa của Trần Nhật Duật để biến nó ra một tiểu thuyết nước ta về đời Trần đánh dân Mường Mán. Thế mà sách được dịch đăng trong nhiều số báo Nam Phong và được coi như là một bửu «vật» (4).

Thế mà bất chấp lời cảnh cáo của Ô. Hoàng Xuân Hãn, Trung tâm Học Liệu đã cho dịch lại và ấn hành «bửu vật» đó với đầy đủ tên tuổi Ma Văn Cao, Trần Nhật Duật, Trương Hán Siêu, Trần Quốc Toản (5).

Ta cũng có thể giả thiết dịch giả Bùi Đan và quý vị trong Hội đồng Duyệt sách Lĩnh Nam Dật-Sử đã không đọc bài đó (6). Nhưng không đọc quý vị lại càng dễ dàng cố ý bóp méo

(1) Xin xem, Bách Khoa số 377 (14-9-72)

Nhân tiện cũng xin đính chính : bài này lúc sắp chữ đã sắp lộn trang, nên lúc in lên tất cả phần [bắt đầu từ cột 1, hàng 3 (từ dưới lên) đến hết cột 2 trang 42, và trọn cột 1 trang 43], đúng ra phải đem lên trước 2 câu chót của cột 1 trang 41.

(2) Dịch giả Bùi Đan. Trung tâm Học liệu xuất bản, 1968.

(3) Chẳng hạn G.s. Nguyễn Văn Trung.

(4) Dẫn theo tài liệu của G.s. Nguyễn Văn Trung trong «Lược khảo văn học» quyền III. Nam Sơn xuất bản 1968 trang 22.

(5) Vị sau này chỉ thấy có tên ngoài bìa sách cho xôm trò kỳ dư trong sách chẳng thấy được nhắc đến.

(6) Chúng tôi, kẻ viết bài này, cũng không có tài liệu đó để đọc.

sự thật. Tự thân bản dịch Lĩnh Nam Dật Sử đã tố cáo dự mưu đó.

Đầu tiên là ông cử Nguyễn Tào, trong bài giới thiệu Lĩnh Nam Dật Sử đã cố gây cho độc giả tin một cách chắc chắn đó là sách của Trần Nhật Duật dịch, Trương Hán Siêu bình luận và nhất là câu chuyện xảy ra ở Việt Nam do một người Mường là Ma văn Cao viết.

Trước hết ông giới thiệu cho ta biết quá trình hình thành bộ sách. Từ lúc Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật được vua Trần Nhân Tông sai đến Đà Giang khuyến dụ Giốc Mật qui thuận, đến việc Ma văn Khái đem tặng một bộ sách của ông tổ 5 đời của ông là Ma văn Cao. Trần Nhật Duật là người thông thạo Man ngữ đã dịch ra Hán văn bộ sách đó, nhan đề là Lĩnh Nam Dật Sử vào năm 1297 niên hiệu Hưng Long thứ 5 triều Trần Anh Tông. Trong toàn bộ có lời phụ bản của Trương Hán Siêu (?)

Thứ đến ông giới thiệu vai chính trong truyện là Hoàng Quỳnh, người Thổ ở Đào hoa thôn, huyện Trình Hương thuộc Phong Châu (ông dừng lại ở địa danh này) đi thăm cô ở Tùng Hóa, giữa đường gặp nhiều trường hợp ngẫu nhiên duyên nợ ly kỳ. Sau còn được vua Thần Tông nhà Lý phong làm công thần, thụ tước Động An Hầu.

Thật rõ ràng, đầy đủ ai không tin cho được. Nhưng càng đọc truyện ta càng ngạc nhiên hơn và càng thấy lời giới thiệu của ông Cử Nguyễn ly kỳ

hơn là những kỳ duyên mà Phùng Ngọc đã gặp.

Đề độc giả dễ dàng theo dõi những điều phân giải ở sau chúng tôi xin tóm lược câu chuyện :

Hoàng Quỳnh, tự Phùng Ngọc, người Trình Hương, thôn Đào Hoa, Lạc Thành tuổi trẻ nhưng tư chất thông minh, văn võ kiêm toàn. Chàng được Thạch Tuyền sư cho một câu thần chú. Nhờ chú thần này Phùng Ngọc đã giải cứu cho gia đình Trương Thu Cốc ở Mai Hoa Thôn khỏi tay bọn cướp khi chàng đang trên đường đi thăm người cô ở Tùng Hóa đã mất liên lạc hơn 10 năm rồi. Vì ơn cứu tử Trương gia đem người con gái kiều diễm là Quý Nhi gả cho chàng. Tiếp đó Phùng Ngọc cùng cha vợ đi chơi Tây Hồ dự cuộc thi thơ gây oán với Hà Túc Tượng. Rồi chàng từ giã lên đường đi Tùng Hóa. Giữa đường chàng bị Lý Tiểu Hoàn, một người võ nghệ siêu quần lại xinh như mộng, tự xưng công chúa, thủ lãnh đám người Dao ở núi Gia Quế ép làm chồng. Rồi Gia Quế, Hoàng Quỳnh lại lâm vào tay giặc Ngũ Hoa ở núi Thiên Mã, chàng lại bị Mai Ánh Tuyết, cũng là một thiếu nữ tuyệt sắc, thủ lãnh đám người Dao ở đây bắt làm chồng. Thấy Phùng Ngọc còn quyến luyến Lý công chúa, Mai Ánh Tuyết nổi ghen định mưu hại nàng, gạt công chúa đem binh đánh Thiên Mã, phục binh giết chết. Rất may nhờ có Hứa Ngọc Anh chịu thế mạng, Tiểu Hoàn mới thoát hiểm. Phùng Ngọc ngộ công chúa đã chết, bỏ trốn về Mai Hoa Thôn. Nhưng đến đây

mới hay nhà họ Trương đã tan nát vì bọn cướp Hà Túc Tượng trả thù, cả nhà Trương Thu Cốc bị giặc Hòa Đới bắt đi. Phùng Ngọc mới đem tự sự đến cáo với quan Đốc phủ Quảng Đông là Súc Hung bị Súc Hung cầm tù. Nguyên Súc Hung từng đánh nhau với quân Gia Quế có lần bị bắn trọng thương nên vẫn đem lòng thù oán.

Vì hối hận và vì quá thương Phùng Ngọc, Mai Ánh Tuyết giả trai lên đường tìm chồng, giữa đường nàng gặp một chuyện khá ly kỳ là chàng Tú tài Tiền Tử Cán có bệnh đồng tính luyến ái muốn ve vãn «chàng» Mai Ánh Tuyết. Đến Mai Hoa Thôn được tin Phùng Ngọc bị bắt giữ, Ánh Tuyết vội vã về Thiên Mã đem binh giải cứu, hợp cùng quân Gia Quế đánh phá Quảng Đông. Về sau phải giảng hòa và qui thuận triều đình nhà Tống, Phùng Ngọc mới được thả ra.

Bấy giờ Phùng Ngọc mới đem quân diệt giặc Hòa Đới cứu gia đình Thu Cốc. Quý Nhi vẫn còn thất lạc. Thật ra khi cả nhà Quý Nhi bị Hà Túc Tượng hãm hại, nàng đã lần trốn và chạy về với bố mẹ chồng ở Đào Hoa thôn. Được ít lâu dò biết Phùng Ngọc ở Thiên Mã, nàng cùng cha mẹ chồng lên đường tìm kiếm. Giữa đường bị giặc bắt, Quý Nhi can đảm lập mưu không những thoát chết mà còn lấy được con gái Lam Năng và làm quân sư đám giặc này.

Quý Nhi xúi Lam Năng xưng vương đem quân đánh Triều đình. Nhà Tống sai Phùng Ngọc mang quân tiêu trừ. Nhờ Quý Nhi giúp tay trong

chàng lập đại công, được Tống Thần Tông phong tước Đông An Hầu.

Câu chuyện như vậy, ông Nguyễn Tào không phải không biết, nhưng không hiểu vì lý do gì ông đã bóp méo sự thật như trên.

Trường hợp Lĩnh Nam Dật Sử có phải do Ma văn Cao soạn, Trần Nhật Duật dịch hay không, câu chuyện còn dài chúng ta hãy gác lại đó. Chỉ xin bàn ở đây một vài điểm đã được ông Nguyễn Tào nêu lên.

Trong Lĩnh Nam Dật Sử cuối mỗi hồi thường có lời bàn — đúng như ông Tào nói—nhưng đó là của Trương Thăng Am chứ không phải của Trương Hán Siêu.

Trương Hán Siêu là một bậc đại nho cuối đời Trần, tác giả bài Bạch Đằng Giang phú hiệu là Thăng Phủ. Đọc mấy chữ Trương Thăng... Am, ông Tào lại định ninh là Trương Thăng... Phủ. Điều này có thể xem như một lầm lẫn, đến như lời giới thiệu Phùng Ngọc là một người Thổ ở Phong Châu và việc Lý Thần Tông phong cho Phùng Ngọc tước Đông An Hầu rõ ràng là việc dựng đứng của ông Tào.

Lật vào trang 4 quyển I, Lĩnh Nam Dật Sử, ta thấy ghi rõ Phùng Ngọc ở thôn Đào Hoa, làng Trình Hương, Quế Đông, quận Thanh Thủy, đất Hạc Sơn, phủ Phong Châu, Lạc Thành rồi đọc những việc xảy ra sau ta thấy Phong Châu ở đây thuộc vùng địa giới Quảng Đông chứ không phải Việt Nam. Chuyện xảy ra chả liên quan gì

đến thờ dân ở Bắc Việt cả. Cùng trang đó có ghi «Ngày xưa, vào năm Quý Sửu tức năm thứ 2 đời Lý Nhân Tông nước ta và là năm thứ 6 niên hiệu Hi Ninh đời Tống Thần Tông bên Trung Hoa».

Câu trên có lẽ được thêm vào cho ra vẻ Việt Nam.

Trang 277 quyển II có đoạn «Vua Thần Tôn chuẩn tấu, lập tức dời La Bàng làm châu La Định, lập ra hai huyện Đông An và Tây Ninh. sắc cho quan Tổng đốc tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây là Ngô Quế Phương xét dò địa thế mà dựng nên thành trì».

Thật rõ như ban ngày Thần Tông ở đây là Tống Thần Tông, thế mà ông Nguyễn Tào cứ bảo cho được là Lý Thần Tông.

Bây giờ chúng ta thử xem Lĩnh Nam Dật Sử có phải là sách của Ma Văn Cao do Trần Nhật Duật dịch không?

Tiếp theo lời giới thiệu của ông Nguyễn Tào bảo Tựa sách ghi là Trần Nhật Duật viết năm Hưng Long thứ 5 (1297).

Lời Tựa có phải do Trần Nhật Duật viết không, chúng tôi có hai điều ngờ.

1) Các nhà nho xưa thường có tính tự khiêm, nhất là một người như Trần Nhật Duật, một nhà ngoại giao tài ba của nhà Trần, ông đã dùng ba tấc lưỡi mà yên được các Thổ tù thì ít ra ông cũng là người rành tâm lý và biết nhún nhường. Một người như thế không lẽ lại viết câu này. «Tôi sinh ra vào lúc thịnh thời, nhờ phúc ấm dòng dõi cành vàng, lá ngọc, xem rộng thi thư, có chút tư chất thông

minh nên ngoài thực học còn xem rộng các thứ truyện lạ ở sách bên ngoài. Các thứ tiếng Mường, Mán ở lưu lo tôi cũng biết rõ các thứ văn tự ấy (?) ».

2) Trong bài Tựa có chỗ cổ tình sửa lại chi tiết Phùng Ngọc đi Tùng-Hóa thành đi Hóa-Châu để gây ấn tượng truyện xảy ra ở Việt-Nam.

Vì thế, có lẽ bài Tựa này cũng chỉ là một trong những xảo thuật đánh tráo nhằm gây tin tưởng cho công cuộc giả mạo được thực hơn.

Chưa hết, mục Phàm lệ lại càng phơi trần ý đồ mạo hóa.

Đoạn 3 trong mục Phàm lệ có ý muốn nói đến những khó khăn khi dịch những thổ ngữ của Mường. Nhưng đó có phải là thổ ngữ của Mường không? Thật ra chỉ là những thổ ngữ của một địa phương Trung Hoa, nghĩa là chỉ khác một vài nét chữ hay một vài lối nói mà thôi. Chẳng hạn làm sao bảo câu «vị như thử hảo» là câu Man ngữ và Trần Nhật Duật phải dịch ra «cảm hảo» mà nghe cho xuôi được. Đó chẳng qua là sự thay đổi từ câu văn nói sang câu văn viết, từ bạch thoại sang văn ngôn để tránh những thổ ngữ địa phương tác giả đã dùng trong câu đối thoại cho sát ý với nhân vật mà thôi có gì là Man ngữ đâu? Như chữ «vị» (gồm chữ điền + nguyệt) mà bảo là Man ngữ rồi thêm bộ ngôn vào nói là dịch thì thật là điếc không sợ súng.

Những tiếng dẫn trong Phàm lệ chỉ là những chữ được hoán đổi không phải là dịch như người

miền Bắc đọc văn miền Nam gặp những chữ « hồng, đặng, nghen » thì đem đổi thành « không, được, nghe ». Rõ là một lỗi ngụy trang « lạy ông tôi ở bụi này ».

Qua những dẫn chứng trên hẳn quý vị độc giả đã thấy rõ thâm ý của những vị có trách nhiệm với bộ Lĩnh Nam Dật Sử. Nhưng thiết tưởng đề cho được rõ ràng và đầy đủ hơn, chúng ta nên đi thẳng vào tự thân Lĩnh Nam Dật Sử để định thời điểm sáng tác của nó.

Lĩnh Nam Dật Sử được viết dưới hình thức tiểu thuyết, mặc dầu mở đầu cũng có một đoạn đại luận về chính sử, dã sử, theo lẽ lời thông thường của tiểu thuyết chương hồi Trung Hoa.

Đây là một hình thức văn nghệ khá cao với cách bố cục tinh vi chỉ có thể xuất hiện trong thời kỳ thịnh hành của tiểu thuyết Trung Hoa nghĩa là vào khoảng Minh, Thanh, không thể sớm hơn được. Nếu bảo đó là sách của Ma Văn Cao thì chẳng khác gì bảo ông là ông tổ của tiểu thuyết Tàu.

Lĩnh Nam Dật Sử được phân hồi theo đúng tiểu thuyết Trung Hoa, ở cuối mỗi hồi cũng có câu ruốt: « muốn biết chuyện này ra sao xin xem hồi sau phân giải ».

Trên phương diện kết cấu, Lĩnh Nam Dật Sử không có vẻ gì là « Mờng » cả. Phải nhận là truyện bố trí thật công phu, một chi tiết rất nhỏ ở hồi đầu truyện có thể thành một yếu

tố cho tác giả gỡ nút thắt truyện ở hồi sau. Chính Trương Thăng Am, người có lời phụ bản trong truyện, cũng đã nhận xét như thế: « Tác giả cuốn sách này dụng tâm không phải là không châm chước... Tôi tưởng tác giả trong lúc hạ bút chép chuyện này đã bày bàn tính toán kỹ lắm vậy (q.I, trang 55).

Truyện cũng sử dụng đề tài quen thuộc trong tiểu thuyết Trung-Hoa, cũng chiến tranh, cũng ái tình, nhân vật Phùng Ngọc được hàng loạt những con người sắc nước hương trời mê mết, cũng những cô gái Phiên, Man chung tình quết liệt như Trại Ba, Phan Lê Huê, Lưu Kim Đỉnh. Lại hơn nữa tác giả còn sử dụng một yếu tố tâm lý độc đáo đồng tính luyến ái với nhân vật Tiền Tử Cán, cứ thấy con trai đẹp là mê như điều đồ, bất kể tính mệnh an nguy. Đề tài này đã được kịch gia Lý Ngự tự là Lạp Ông, đời nhà Thanh, khai thác triệt để trong tuồng « Lân hương bạn » tả mối tình đồng tính luyến ái giữa 2 người bạn gái và tuồng « ý trung lục » tả việc đồng tính luyến ái giữa 2 người con trai (1).

Trên phương diện tuyên truyền ta có thể xếp Lĩnh Nam Dật Sử vào loại Vạn Huê Lầu, Ngũ Hồ Bình Liêu, Tiết Nhơn Quý chinh Đông, Tiết Đình San chinh Tây, nghĩa là những loại tuyên truyền cho chính sách bình định Man di, chinh phục các dân tộc bán khai chung quanh Trung quốc đề

(1) Xem Nguyễn Hiến Lê — Đại Cương Văn Học Sử Trung Quốc q. III trang 153.

gồm thâu về một mối mở rộng Đế quốc mà người Trung Hoa gọi là «vương hóa». Dầu là người Mường chắc Ma văn Cao cũng không đến nỗi cồ võ cho ý đồ đó : « Tôi nghe thuận mệnh trời thì thịnh, trái mệnh trời thì tất phải diệt vong. Bây giờ Đại Tổng Hoàng Đế thống nhất bốn bề, Đông, Tây, Nam, Bắc đều cùng quy phục. Lũ người Dao ta sao không theo lễ chính sóc của triều đình, thế tức là trái mệnh trời. Tôi nay muốn bắt chước việc cũ của bà Tây phu nhân làm tôi nhà Trần, Tùy, phụng biểu quy phục thì các ông nghĩ sao ? » (q.I, trang 68). Chỗ khác ta cũng đọc được giọng chiêu hồi của tác giả « Mai tiểu thư ở Thiên mã mến tài mạo của Hoàng lang, muốn ép duyên mà gởi thân cho chàng, nhưng Hoàng lang kinh là *bất tuân vương hoá*, bỏ họ trốn đi (...) Và lại thuận đạo làm tôi. Nàng đã không nở bội Hoàng lang mà đã không bội Hoàng lang thì sao lại nở bội Triều đình (q.I trang 326).

Trên phương diện văn chương một người Việt Nam, cho dầu tinh thông Hán học, cũng khó có bút lực và kiến thức như tác giả Lĩnh Nam Dật Sử nữa là một người Mường như Ma văn Cao.

Trong truyện chỗ nào cũng có những điệu hát 100% của Tàu như Na phá cán kê xa (sic), Ưc cổ nhân, Triều trung điệu, Vu sơn nhất đoạn vân, Viên lâm hảo, Hạ lý điền ... Chỗ nào cũng có thơ vịnh mà thơ không phải tầm thường. Chỗ nào cũng có dẫn những điển-tích không phải ai cũng

biết, chẳng hạn như việc Đại Vũ dựng bia ở núi Câu Lâu, Triệu Sư Hùng đi chơi La Phù, Dương Vạn Lý vịnh Tây Hồ, Lê Dao Thạch viết chữ, Tống Hoảng không phụ nghĩa, Bất Nghi từ hôn, Vương Đắc Dụng tuổi trẻ tài cao, Mộc Độc Tử già nua vô dụng v.v...

Xem như thế, Lĩnh Nam Dật Sử không thể do Ma văn Cao viết nổi và cũng không thể xuất hiện trước những Tam Quốc Chí, Thủy Hử, Kim Bình Mai nữa là trước đời Minh. Ta có thể chứng minh dễ dàng : Thói quen của tác giả là hay trích dẫn thơ của người khác như Lý Bạch (đời Đường) Chu Thục Trinh (đời Tống) hay dùng điển trong các truyện Thủy Hử, Tam Quốc, Tây Sương ký, Tỳ Bà ký (đời Minh).

Như đoạn Phù Hùng bày kế cho Lý Tiểu Hoàn « Ngày xưa ở núi Lương Sơn Bạc, người ngựa đã nhiều, lương thảo không đủ... » (q.I, trang 80) hoặc đoạn nói đến Gia Cát Đồng « vị quân sư cũng họ Gia Cát, tên là Đồng người ở châu Đà Bắc, hạt Cô Giang nước Việt-Nam(1). Đương thời Trung Quốc bên Tàu, Nam Man là Mạnh Hoạch làm loạn. Gia Cát Võ Hươu Hầu phụng chiếu bình Man(2). Người miền Nam cảm mến ân đức, nên gọi ông là cha lập miếu thờ sống. Về sau nhiều đời nhân dân thường lấy chữ Gia Cát làm họ mình (q.II trang 120).

Quyển II trang 118 có bài tán :

(1) Chắc mới thêm vào

(2) Hiều lăm địa thế, Nam Man này ở phía Nam Ba Thục, một địa khu ở phía Tây Bắc Trung Hoa.

Thương cung kinh khúc mọc

Lạc trạ khởi vắn lời

Phạ thị cơ tiên tiết

Như hà đảm bất thời

Ông Bùi Đan đã dịch và chú thích :

Bị tên chim sợ vang

Đũa rơi nào phải hời hùng sấm vang

Muru sâu xếp đặt sẵn sàng

Chín e tiết lộ kinh hoàng nát gan.

« Hồi Lưu Bị sang Tào, một hôm Tào Tháo cùng Lưu Bị uống rượu bàn việc thời thế, nghị luận đến các bậc anh hùng trong thiên hạ. Tháo say rượu nói : Anh hùng trong thiên hạ chỉ có sứ quân và Tháo này thôi. Bị nghe nói, giựt mình, đánh rơi đũa. Tháo hỏi : Sao sứ quân sợ chi vậy ? May lúc đó, ngoài trời sấm sét ầm ầm. Lưu Bị liền nói trá là nghe sấm nổi mạnh quá nên giựt mình đánh rơi đũa. Nhờ câu nói đó mà Tháo coi Bị cũng vào hạng tầm thường, nên Bị mới thoát chết».

Một chi tiết khác cũng xác định rõ thời điểm xuất hiện của sách ít nhất cũng vào đời Minh là câu « Do Hán hất (sic) Minh » (Từ nhà Hán đến nhà Minh), trong đoạn Phùng Ngọc đến núi Cầm Thạch, tác giả đã chép lại một bài Minh trong đó có câu trên.

Nhưng chỉ căn cứ vào những tài liệu trên mà bảo sách xuất hiện vào khoảng đời nhà Minh chúng tôi e còn quá sớm vì trong truyện còn một chi tiết nữa khiến ta ngờ quyền truyện này phải xuất hiện chậm hơn

nữa.

« Khi giặc đến trại, Súc Hung vội truyền phóng pháo. Quân sĩ vội mang súng Phạt Lãng bắn vài trăm phát kêu rầm trời » (q.I, trang 255) Phạt Lãng có phải là Pháp không, nếu thế truyện phải xuất hiện vào khoảng đời Thanh hoặc cùng thời hoặc sau nhà văn đồng tính luyến ái Lý Ngự đã dẫn trên.

Những điểm chúng tôi vừa trích dẫn chứng tỏ Lĩnh Nam Dật Sử là tác phẩm của một người Trung Hoa có lẽ vào khoảng thời đại nhà Thanh viết ra. Vậy thì Ma Văn Cao không thể viết quyền này được. Trần Nhật Duật cũng không thể dịch sách này được. Trương Hán Siêu lại càng không thể chờ đến mấy trăm năm sau mới viết lời bàn cho sách.

Nhưng tại sao các ông lại cứ ngang nhiên đội mồ sống dậy ngồi chễm chệ trên bìa sách Lĩnh Nam Dật Sử. Vì những lý do gì ? Vì danh ư ? Vì lợi ư ? Ai mà biết được.

Câu trả lời như thế hoàn toàn thuộc thẩm quyền quý vị ở Trung Tâm Học Liệu. Chúng tôi rất mong quý vị vui lòng làm sáng tỏ vấn đề này.

NGUYỄN THIẾU DŨNG

BÁCH KHOA

đóng tập

Đã có : bộ Bách-Khoa từ 1957 đến 1971 gồm 44 tập (thiếu các 1, 9, 12, 28, 68, 70, 81, 88, 95, 107, 122, 130, 145, 177.) **Giá 23.000đ.**

Hỏi tại Tòa soạn Bách-Khoa

THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — SAIGON

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện SAIGON

Số : 2.701 THƯ LÂM ẤN THƯ QUÁN

THUỐC THƠM BẠC HẠ (Menthol)



90\$

BẦU LỘC BIỂU DÃI
Thượng hảo hạng
Thông mũi - mát cổ - thơm dịu

LẠC và VIỆT

(xin xem BK từ số trước)

Trong Bách Khoa 1-11-72, chúng tôi đã phục-thiện mà đăng tài liệu về máu mà một vị đã đòi hỏi. Mặc dầu quan niệm rằng chứng tích máu không cần thiết, chúng tôi vẫn nhượng bộ, bỏ tước tài liệu mà có người đòi hỏi, thì nếu Nguyễn quân thấy chỗ nào không vững xin mách hộ cho vì việc bỏ tước tài liệu có ích lợi chung.

Xin trình bày tiếp về hai thứ người di cư đó. Các nhà đào bới đã định tuổi tương đối khá đúng (mặc dầu thuở họ làm việc họ chưa biết sử dụng chất C 14, vì các cuộc đào bới ở Đại Hàn, Nhật Bản và Đông Dương đã được thực hiện từ đầu thế kỷ này chứ không phải chỉ mới đây) các bộ xương của tất cả các chủng tộc ở ba quốc gia nói trên, và biết được rằng kẻ đến sau cùng ở ba quốc gia ấy là bọn di cư đó chứ không phải là các chủng khác. Kẻ đến sau cùng mà định cư được đông đảo phải là kẻ thắng trận, tức là kẻ làm chủ đất cho đến ngày nay, bằng không, họ đã bị các chủ đất, định cư trước họ, đuổi họ đi mất lúc họ vừa đổ bộ, thì còn đâu sự đa số xương khô của bọn đến sau? (Riêng ở Đại Hàn thì tuyệt đối không có mặt bọn di cư thứ nhì).

Nhưng, như đã nói, các nhà đào bới không có viết sử nên họ lạnh

lùng trình ra sự kiện chứ không có kết luận như chúng tôi rằng tổ tiên của ta là hai thứ người tới sau. Nhưng chúng tôi cũng không suy luận suông đề mà kết luận như thế.

Nếu chỉ suy luận suông thì tưởng suy luận của chúng tôi cũng có thể chấp nhận được. Các nhà đào bới không tìm thấy dân nào đến xứ ta sau hai đám di cư ấy cả. Mặt khác hai đám ấy là dân đa số ở Việt Nam (vào thời họ di cư đến xứ ta, nghĩa là cách đây từ 5 ngàn năm cho đến 2500 năm). Dân tộc đa số mà không bị dân tộc nào khác làm cho thiểu số, sau đó, thì dân tộc ấy phải là chủ đất cho đến ngày nào họ bị thiểu số, mà cái ngày đó thì chưa hề xảy ra, thế thì họ là tổ-tiên của người thời nay vậy.

Nhưng chúng tôi không chỉ bằng lòng suy luận suông như thế mà có tìm, và có trình ra chứng tích. Chứng tích đó là sọ của ta ngày nay giống sọ của hai đám di cư đó, về chỉ số và về các tánh cách sinh-vật hình-thái khác. Đó là cuộc chứng-minh mà từ xưa đến nay các nhà viết sử về nguồn gốc của dân ta chưa ai làm. Họ chỉ dùng sử liệu của Trung hoa, và tài liệu văn-hóa không mà thôi, trong khi khoa học đòi hỏi chứng tích mà chúng tôi đã trình. Thế thì còn thiếu sót ở điểm nào, xin văn-hữu cho biết, trừ chứng tích máu mà

có người đòi hỏi trước văn-hữu rồi và chúng tôi đã trình rồi.

Phương pháp làm việc của chúng tôi có đủ hay không và có đúng hay không là ở nơi đó. Một vị đã phê bình gián tiếp là không đủ, cần trình ra chứng tích máu nữa, nên chúng tôi đã trình ở Bách Khoa 1-11-72.

Đó là tất cả những cái biết của khoa học, tuy chỉ có hạn thôi, nhưng lại rất là căn bản và vị đã phê bình gián tiếp chúng tôi, không có rầy rà gì hết về bao nhiêu điểm trong quyển sách mà chỉ đòi hỏi thêm một chứng tích thôi. Vị đó đã thấy cái then chốt và đã xô ngã thuyết của chúng tôi nếu chúng tôi đã không trình ra được chứng tích đòi hỏi. Chúng tôi quan niệm rằng chứng tích ấy không cần thiết, nhưng khi một nhà trí-thức nhiều uy-tín hơn chúng tôi, đòi hỏi cái gì, nếu chúng tôi không đáp ứng được thì đương nhiên bao nhiêu bạn đọc thường, đều nghiêng về phía có uy-tín.

Chúng tôi không phải chỉ thông tin khoa học mà thôi mà ngoài việc đối chiếu sọ còn có góp phần riêng trong việc viết sử là tìm biết cái đám di cư thứ nhất là ai, cái dân mà khoa học chưa biết rõ và tạm đặt tên là Austroasiatiques ấy. Sách Tàu có cho biết rằng dưới đời nhà Chu, họ gọi người Đại Hàn là Lai-di. Họ lại cho biết rằng trước đó, Lai-di bị họ gọi là Tam-Hàn-di mà Tam-Hàn-di, theo họ, gốc ở Đông Bắc nước Tàu di cư ra đó và trước khi di cư, bị họ

gọi là Lạc dịch, chữ Lạc viết với bộ Trãi.

So với tiền-sử-học do các nhà đào bới hoàn-thành thì đám di cư thứ nhất ăn vào với người mà Trung Hoa cổ thời gọi là Lạc bộ Trãi. Lạc bộ Trãi chưa bị tiêu diệt hết tại Hoa Bắc vào thời Đông Hán, Trung Hoa còn biết họ ra sao, nên khi Mã Viện đến nước ta, y mới đặt tên ta là Lạc Việt vì y nhận diện được sự liên hệ giữa ta và Lạc bộ Trãi còn sống sót ở Hoa Bắc.

Sở dĩ y không gọi ta là Lạc gọn lỏn là vì, như tiền-sử-học đã cho thấy, có một bọn di cư tới sau đám trước, hai đám đó sống chung hòa bình với nhau trên đất Việt, mà bọn sau đã được biết là từ Hoa Nam đến, tức đó là dân mà Tàu gọi là Lạc bộ Mã, hoặc Việt. (Về sự kiện đám nào tới sau, đám nào tới trước, thì quá rõ ràng ở Nhật Bồn, nhưng ở Việt Nam thì một nhà viết sử người Pháp, viết theo tiền-sử-học, chớ không viết theo thuyết L'Aurous-seau, đã viết khác đi, mà chúng tôi cho là xuyên tạc đề hạ dân-tộc ta. Chúng tôi sẽ có bài riêng về vụ này).

Phương-pháp của tiền-sử-học như thế đó và họ đã làm việc tới mức đó. Phương pháp khai thác tiền-sử-học của chúng tôi và khai thác cổ sử Trung Hoa của chúng tôi là như thế đó, và then chốt của quyển sử là những điều vừa trình lại trên đây. Sự nhận định của nhà phê bình gián tiếp có lẽ đã đúng y như thế nên vị đó chỉ xoay

quanh điềm then chốt ấy mà thôi, tức bác bỏ lối khai thác tiền-sử-học của chúng tôi mà vị đó cho là không đúng, máu mới là chứng tích vững. Mặc dầu bị bác bỏ chúng tôi đã vô cùng sung sướng khi đọc bài chỉ-trích gián tiếp và đã khâm phục vị đó vô cùng. Vị đó đã tấn công thẳng vào tổng-hành-dinh và nếu không tử thủ được là chết với ông. Nếu chúng tôi không trình ra được cái gì, tức nếu chúng tôi phải chết vì bài của vị đó, chúng tôi vẫn tiếp tục khâm phục và sợ hãi vị đó vì vị đó đã chụp đúng ngay con thú bị săn đuổi trong đám thú đông vô số kẻ, mà đó là con thú đầu đàn, nó mà bị thịt rồi thì cả bầy đều tan rã.

Văn-hữu Nguyễn Mạnh Côn có phê bình một điềm rất thú vị và rất rõ ràng, lại là điềm then chốt thứ nhì, nên chúng tôi cũng rất sung sướng khi bị phê-bình, vì chúng tôi có dịp làm sáng tỏ lại vấn đề. Chúng tôi tưởng nó cũng đã sáng rồi, nhưng hễ còn người cho là tối thì chúng tôi có bốn phần trình lại, trừ những bất bẻ lật-vật của một vài bài phê bình và những bài chỉ-trích về những điều mà đã được người khác đồng ý với tác giả. Anh bạn Sơn Nam đã viết : « ông Nguyễn An Ninh đã chống đối Pháp » và khi anh bạn đó bị phê bình : « Thiếu dẫn chứng » thì Sơn Nam đã từ chối dẫn chứng bõ-túc vì điều gì mà tất cả mọi người đều biết, hoặc tất cả học giả đều biết thì không phải dẫn chứng. Sự bác bỏ của văn hữu Nguyễn Mạnh Côn không thuộc loại đương nhiên khỏi cần dẫn chứng, nên dẫn chứng

là cần thiết. Chúng tôi đã có dẫn chứng nhưng văn hữu đòi hỏi nữa thì xin lập lại những điều đã viết ra trong sách :

« B.N.L. cho rằng dân tộc Mã đã di cư từ Tuyết sơn xuống phía Nam, nhưng anh không cho dân tộc ấy di cư một cách hợp lý và thích hợp với thiên-nhiên là đi theo dòng sông Cửu Long xuống vịnh Thái Lan, mà bắt họ đi theo hai con sông Hoàng hà, Dương tử, ra đến bờ Thái Bình Dương, rồi vượt bể mà đi xuôi ».

Ở đây cũng có sự-kiện đọc sách không kỹ. Chúng tôi không tự ý nói như thế mà nói theo tiền-sử-học. Nếu phải bác bỏ, tưởng nên bác bỏ tiền sử học. Nhưng tiền-sử-học không có nói mò mà có chứng tích và chứng tích ấy cũng đã được chúng tôi lập lại.

Tiền-sử-học không thấy rằng dấu vết di cư của đám đầu là độc nhứt, mà có đến hai con đường di cư. Con đường thứ nhứt họ không biết khởi điềm là tại đâu, con đường thứ nhì họ cũng không biết khởi điềm. Nhưng nơi tái định cư thì họ biết vì có dấu vết của cò nhơn đề lại. Bốn nơi định cư chánh là Đông Ấn-Độ, Đại Hàn, Nhứt Bồn và Đông Dương. Lại có dấu vết cho thấy rằng bọn định cư ở Đông Ấn-Độ rồi sau cũng có di cư đến Đông Dương.

Các nhà đào bới chỉ thấy có bấy nhiêu đó, và như đã nói, họ không có viết sử cho dân ta nên không tìm biết thêm như chúng tôi. Trên kia, chúng tôi đã nối kết được đám di cư ngã Đại Hàn với một thứ dân gốc ở

Đông Bắc Trung Hoa, Đám đó không thể theo sự hữu lý của Nguyễn quân được mà theo một sự hữu lý khác. Kể định cư ở đông Bắc Trung Hoa thì làm thế nào để theo dòng sông Cửu Long được? Vì thế mà họ đi Đại Hàn bởi họ chỉ phải đi bộ có vài ngày đường là đến nơi. Từ Đại Hàn sang Nhật họ cũng không tốn hơn một ngày vượt bể. Từ Nhật đến Việt Nam quả có xa thật đó, nhưng các nhà tiền-sử-học không tìm thấy dấu vết đi bộ của đám đó từ Đông Bắc Trung Hoa xuống Hoa Nam thì làm thế nào chúng tôi dám kết luận rằng họ đi bộ? Ngày xưa không có tàu bay, tàu bè thì một cuộc di cư như thế làm cho người di cư tốn nhiều trăm năm mới đến nơi, nếu họ đi bộ ngang qua nước Tàu, mà nếu thế thì hẳn họ đã có để dấu vết lại dọc đường. Đàng này dấu vết không có thì dân Lạc bộ Trãi đương nhiên phải đi từ Nhật đến Việt Nam bằng đường biển. Đó là lỗi thấy của chúng tôi và chúng tôi chịu trách nhiệm. Lỗi thấy đó quả thật chỉ do suy luận mà không được tài liệu nâng đỡ, chúng tôi cũng nhìn nhận như thế, nhưng khoa học cho phép suy luận khi nào thiếu tài liệu, cuộc suy luận đó sẽ bị tài liệu khám phá được về sau xô ngã, hoặc bị một cuộc suy luận khác, hữu lý hơn xô ngã. Vấn hữu họ Nguyễn cũng chỉ bác bỏ bằng suy luận, nhưng chúng tôi chưa thấy là suy luận chặt chẽ hơn chúng tôi.

Suy luận của chúng tôi được sự

kiện sau đây nâng đỡ cho: là vẫn có một đám di cư do ngã hướng Đông đề sang Đông Ấn Độ rồi từ đó sang Đông Dương. Sự hữu lý của bạn Nguyễn mạnh Côn quả thật có hữu lý, chỉ khác có một điều là tiền sử học cho thấy đến hai đám di cư, chúng tôi có trình rõ ra, nhưng Nguyễn quân chỉ nói đến Một mà thôi.

Nhưng cũng có thể là như thế này: Bạn Nguyễn Mạnh Côn chỉ nhìn nhận bọn phía Tây là tổ-tiên của chúng ta mà không nhìn nhận bọn phía Đông, bọn ấy chỉ đến Nhật rồi thì dừng chân luôn, còn tiền-sử-học thì nói sai? Chúng tôi cũng đã kiểm soát tiền-sử-học bằng cách đối chiếu ngôn ngữ. Chính quan điểm của Ông G. Coedès là thế đó, ta là con cháu của dân Cao-miên, dân đó là cháu của dân Munda là dân Lạc đã đi Đông Ấn Độ. Nhưng chủ-trương của ông G. Coedès sai lầm. Ông cố Viện-trưởng của viện Viễn-đông bác-cổ ấy đã dựa vào đối chiếu ngôn ngữ sai lầm của nhà ngữ-học P. Schmidt đề mà kết luận như thế đó. Một nhà ngữ học khác, Ông H. Maspéro cũng đã dùng khoa ngôn-ngữ tỷ-hiệu và kết luận rằng ta là con cháu của người Thái. Chúng tôi không nhìn nhận hai cuộc đối chiếu đó là vì nhiều lẽ mà thí dụ sau đây rất là tượng trưng: Ông H. Maspéro đã đối chiếu những danh từ không căn bản:

Thái	Việt
Rầy	Rầy
Khâu	Gạo

Nông nghiệp là sinh hoạt mà cả hai đám di cư đều chưa biết, theo tiền

sử-học đã cho thấy, thì Rầy và Gạo chỉ là chuyện vay mượn về sau, không chứng minh được sự đồng gốc tổ. Chúng tôi chỉ đối chiếu những danh từ mà một thứ dân chưa biết nông nghiệp đã có và thấy rằng tiếng ta giống tiếng Đại Hàn:

Hàn	Miên	Việt
Tal	Khe	Trắng

Vì sự liên hệ giữa Việt ngữ và Hàn ngữ về mặt căn bản mà ta phải kết-luận rằng tổ-tiên của chúng ta thuộc phe di cư ở phía Đông của nước Tàu chứ không là phe di cư ở phía Tây. Tiền-sử-học được cuộc đối chiếu ngôn ngữ của chúng tôi kiểm soát, và ngôn ngữ được tiền-sử-học xác nhận.

Tất cả những gì viết ra trên đây đều đã được nói rồi trong sách chứ không phải là chỉ nói vì có lời phê bình. Thành thử đây không là một cuộc bổ-túc tài-liệu mà là sự trình lại tài-liệu, lời tài-liệu ra khỏi một số tài-liệu hơi nhiều, làm cho những gì viết lại trên đây, khó thấy, khi chỉ đọc sách có một vài lần.

Chúng tôi tin rằng khi nào rảnh rang, văn hữu đọc lại sách thì sẽ đồng quan điểm với chúng tôi về những gì đã viết ra trên đây.

Chúng tôi xin nhấn mạnh một lần nữa rằng thế-giới chỉ biết có Lạc bộ Mã, tức Austronésiens là Mālai, còn Austroasiatiques thì họ không biết là thuộc chủng nào. Chỉ có một mình chúng tôi là nói rằng cả hai thứ người đều là Mã lai, bằng cách dựa vào hai cuộc đối chiếu sọ và ngôn ngữ. Như thế thì không có vấn đề chúng tôi cho rằng ta xuất hiện sau

Mã lai đến ba ngàn năm. Đã là một, thì không thể có sự kiện kẻ xuất hiện trước, người xuất hiện sau.

Dưới đây là một lối thấy riêng của văn hữu Nguyễn Mạnh Côn, nhưng chúng tôi cũng đã thử thấy như thế trong quyền sách, và không thấy được, chúng tôi đã trình bày tại sao mà không như thế đó, mà lại khác đi, và cũng xin lặp lại. Bạn Nguyễn Mạnh Côn bác chúng tôi bằng cách đối chiếu tâm hồn Việt, nếp sống Việt với nếp sống Mālai, và cho rằng không có gì là giống nhau cả. Điều đó cũng đã được chúng tôi giải thích rõ trong sách. Hai, ba, bốn dân tộc đồng chủng, theo văn-hóa khác nhau, định cư ở các vùng khí hậu khác nhau từ nhiều ngàn năm rồi thì họ còn khác nhau hơn là hai dân tộc khác chủng mà đồng môi sinh với nhau. Nhưng mặc dầu là thế, đừng tưởng là tuyệt đối khác hẳn. Ta hãy nghe nhà địa-lý Jean Bruhat, tác giả quyển Histoire de l'Indonésie (P.U.F, 1965) tả một làng ở Nam Dương:

« Trong làng mỗi nhà có rào, trong rào có ao cá, và tất cả nhà trong làng đều được bảo vệ bằng lũy tre. » Có phải đó là hình ảnh rất trung thành của một làng ở Bắc-Việt hay không?

Nhưng họ đã theo văn-hóa Ấn từ đầu Tây-Lịch thì ca dao của họ còn làm sao mà nói đến việc:

« Qua đình nghiêng nón...

Đình bao nhiêu ngói, thương mình bấy nhiêu. »

được, bởi đình đã bị các đền thờ Bà-lamôn thay thế, rồi sau này, tàn nhẫn hơn, đạo Hồi đã xóa tất cả dân-tộc-

tính của họ, đưa vào đó tâm hồn của Cận Đông thì còn gì nữa cái tánh cách Mălai nơi họ. Tuy nhiên tâm hồn sâu xa chưa chết hẳn. Chúng tôi đã đưa ra một thí dụ điển hình. Bít-tất là món đồ mà hai dân tộc có, một cách tương đối trẻ, nên họ sáng tác tên gọi món đồ ấy khác ta, khác nhưng lại cùng chung ý-niệm, ta gọi món đó là *Bít-tất* (Bít cái gói lại) thì họ gọi là *Cái quần của cái căng*.

Nhưng khoa-học dành cho chứng tích chủng-tộc-học ưu tiên số 1 và xem chứng-tích văn-hóa là phụ-thuộc, khi nào họ không thiếu chứng-tích chủng tộc. Họ thấy rằng một dân-tộc có thể mất hết cả phong-tục tập-quán, mất hết cả ngôn ngữ nữa, nhưng cái sợ thì không, cho dầu nó lại giống với chủng khác, cái sợ cũng còn mang dấu vết của chủng cũ. Nếu bác được chủ-trương của khoa - học thì đương nhiên chủ-trương của chúng tôi sẽ ngã, vì chúng tôi chỉ là kẻ làm việc theo chủ-trương ấy mà thôi. Chúng tôi cũng xin nhấn mạnh về điểm này là không phải khoa học luôn luôn tìm đủ chứng tích chủng tộc cho tất cả mọi dân-tộc trên thế-giới, như đã

tìm đủ cho ta. Trong trường hợp đó thì họ đành phải xem chứng tích văn hóa là trọng, như là ngôn-ngữ, truyền thuyết v.v... nhưng đó chỉ là chuyện cực chẳng đã vì thiếu cái kia, đành phải xem trọng cái này mà thôi, chớ khi cái kia có đủ thì cái này, tuy không phải được vứt đi, nhưng bị xem là phụ-thuộc. Về truyền thuyết Lạc-Long Quân mà Văn-hữu họ Nguyễn đã nói đến, chúng tôi cũng không có bỏ, nhưng chúng tôi đã hiểu khác, hiểu một cách không ngược với những gì mà chủng-tộc-học đã cho thấy : truyền-thuyết đó không có sai, nếu hiểu theo lối hiểu của chúng tôi, còn hiểu theo các lối khác, chúng tôi không thể hiểu được vì nó sẽ ngược lại với chứng-tích chủng-tộc-học.

Dầu sao chúng tôi cũng biết ơn văn hữu Nguyễn Mạnh Côn đã viết cho một bài phê bình có tánh cách xây dựng, và chúng tôi xin tỏ lòng tri ân của chúng tôi nơi đây, và một lần nữa chúng tôi xin tạ tội đã chậm trễ trong việc bàn tới bàn lui với những nhà phê bình, vì lẽ mà chúng tôi đã trình ra rồi.

BÌNH NGUYỄN LỘC

Có bán tại Bách Khoa 160 Phan Đình Phùng

Cuốn sổ tay của
NGƯỜI CHƠI CỜ NGOẠN
của VƯƠNG HỒNG SÈN

HIẾU CỜ ĐẶC SAN TẬP 6

Giá : 1.500đ.

Có bán Tập 4 : KHẢO VỀ ĐỒ SỨ CỜ TRUNG HOA

và Tập 5 : CẢNH ĐỨC TRẦN ĐÀO LỤC mỗi tập giá 1.500đ.

Mưa và thơ

Cuối tháng 10 năm 1970, tôi có đi Quảng-tín một chuyến, và học hỏi được vài ba điều.

Từ Quảng-ngãi ra Tam-kỳ vào một buổi chiều không mấy sáng sủa. Thỉnh thoảng mưa lắt rắt năm ba hột. Thị-xã hồi đó chỉ có một phòng ngủ nhỏ, không điện, không nước máy. Nửa đêm thức giấc, nghe mưa tuôn dầm dề. Một mình với một ngọn đèn hột vẹt ở quán trọ, càng lâu càng tỉnh, nghĩ đến chuyển bay ngày mai nhất định hủy bỏ, nghĩ đến chuyển bay ngày mốt chắc chắn cũng sẽ đình hoãn, nghe tiếng mưa càng lúc càng phức tạp : có tiếng nước rót xuống vũng nước đầy óc ách ; có tiếng xán mạnh xằng xớm xuống nền xi-măng ; có tiếng nước xối lên vành mâm, vào lòng thau, xối vào những cái phuy chứa ; có tiếng rơi lộp bộp, lũng bùng xuống những hộp giấy, thùng thiếc úp sập v.v...— như thế thật sốt ruột. Vũng nước đầy óc ách nọ ở đâu nhỉ? chiếc thùng thiếc kia là thùng gì ? nằm chỗ nào mà ồn ào vậy ? Những cái đó, trong đêm trường mưa gió cùng lên tiếng nhắc nhở về một khung cảnh xa lạ quanh mình.

Hôm sau, trời lúc mưa lúc tạnh, đi Thăng-bình thăm một xã mới vừa trở về sau nhiều năm sống trong vùng kiểm soát của cộng quân. Chừng năm trăm dân làng ngoi ngóp lóng cồng xây cất vội vàng trên một ngọn đồi những căn lều đề tạm trú. Những

dân làng ấy hôm trước vừa trải qua trận đụng độ ác liệt giữa hai bên, nhưng không một ai buồn nhắc lại : kẻ bận nhen một bếp lửa, người lui cui cưa chẻ một khúc tre tươi, đóng một cây cọc, kẻ quăn chiếu nằm ngủ mê mết ở một góc lều, người loay hoay với đám con mọn... Trong đám dân làng có nhiều mất mát, nhiều kỷ niệm ghê gớm về trận đánh ngày hôm qua : chắc chắn rồi họ sẽ nhắc lại, kể lại, nhưng không phải là vào lúc này.

Còn các quân nhân thì, sau trận đánh, lúc này là lúc họ nói. Một vị chỉ huy, sau câu chuyện, còn vui vẻ biểu tôi cuốn nhật ký của một binh sĩ cộng sản đề làm kỷ niệm. Đó là một cuốn vở bìa cứng, dày 160 trang, có hai lỗ thủng. Chủ nó tên là Vương Ngọc H., từ ngoài Bắc vào. Anh ta còn kẹp vào tập nhật ký hai lá thư tình chưa kịp gửi đi, và một bài thơ của Tố Hữu, in thạch bản.

Tôi dừng mắt ở hai lỗ thủng. Vị chỉ huy gật đầu kín đáo : Đúng, vì những lỗ thủng ấy mà tập nhật ký đã rời chủ.

Tôi đến, trời lại mưa to, mưa không ngừng. Thế này thì hỏng luôn một đêm nữa, không đi đâu được. Lại một mình với một ngọn đèn hột vẹt trong phòng, nằm nghe mưa đổ bốn bề.

Chừng bốn giờ sáng, mở mắt, thấy phòng tối om. Bên ngoài tiếng mưa tiếng gió vẫn không ngớt. Mãi một lúc mới nhận định được tình thế :

Thì ra nước đã tràn vào phòng từ bao giờ, cái đèn ngập nước đang trôi lênh đênh đầu đó.

Tôi quờ tay tìm kiếm. Ở cái vị trí cũ của chiếc đèn, cạnh chân giường, ở đó bây giờ không còn đèn nữa : Ở đó là một chiếc giầy, lơ lửng như một con thuyền.

Phải một hồi lâu xấn quần lội nước quờ quạng, mới vớt được đủ đôi giầy và chiếc đèn. Mở cửa phòng, ra ngoài, xin lửa đốt đèn, trở vào, lo đánh răng, rửa mặt, cạo râu, làm va-li v.v... Mực nước mấp mé mép giường : rồi phòng là vừa. Chưa đầy năm giờ rưỡi sáng. Trời hãy còn tối mịt.

Bên lề đường, trước mặt phòng ngủ, một bộ phận lớn được kê ở chỗ đất cao : tất cả khách trọ trong phòng đã chen chúc nhau trên chiếc thuyền của ông già Nóc ấy từ lúc nào. Tôi ngồi đó, và quả nhiên được cứu vớt: Sáu giờ rưỡi sáng, anh bạn thi sĩ Lê th. T. đến tìm, định rủ đi ăn sáng. Anh trở mặt trước quang cảnh ngộ nghĩnh. Trong bộ quân phục, với tời nón, với đôi ủng cao-su, anh bạn của tôi vóc người cao lớn trông đẹp đẽ khác thường. Anh đứng giữa đường nở nụ cười, mưa đỏ trắng xóa khắp người: tôi nghĩ đến hình ảnh một sĩ quan Cao-gia-sách hiên ngang giữa cảnh mưa tuyết trên một bìa sách nào đó.

Tôi theo chân anh Lê, sang tị nạn tại nhà nhạc gia của anh. Ở đây dĩ nhiên cũng ngập lụt, nhưng nhà có một tầng gác. Tối hôm đó, tôi đã dự ở nhà anh Lê một bữa ăn cảm động, không thể quên.

Ngồi ăn, chúng tôi kể ngồi phản người ngồi ghế. Thực khách ngồi ghế phải mang luôn đôi « bốt » theo chân, vì nước ngập gần đến đầu gối. Anh Lê vừa ăn vừa nhắc lại những thú vui mùa lụt ở làng quê mà anh đã trải qua hồi thơ ấu, những thứ chim, những thứ thú bị nước dồn vào nơi tử địa để dân làng kéo nhau đi bắt, để trẻ con suốt ngày tiu tít ngoài trời... Phải, anh Lê nói đúng : Bên cạnh đĩa rau thơm xanh mơn, những con tôm nằm trong các cuốn chả ram, những con tôm « nò » tươi rói, đỏ ửng lên một màu cực vui dưới lớp bánh trắng mỏng ấy, chúng cũng nhắc đến một đặc điểm về thời tiết địa phương, nhắc theo cách riêng của chúng ; và tiếng cựa quậy đôi chân dưới phản ; và những xao động mạnh mẽ với nhiều đợt sóng xô ào ạt vào nhà mỗi lần có chiếc xe chạy ngang qua ngoài đường, những đợt sóng chồm vả vào các vách tường bên mâm tiệc v.v..., những cái ấy càng làm chứng về các đặc điểm thời tiết địa phương. Phải mùa mưa ở đây thật ngộ.

Tuy nhiên, đêm ấy đài BBC loan tin trận lụt đã làm chết đuối vào khoảng một trăm nạn nhân ! Và bắt đầu từ sáng hôm sau, ngày ngày tôi bó gối trên căn gác nhà anh Lê, ngồi rình từng đám mây, từng con chim sẽ kiếm ăn lẻ loi, để hy vọng một chuyến bay...

Trong những ngày ấy tôi có dịp học thêm hai câu ca dao :

« Đất Quảng-nam (1) chưa mưa
đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say».

Hai câu ngẫu ngao của người bình dân thuộc một thể thơ dân tộc : thể thất ngôn Việt.

Cũng trong những ngày năm mưa tại đây, tôi có dịp nhận thấy câu thơ thất ngôn Việt nhất định cự tuyệt một cuộc chung sống với câu thất ngôn Tàu. Thi sĩ Tố Hữu đã ép uồng một cuộc chung sống như thế, và ông đã thất bại. Bài thơ « Theo chân Bác » của ông kẹp trong tập nhật ký của anh Vương ngọc H. có những đoạn theo luật thơ Việt :

« Bắc sơn gọi, Nam kỳ nổi dậy
Sống một ngày hơn mấy mươi năm
Lửa căm giận sôi dòng máu chảy
Sức mỗi người bỗng hoá thành trăm.»

lại có những đoạn theo luật thơ Tàu :

« Chiều mùa thu ấy đến Diên an
Có một hồng quân tay nóng ran
Đầy chiếc xe bò lên với bạn
Rời đi...lên bước xuống phương Nam»

Đôi bên biệt lập với nhau như thế thì êm đẹp. Nhưng nhà thơ bỗng cao hứng chế tạo một điệu thơ Hoa Việt :

« Hồn nước gọi | tiếng bom | Sa điện
Trái tim | Hồng Thái | nở vang trời
Máu thơm tưới | mầm non | xuân đến
Vui lại rồi | Tổ quốc | ta ơi.»

« Trái tim Hồng Thái » bị lạc loài giữa ba câu thơ khác nhịp. Nó nằm

trong câu thơ Tàu (ngắt nhịp 2, 2, 3, kết thúc bằng một nhịp lẻ); trong khi ấy các câu thơ Việt ngắt nhịp 3, 2, 2, kết thúc bằng nhịp chẵn (2).

Giả sử có thể đảo thành « Nở vang trời Hồng Thái trái tim », câu thơ sẽ không làm hỏng nhịp điệu chung của toàn đoạn.

Thi sĩ không quan tâm đến điều ấy. Trong bài thơ dài này ông xáo trộn liên tiếp hai điệu thơ xa lạ trong nhiều đoạn. Như thể một người hờn hờ tung ra một phát kiến, một người hăng hái thừa thắng xông lên.

« Đất Quảng nam chưa mưa đã thấm,
Rượu hồng đào chưa nhắm đã say. »
Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc,
Em có chồng anh tiếc lắm thay »...

Cặp thứ nhất phải ra đời sau ngày thành lập xứ Quảng, là một câu ca dao còn non tuổi. Hai câu sau và vô số những câu ca dao tương tự, ai biết chúng xuất hiện vào thời nào ? Thể thất ngôn Việt đã sống với chúng ta nghìn năm chẳng ? Hai nghìn năm chẳng ? Chỉ biết ở trình độ văn hóa của người Mường, họ đã có những câu hát cùng điệu ấy (2).

(1) Các quận Tam kỳ, Thăng bình (nói trong bài này) trước thuộc tỉnh Quảng nam, mới được tách ra từ khi đặt thêm tỉnh Quảng tín.

(2) Xin xem bài « Nghĩ về vài thể thơ Việt-nam » trong *Bách Khoa* số 14 ra ngày 1-8 1957. và bài « Câu thơ tám chữ » trong *Bách Khoa* số 15, ngày 15-8-1957, cùng tác giả.

Mặt khác, câu thất ngôn Tàu chắc hẳn cũng không kém tuổi thơ.

Trải qua hàng nghìn năm, hai điệu thơ tồn tại bên cạnh nhau mà tuyệt nhiên không chịu hòa hợp cùng nhau. Không ai dám tin rằng chỉ vì suốt một thời gian dài ấy chúng ta thiếu một thi sĩ nhanh nhẩu. Hẳn phải có lý do nào sâu xa mà trong cơn hăng say hơn hờ nhà thơ miền Bắc không kịp để ý đến.

Phối hợp thể nọ với thể kia là một sở thích của các thi sĩ Việt nam, bác học cũng như bình dân; chúng ta có thể song thất lục bát, và rất nhiều câu ca dao hỗn hợp thất ngôn với lục bát.

Tuy nhiên, trong trường hợp nào cũng chỉ có các thể thơ thuần Việt hòa hợp với nhau mà không hề có chuyện Hoa Việt hợp thể.

Trong bài hát ả đào, hai câu «thơ» được thỉnh vào không phải để hòa mình, mà là để tách riêng ra đứng sừng sững một mình như vị khách lạ : lạ về thi luật, lạ về nhạc điệu, lạ về ngôn ngữ (trong bài hát Việt, hai câu ấy viết bằng Hán văn).

Hóa ra thơ không dễ dàng chịu hợp thể như người hợp chúng. Câu thơ, coi vậy mà nó không ngoan ngoãn đâu.

VÕ PHIẾN

11-72

thuốc ho viên

Pectal
FORT



trị các chứng **HO**



ho gà, ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm, suyễn
sưng cuống phổi

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

thuốc ho viên

PECTAL
FORT

trị các chứng **HO**

ho gà ho khan
ho từng cơn
ho ra đàm
cảm suyễn
sưng cuống phổi

Bán tại các nhà thuốc tây.

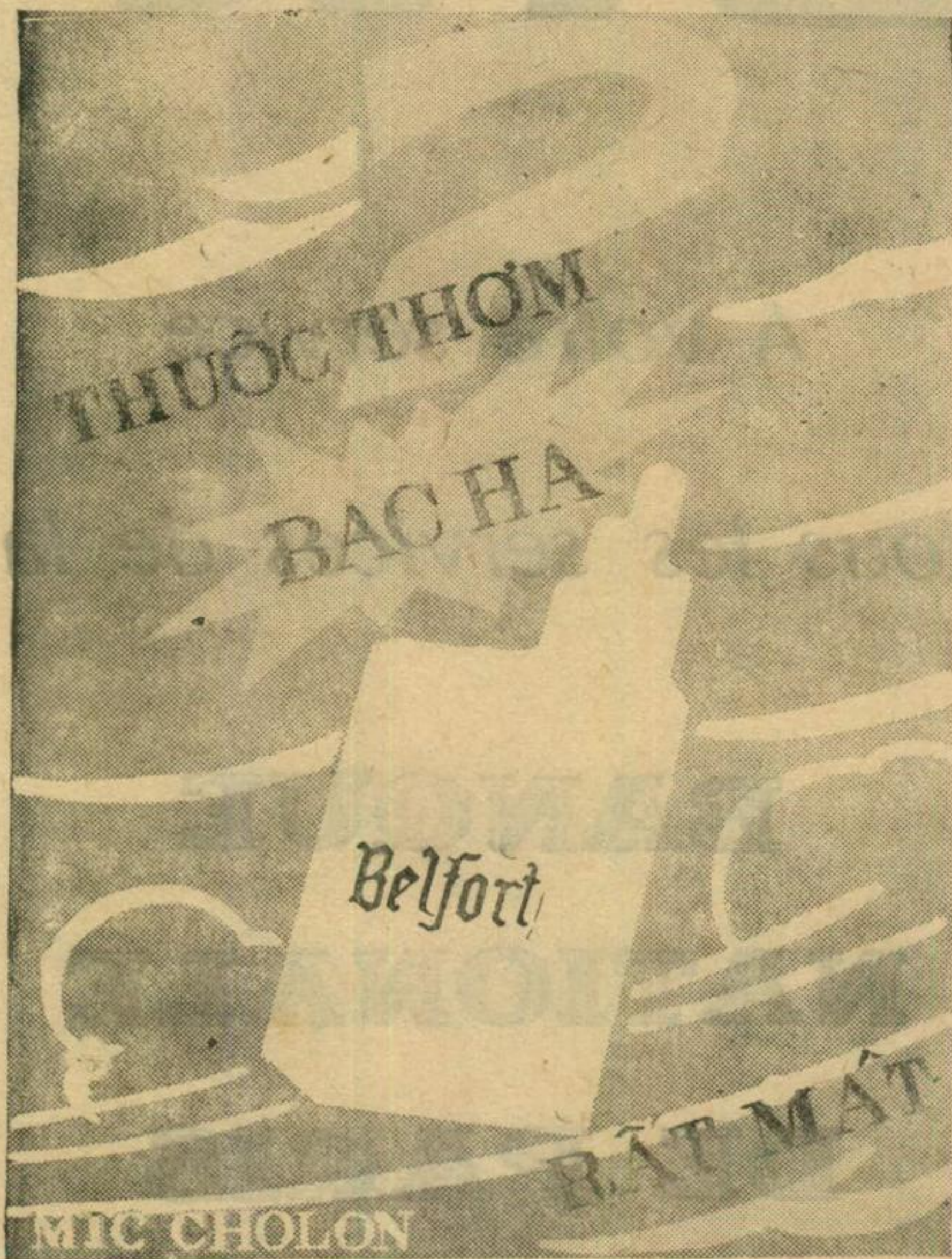
*Trên đường vào vườn hoa nghệ-thuật đầy kỳ hương
dị thảo, người có máy ảnh tìm đọc*

Bước đầu Nhiếp-ảnh Nghệ-thuật và Nhiếp-ảnh Nghệ-thuật bước hai

của Nguyễn-Cao-Đàm

Trần-Cao-Linh

MÀN ẢNH xuất bản



BNP

A votre service

tous les services de la

**BANQUE
NATIONALE
DE PARIS**

Viễn-đồ cho Đông-Y

Tháng 11 vừa qua, hội Hưng-Giáo Văn-Đông có mở ba cuộc hội thảo về Y-lý phương Đông. Cũng nên nhắc lại bối cảnh quốc nội và quốc ngoại của những cuộc hội-thảo này.

Ở trong nước, thầy lang ta bị nghị-định hành nghề Đông-Y do toàn quyền thực dân ngăn đón. Nghị-định này, đến nay, chỉ được cựu Thủ-tướng Nguyễn-Khánh sửa mũi mấn đôi chút. Decoux và Nguyễn-Khánh chỉ đề ý đến thầy lang, mà không đưa ra biện pháp nào để bảo vệ y-học.

Trong pháp-nhiệm 1 của tòa Lập-pháp, Hạ-viện cũng như Thượng-viện có trong hồ-sơ vài dự luật về qui-chế Đông-Y. Nhưng mà những dự luật này còn ngủ trong hồ-sơ, chưa thành luật, nên đến nay Bộ Y-tế chỉ áp dụng sắc-luật của Decoux và Nguyễn-Khánh. Trong lúc đó, Đại-học Minh-Đức có đem Đông-Y mà dạy trong Phân-khoa Y-khoa của mình. Nhưng mà Y-sĩ-đoàn (Tây-y), phản-ứng mạnh nên bộ Giáo-dục phải ép Đại-học Minh-Đức xóa bỏ chương-trình Đông-y trong phân-khoa Y-khoa của mình. Và Viện-trưởng Bửu-Dưỡng phải rút lui, nhường chỗ cho một Viện-trưởng khác, mềm dẻo hơn.

Còn ở ngoài nước, trong năm vừa qua một số nhà bác học, nhà báo Mỹ, Pháp... qua thăm Trung hoa, chánh phủ Cộng-hòa Nhân-dân Trung-hoa có biểu diễn vài màn Đông Y hấp dẫn cho những cặp mắt xanh Âu Mỹ lè

chơi. Ví như ứng dụng khoa châm cứu đã làm cho kẻ bị mổ xẻ không đau nhức, tức là làm cho sống lại cái trò Hoa Đà mổ tên cho Quan Công đương chơi cờ tướng. Những màn biểu diễn ấy làm cho thế giới ngạc nhiên trước những «nhiệm mầu» của Đông Y, và phái đoàn này nối phái đoàn kia, những y sĩ các nước đến viếng Trung Cộng, chẳng khác nào kẻ đạo hành hương nơi thánh địa của Y học.

Ở Việt-Nam, chúng ta chớ nên quên bối cảnh kinh tế. Tình trạng vật giá leo thang, khan hiếm ngoại tệ, thay đổi hối xuất, làm cho thuốc tây lên giá, song song với việc thuốc Bắc lên giá. Khiến cho giới bình dân đau chơn hả miệng, kêu gào trở lại Việt Y để xử dụng cây nhà lá vườn. Nhưng mà làm sao? Khi mà những ông thầy thuốc Nam nay không còn bao nhiêu, sách vở thiếu sót, tổ chức chỉ còn vồn vện cái tổ chức phát thuốc thí của Giáo hội Tịnh Độ Cư Sĩ.

Một cuộc tranh chấp « Ba phải »

Cuộc tranh chấp về Đông Y, mà Viện Đại-học Minh Đức là nạn nhân là một cuộc tranh chấp « ba phải ».

Những bác sĩ và Đông Y sĩ lãnh đạo phần Đông Y ở Phân khoa Y khoa Đại học này có cái phải của họ. Trong lúc mà Đông Y được thế giới ca ngợi, được y khoa Pháp, Anh, Đức, Hoa kỳ đề tâm nghiên cứu, được y khoa Nhật và Trung Hoa phục hưng, khi mà

Việt Nam có những Tụê Tĩnh, Hải thượng Lãn ông, Nguyễn Đình Chiểu sáng tác hẳn hoi về y khoa, có cả muôn y sĩ hành nghề, thế mà Đại-học không đem cái truyền thống, cái kho tàng y khoa quý báu của tổ tiên mà duy trì, mà phát triển, thì là một sự thiệt thòi đáng tui hồ. Đó là một việc phải thứ nhất.

Y sĩ đoàn (Tây Y) thấy quyền lợi mình bị chia xẻ, muốn ngăn đón sự hi sanh của Viện Đại-học Minh Đức. Nhưng đem quyền lợi thấp hèn mà làm lý đề tranh đấu là một việc xấu hổ, nên tựa vào một luận cứ rất phải là nếu dạy Đông Y thì căn cứ vào đâu mà dạy? Rủi ông lang hốt thuốc chết người, bằng cấp bác sĩ có đảm bảo cho y sĩ không ở tù chẳng? Như vậy là y sĩ đoàn cũng phải nữa.

Sau cùng Bộ Giáo dục biết sự hi sanh của Viện Đại học Minh Đức là chánh đáng, nên cho phép dạy Đông Y, nhưng rồi nghe y sĩ đoàn Tây Y nói phải, Bộ Giáo dục cũng biết nghe theo, ấy là một việc phải nữa. Thế là có đủ ba phải.

Một cái ba phải rất tai hại cho tiền đồ Y học nước nhà, và cho sức khỏe của đại chúng, không đủ tiền uống thuốc, chỉ gởi mạng sống mình cho mấy ông lang (băm cùng chẳng, không có gì giúp cho phân biệt).

Nên tổng hợp ba phải trên còn lại một phải

Cuộc tranh chấp ba phải nêu trên đến điểm chết, không lối thoát. Bởi vì ông Lập pháp làm ngơ, không ra một đạo luật nào giúp soi sáng vấn đề thêm.

Cũng may mà Hiến pháp minh định sự tổ chức Hội đồng Văn hóa Giáo dục, mà trong phiên họp rồi có quyết

định sự thành lập một Hàn lâm viện.

Một Hàn lâm viện ví như Hàn lâm viện Pháp (Institut de France) chia ra thành nhiều bộ môn, mỗi bộ môn có một cái académie (không biết nên dịch ra làm sao, vì đây là một tên riêng của một thửa vườn, được dùng làm tên chung để trở một tổ chức na ná như vậy). Có lẽ nên thay đổi danh từ toàn hệ thống là hơn.

Hàn có ý nghĩa văn chương, hàn mặc, thì dành cho académie văn chương danh từ Hàn lâm viện. Còn như cái Académie de Médecine, thì gọi văn tắt là Y lâm viện. Riêng ở Việt Nam, mấy ông lang Tây thì chịu hệ thống của cái Tây Y lâm viện, còn các ông lang ta tất phải chịu hệ thống của Đông Y lâm viện (Académie de Médecine orientale).

Khi đã có những Y lâm viện rồi, thì các Đại-học bắt buộc chỉ dạy những gì mà Y lâm viện công nhận. Và những Y sĩ, nếu cho toa hốt thuốc ngoài khuôn khổ của Y lâm viện, là bị can vào tội hành nghề Y bất hợp pháp (exercice illégal de la médecine). Cái tội này gồm có hai mặt. Mặt thứ nhứt là kẻ hành nghề không có bằng cấp của một Đại-học, dạy đúng theo huấn thị của Y lâm viện, tất nhiên bị tội này. Mặt thứ hai dầu có bằng cấp đi nữa, mà bệnh nhơn ngủm củ tỏi, gia đình kiện, giáo nghiệm thấy rằng Y sĩ dùng phương thuật chưa được Y lâm viện công nhận, là một lang băm, ở tù như thường.

Như vậy, cần phải tổ chức Tây Y sĩ đoàn, để quản trị những ông lang Tây, và Đông Y sĩ đoàn để quản trị những ông lang ta. Đại học không nên

mở phân khoa y khoa hồ lớn cả Đông và Tây. Hai thứ này hiện nay còn khác biệt nhau lắm, học một lúc, sinh viên đã mệt trí, mà còn lộn xộn đầu óc. Hai phân khoa Tây Y và Đông Y phải khác biệt trong môn dạy, chương trình, giáo sư, cũng như bằng cấp.

Thử bàn về sự thành lập Đông Y lâm viện

Sự thành lập những «lâm viện» (académie), buổi ban đầu là cả một sự khó khăn. Nhưng không phải vì khó mà tránh chẳng khác nào con gái về nhà chồng, thế nào cũng phải mắc cái đê mê tân hôn. Ngày nay lảnh, thì ngày mai cũng phải làm. Thà có nghị lực mà gánh ngay trách nhiệm.

Rút kinh nghiệm các nước, buổi ban đầu, chánh phủ nên gánh phần nửa phần trách nhiệm, mà tấn phong phân nửa nhân viên, còn phân nửa thì các tổ chức Đông Y bầu lên. Về sau, mỗi khi có người khuyết tịch, thì Đông Y lâm viện sẽ tự chỉ định người mà lâm viện xét là xứng đáng. Tức là sau đó, chánh phủ không còn xen vào Y lâm viện nữa.

Thử bàn về chương trình một phân khoa Đông Y

Sau một thời Đông Y lâm viện hoạt động, thì có thể các Đại học mở ra những phân khoa Đông Y.

Vào phân khoa này, bắt buộc phải có bằng tú tài để có một nền học thuật khái quát, và phải học một lớp, giống như lớp SPCN, kèm thêm một chứng chỉ Hán học, vì chẳng biết chữ Hán

thì không nên học Đông Y. Chừng nào tiếng Việt có đủ sách về Đông Y rồi sẽ hay.

Sau năm Dự bị này, chương trình Đông Y đệ nhứt cấp có ba năm, học tại Đại học, và thực tập ở các Chẩn y viện gần. Đệ nhứt cấp này kết thúc bằng cái bằng cấp Đông Y sĩ.

Bằng cấp này cho phép hợp tác với một bác sĩ Đông Y (lúc ban đầu khi chưa có bác sĩ Đông Y, thì hợp tác với một Đông Y sĩ có mười năm thực nghiệm), để vừa hành nghề, vừa tiếp tục học thêm trong ba năm nữa. Và ra trường với một luận án được Y lâm viện kiểm soát và đem ra trình trước Ban Giám khảo của Đại-học, để lấy bằng Đông Y khoa bác sĩ.

Hành động thực tiễn

Ngay bây giờ, song song với việc chánh phủ thành lập Đông Y lâm viện, các Đại Học có thể mở ngay những lớp Dự bị cho các sinh viên nào muốn năm tới vào Phân khoa Đông Y.

Và Đông Y lâm viện phải có chương trình kế hoạch nghiên cứu để xác nhận mỗi năm, trong các Phân khoa được phép dạy môn nào. Chỉ trong bảy năm, giai đoạn quá độ, nước nhà sẽ thoát ra khỏi tình trạng bế tắc ngày nay.

HỒ HỮU TƯỜNG

GIỚI THIỆU HAI CUỘC TRANH-LUẬN VỊ-NGHỆ-THUẬT VÀ VỊ-NHÂN-SINH

● Cuộc tranh-luận lần thứ nhất xảy ra từ năm 1935 đến năm 1939 trên các báo Văn-học : « Tiểu-thuyết thứ bảy », « Đồi mới », « Văn-học tuần-san », « Tràng-an », « Hà-nội báo », « Tiến-bộ », « Hồn trẻ », « Ngày nay », « Tao đàn »...

— Phái chủ-trương Vị-nghệ-thuật : THIẾU-SƠN, HOÀI-THANH, LƯU-TRỌNG-LƯ, LÊ-TRĂNG-KIỀU...

— Phái chủ-trương Vị-nhân-sinh : HẢI-TRIỀU, HẢI-THANH, HẢI-KHÁCH, HẢI-ÂU, HỒ-XANH, LÂM-MỘNG-QUANG, THẠCH ĐỘNG, BUI-CÔNG-TRÙNG...

— Phái chủ-trương đứng ngoài cuộc tranh-luận : NHÓM TỰ-LỰC VĂN-ĐOÀN.

● Cuộc tranh-luận lần thứ nhì xảy ra từ năm 1967 đến năm 1971 hoặc có thể còn kéo dài. Cuộc tranh-luận lần này không có tính cách trực-tiếp đối-diện, phần nhiều là những bài ngộ-nhận hoặc đơn-phương trình-bày quan-điểm trên các tạp-chí văn-học : « Đất nước », « Trình bày », « Ý-thức », « Văn-học », « Khởi-hành », « Bách-khoa ». Từ ngữ mới được dùng là « Văn-nghệ dẫn-thân và Văn-nghệ viễn-mơ » thay vì « Vị-nhân-sinh và Vị-nghệ-thuật » như lần trước.

— Phái chủ-trương Vị-nhân-sinh (hay dẫn-thân) : NGUYỄN-VĂN-TRUNG (?) NGUYỄN-TRỌNG-VĂN, THẾ-NGUYỄN, TRẦN-TRỌNG-PHỦ, TRẦN-HỮU-LỤC, QUÁN-NHU, NGUYỄN-MỘNG-GIÁC...

— Phái chủ-trương Vị-nghệ-thuật (hay Viễn-mơ) : Gồm các bài báo của vài tác giả chưa sưu-tầm được. Trong số có loạt bài « Góp phần luận về Văn-chương Viễn-mơ » của TRẦN-VĂN-NAM, loạt bài này đã đăng trong tuần báo văn nghệ « Khởi-hành » (số 33, 42, 49, 53, 61, 67, 69, 72, 86), tạp chí « Văn-học » (số 80, 115, 119, 140), « Văn » (số 142), « Văn đề » số 7 (1967), « Chính Văn » (ra ngày 1-1-1972), « Trình bày » số 42.

— Những người chủ-trương đứng ngoài cuộc : MAI-THẢO, VIÊN-LINH, HOÀNG-NGỌC-TUẤN, HUỖNH PHAN-ANH, THẾ-UYÊN, DUYÊN-ANH.

— Những người chỉ trình bày khách quan hai quan-điểm Dẫn-thân và Viễn-mơ : NGUYỄN-NHẬT-DUẬT, CAO-HUY-KHANH, DÃ-THỤY.

Nhà xuất-bản nào muốn in tài-liệu này, xin thương-lượng bằng thư về địa-chỉ : ông PHẠM-TẤN-CỰ, số 410/27A đường Lê-văn-Duyệt, Saigon. (Nhờ chuyển cho TRẦN-VĂN-NAM).

Ngày trở về của Juan Perón

Ngày 17-11 vừa qua Juan Péron sau 17 năm lưu đầy hải ngoại, đã trở về Á-căn-đình tìm cách nối lại cuộc đời chính trị huy hoàng ngày trước. Nếu ngày trở về của ông đã làm cho chính quyền lo âu, làm cho các giới đại tư-bản thắc mắc, thì nó lại tạo nên một nguồn hy vọng chan chứa bao la trong giới lao động. Người thợ và người nông dân Á-căn-đình không bao giờ quên những giờ phút cuồng nhiệt nhất trong lịch sử nước họ khi Juan và Eva Péron nắm chính quyền để bảo vệ giai cấp bản cùng trong xã hội. Những người còn ủng hộ Péron đều còn giữ nguyên hình ảnh cặp uyên ương Juan và Eva mà họ đã thần-thánh-hóa và coi như sứ giả của Thượng-đế gửi xuống cứu vớt họ. Chính bà Eva Péron đã cố tình tạo nên được hình ảnh này và yếu tố thành công chính của Péron cũng là Eva. Ngày nay Eva không còn nữa, nhưng Péron 77 tuổi vẫn trở về, ra mắt quốc dân với cái bóng của Eva (1) là bà vợ thứ 3, Isabella, không kém phần khôn khéo. Và hiện thời Isabella cũng đang cố gắng nối tiếp sự nghiệp của Eva ngày trước.

Anh hùng thuyền quyền gặp gỡ

Juan Péron sinh năm 1895 thuộc giai cấp trung lưu. Vì Péron muốn được coi là một « bản-cổ-nông » nên không ai biết rõ gia đình ông ra sao. Tuy ông cố tình che dấu nguồn gốc của mình, nhưng chỉ cần nhìn vào

sự khởi nghiệp của ông là thấy ngay ông thuộc giai cấp khá giả. Thật vậy, tại một xã-hội Á-căn-đình phong-kiến, còn tràn ngập truyền thống Tây-ban-nha, một người muốn đi theo cuộc đời binh nghiệp chắc chắn phải thuộc thành phần khá giả. Tốt nghiệp trường Võ-bị Á-căn-đình, Juan Péron đã có nhiều thần thể ông cha để có thể được cử sang Ý tu nghiệp. Tại Ý, vị sĩ quan trẻ tuổi đã hấp thụ được các tư-tưởng độc tài của một Mussolini và một Hitler vào thời cực thịnh. Hơn nữa Péron, gốc Ý, nên thí nghiệm Phát-xít của Mussolini đã có nhiều ảnh-hưởng tới thái độ chính trị của ông rất nhiều.

Tuy thần thể, tuy thuộc giai cấp trung lưu, nhưng viên sĩ quan cao ráo đẹp trai Juan Péron, cho đến gần 50 tuổi, vẫn chỉ lên tới cấp bậc Đại-tá. Á-căn-đình chẳng hề đánh nhau với ai nên các sĩ quan chẳng có dịp trở tài. Vì vậy muốn có địa vị, Péron chỉ còn có cách là hoạt động chánh trị. Năm 1941, lịch-sử Á-căn-đình bắt đầu tạo cho Péron một cơ hội tốt đẹp để xuất hiện trên chính-trường quốc-gia. Thật vậy khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và nhất là từ khi Hoa-kỳ nhẩy vào vòng chiến, dân chúng Á-căn-đình cũng như dân chúng tại các quốc-gia Mỹ-châu khác bị chia rẽ trước thái độ đối với các nước độc tài Đức, Ý. Tình hình kinh-tế lại khó khăn, quân đội đảo chính liên miên. Hết vị Tổng-Thống

(1) Eva là vợ thứ nhì

này bị lật lại đến vị Tổng-Thống kia bị nhào.

Tháng 8-1942 Thượng Nghị-viện Á-căn-đình biểu quyết điều tra về vụ mua ruộng đất bất hợp pháp. Tổng-trưởng Quốc phòng và nhiều nhân viên khác trong chính-phủ bị dính líu vào vụ này nên Tổng Thống Roberto M. Ortiz phải từ chức, nhường quyền cho Phó Tổng Thống Ramon S. Castillo. Vì cuộc khủng hoảng chính-trị năm 1942 bắt nguồn từ sự hối mại quyền thế của giới quân phiệt, nên giới này đã quyết định đảo chính lật đổ Tổng Thống Castillo và đưa Tướng Pedro P. Ramirez lên nắm chính quyền.

Ảnh hưởng của cuộc Đệ-nhị Thế-chiến càng ngày càng trở nên mạnh mẽ. Tại Á-căn-đình người thì đòi đoạn giao với Đức, kẻ thì đòi đi theo Hoa-kỳ. Theo quyết-nghị của tổ-chức các Quốc-gia Mỹ-châu thì các quốc-gia thuộc lục-địa này phải ngưng hết mọi giao-thiệp với Đức quốc-xã đề ủng hộ Hoa-kỳ. Nhưng «Nhóm các sĩ quan đoàn kết» (Grupo de Oficiales Unidos hay GOU) cương quyết chống lại mọi hành động bất thân thiện với Đức. Nhóm này do Đại-tá Juan Domingo Perón cầm đầu và cũng là nhóm đã đưa Tướng Ramirez lên làm Tổng Thống. Sau đó Perón được Ramirez cử làm Phó Tổng Thống kiêm Tổng Trưởng Lao-động. Nhưng Hoa-kỳ, một trong những quốc gia lâm chiến chống Đức, đã lên tiếng tố cáo là Á-căn-đình vi phạm hiến-chương của Tổ-chức các quốc-gia Mỹ châu và đe dọa dùng biện-pháp mạnh. Từ khi Tổng thống Hoa-kỳ Monroe tuyên bố là Mỹ-châu thuộc vùng ảnh

hưởng của Hoa-kỳ thì không một nước nào ở Mỹ-châu La-tinh còn dám đi ngược lại đường lối của Hoa thịnh-đốn. Vì vậy mà trước thái-độ quyết-liệt của Hoa-kỳ, Perón phải từ chức và bị Tổng Thống Ramirez đẩy ra một hòn đảo trên giòng sông Plata. Nhưng một yếu tố bất ngờ xuất hiện trong đời sống chính trị Á-căn-đình là Eva Duarte, cô nhân tình của Perón, quyết định nhảy vào chính-trường.

Trước khi làm Phó Tổng Thống Perón đã goá một đời vợ. Nhưng là một tay háo sắc ông không chịu được cảnh goá bụa nên đã bắt bồ với một cô gái rất đẹp, tóc hoe vàng, tên là Eva Duarte. Eva Duarte là con hoang của một người đàn bà thuộc giai cấp bản cổ nông. Eva không bao giờ được biết cha cô là ai vì ông này đã bỏ mẹ cô từ khi cô chưa sinh ra đời. Ngay từ khi lọt lòng, Eva đã phải chịu một cuộc sống nghèo khổ cơ hàn. Cô đã phải giúp mẹ buôn thúng bán mẹt để sống cho qua ngày nên cô căm thù giai cấp tư bản. Lúc lớn lên nhờ có sắc đẹp quyến rũ, cô đã được nhiều nhà sản xuất điện-ảnh đề ý tới. Nhưng Eva chỉ có sắc đẹp mà lại thiếu tài năng diễn xuất nên sau một vài phim cô vẫn phải đóng những vai phụ tối tăm, chẳng ai biết tới. Đã giận đời đen bạc, cô lại còn tủi hổ cho sự thiếu tài năng và nhất là sự thất học của mình. Nhưng Eva là một người đàn bà đầy tham vọng và nghị lực. Cô đã bỏ nghề điện ảnh chuyển sang ngành truyền-thanh. Với giọng nói ấm áp và lưu loát cô đã trở thành

một minh-tinh trong nghề xướng-ngôn. Khi làm xướng-ngôn-viên của đài phát-thanh Buenos Aires, Eva đã gặp Juan Péron và bắt đầu có một cuộc sống huy hoàng mà cô thường mơ ước khi còn ngồi bán hàng nước bên đường. Cuộc tình duyên của một viên Đại-tá ngọt ngũ tuần và cô xướng ngôn mới 20 tuổi đã trở thành một dữ-kiện mới của đời sống chính trị Á-căn-đinh.

Thật vậy, tháng 10. 1945, khi Péron bị thất sủng và bị giam thì Eva Duarte đã dùng luồng sóng điện để kêu gọi giới lao-động, các nghiệp-đoàn và dân chúng thuộc các giai cấp yếu kém trong xã-hội xuống đường biểu tình đòi Péron trở lại chính quyền. Đây hoàn toàn là một sáng kiến của Eva. Cô tuy ít học nhưng có trí nhớ dai. Cô nhớ rằng trong thời gian làm Tổng-trưởng Lao-động, cô đã xúi Péron ban hành nhiều đạo luật xã-hội rất táo bạo, như ngày làm việc 8 giờ, một tuần làm việc 42 tiếng, an-ninh xã-hội v.v.

Những biện pháp này đã khiến cho giới thợ thuyền hết mình ủng hộ Péron. Nay nhờ có sắc đẹp và giọng nói quyến rũ, một mình Eva đã biến được sự biết ơn của giới lao động thành sự ủng hộ nồng nhiệt. Những tên đầu trộm đuôi cướp, những nông dân bị bạc đãi và những lãnh tụ nghiệp-đoàn đã được Eva đoàn-ngũ-hóa thành một lực lượng hùng hậu để đưa Péron lên nắm chính quyền. Những người ủng hộ Péron tự xưng là những «Descamisados» hay là những «kẻ không có áo sơ-mi để mặc» đã rầm rộ biểu tình khiến Ramirez hoảng sợ phải ra lệnh thả Péron.

Trong cuộc bầu cử Tổng-Thống vào ngày 2. 1946, Péron đã đắc cử Tổng-Thống một cách vẻ vang và cô gái phiêu lưu Eva nghiêm nhiên trở thành Đệ-nhất phu-nhân của xứ Á-căn-đinh, rộng mệnh mệnh với những nguồn tài-nguyên vô tận chưa được khai thác. Anh hùng Juan Péron và gái

Đã phát hành :

KHÁI HƯNG thân thể và tác phẩm

tập tiểu luận văn học

viết về nhà văn lớn thời tiền chiến,

linh hồn của Tự Lực Văn Đoàn

DƯƠNG-NGHIÊM-MẬU — ĐÀO-TRƯỜNG-PHÚC
ĐẶNG - PHÙNG - QUÂN — HUỲNH - PHAN - ANH
THU - TRUNG — VŨ-BẰNG — VŨ-HẠNH.

NAM HÀ xuất bản

ĐỜI MỚI tổng phát hành

● Một tài liệu tham khảo cần thiết cho học giới.

thuyền duyên Eva Duarte bước vào Hồng điện (Dinh Tổng-thống) và sống chung tại căn nhà này trong 6 năm liền cho tới khi Eva qua đời.

«Thượng đế» Juan Péron và «Thánh» Eva

Péron đắc cử Tổng-thống đã là một công trình vĩ đại của Eva. Giúp cho Péron duy trì ngôi Tổng-thống đòi hỏi ở Eva một trí thông minh xuất chúng.

Tuy ít học Eva cũng biết rằng Péron chỉ nắm vững chính quyền nếu có một ý-thức-hệ thu hút được quần chúng. Péron chỉ là một người theo thời-cơ chủ-nghĩa. Thời-cơ của Péron tức là Eva đã đến để đưa Péron lên giữ địa vị nguyên thủ quốc gia. Để củng cố địa vị này Juan và Eva Péron đưa ra một chủ-nghĩa mới gọi là «Công lý chủ nghĩa» (Justicialisme). «Công lý chủ nghĩa» có một vị trí ở giữa tư-bản chủ-nghĩa và cộng-sản chủ-nghĩa. Chống tư-bản là hoàn toàn phù hợp với tâm trạng một nàng Eva túng đỏi năm xưa, nhưng cùng một lúc chống Cộng-sản lại là đúng ý thích của một sĩ quan xuất thân từ giai cấp trung lưu.

Để thực hiện «Công lý chủ nghĩa» Péron đã đưa ra một kế-hoạch phát-triển ngũ niên. Péron quốc-hữu-hóa ngành hỏa-xa thuộc quyền sở hữu của Anh, quốc-hữu-hóa các ngân-hàng, giải-phóng phụ-nữ, thiết lập hệ-thống an-ninh xã-hội và ban hành các biện-pháp cho phép công nhân được quyền kiểm soát sự điều hành của xí-nghiệp v.v...

Về mặt đối ngoại, Péron dùng người Mỹ làm «con dê chịu tội». Chính sách đối-ngoại của Péron tóm tắt chỉ là hai chữ «chống Yankee». Lôi cuốn thợ thuyền và nông dân bằng cách cho họ hưởng nhiều quyền lợi cũng chưa đủ. Eva và Juan Péron còn tìm cách tạo cho chính quyền của mình một tính chất thần thánh. Eva tuyên bố rằng: «Péron là Thượng đế nên không có Péron thì không có thiên đàng.» Lúc hứng lên, Eva còn coi chồng là «Ánh sáng, là mặt trời, là hơi thở của dân Á-căn-đinh.»

Một hôm Péron bị bệnh vừa khỏi, một người khách đến hỏi thăm sức khỏe của ông, thì một viên phụ-tá đã mau mắn đáp: «Ồ Péron còn sống một trăm năm nữa». Nhưng Péron đã thản nhiên nói tiếp: «Dân Á-căn-đinh còn được tôi cai trị 5.000 năm nữa, sau khi tôi chết «Công lý chủ nghĩa» còn sống thêm muôn đời».

Chính sách mở mang kinh-tế và xã hội của Péron đã đưa Á-căn-đinh tới phá sản nhưng vì làm sỗ sách gian lận nên xí-nghiệp nào của Péron cũng trù phú-chương trình nào của Péron cũng thành công. Mỗi khi đi kinh lý ở các tỉnh, Péron đều phát kẹo, bánh, thịt, giấy dép cho dân chúng. Những người dân được quà ca tụng vợ chồng Péron hết mình. Nhưng có một điều họ không biết là trước mỗi chuyến công du, Péron đã thả lính đi cướp các cửa hàng tại các đô-thị để làm quà cho nông dân.

Cũng như các vị Đệ-nhất phu-nhân khác, Eva đã hoạt-động xã-hội rất

manh. Vì các « mệnh phụ phu nhân » khác tầy chay cô gái nghèo hèn Eva, nên Eva hoạt động một mình. Bà thành lập « Cơ sở Eva Péron » mỗi năm tiêu sài 100 triệu Mỹ kim, tiêu không cần đếm. Ai có nói gì thì Eva trả lời « Khi người ta hoạt động từ thiện người ta không đếm tiền, sổ sách kế toán hoàn toàn vô ích ! »

Eva được dân chúng sùng bái gọi một cách triu mến là « Evita ». Trên đầu đường xá chợ, các thôn làng, các thành thị người ta đều thấy có hình ảnh và tên Evita. Nhiều nơi người ta còn thấy hình ảnh Evita với vòng hào quang trên đầu. Tên Evita ban đêm xuất hiện bằng những ống đèn neon lập lòe trên các công thự, các rạp hát, các công viên. Nói tóm lại đâu đâu người ta cũng thấy chữ Evita hoặc ngoài cửa miệng hoặc trên báo chí hay âm ảnh trong đầu óc người dân.

Dân Á-căn-đinh là những người gốc Tây-ban-nha mộ đạo nên hình ảnh một Thượng-đế Péron và một bà thánh Evita được họ chấp nhận và sùng bái. Bất cứ một hành động nào của vợ chồng Tổng Thống đều được mọi người cho là phải. Do đó nói rằng chính thể Péron là một chính thể độc-tài cũng không đúng hẳn. Đó là một chính-thể gần như « thần quyền », dựa trên nụ cười tươi tắn của « Thánh » Evita. Thánh Evita là trung-gian giữa các con chiên Á-căn-đinh và « Chúa » Péron. »

Tuy nhận mình là thần thánh nhưng cặp vợ chồng Péron vẫn còn nhược-điểm của những người trần

là ham thích một cuộc sống rất sa hoa. Tuy là lãnh-tụ của những người dân « không áo sơ-mi » nhưng Evita ham thích tổ chức hay tham dự những buổi dạ hội để bà có dịp mặc những bộ dạ phục sang trọng nhất, do các thợ may danh tiếng như Christian Dior, Balenciaga, từ Paris gửi tới và khoác những chiếc áo choàng lông thú quý giá nhất. Thánh Evita lại còn thích đeo huy chương. Cái Đại-sứ Á-căn-đinh trên thế-giới được chỉ thị đi vận động để xin cho Evita được những bội-tinh cao quý nhất của các nước.

Chính sách mị dân của vợ chồng Péron đã khiến cho các giới doanh nhân bất mãn vì họ hết đường làm ăn. Ngay cả các hiệu buôn không lấy gì làm lớn cũng phải khốn đốn mỗi khi hai « ông bà Thánh » này đi kinh lý vì hàng hóa của họ bị trưng dụng, tịch thu để « ông bà Thánh » ban cho người nghèo.

Phe đối lập chỉ còn cách là thì thầm với nhau những giai-thoại có thật hay bịa đặt về cặp vợ chồng Péron « rôm đời, trưởng giả học làm sang » mà thôi, vì báo chí thì Evita đã kiểm soát hết cả rồi cũng như bà đã nắm độc quyền các hoạt động xã hội từ thiện.

Chính-sách thần-thánh-hóa Péron và Evita đã đưa chính-thể Á-căn-đinh tới chỗ đụng độ với Giáo-hội Công-giáo tại nước này. Tất nhiên Giáo-hội Công-giáo Á-căn-đinh không bao giờ chịu chấp nhận một « Thượng-đế Péron » cũng như không bao giờ chấp nhận một « bà thánh sống Evita ». Hơn nữa

Péron trước các khó khăn tài chánh đã quốc-hữu-hóa các tài-sản, đất đai, của Giáo-hội. Ông ra lệnh tách rời các trường học khỏi vòng kiểm soát của Giáo-hội La-mã. Vì vậy mà Giáo-hội La-mã đã rút phép thông công Péron.

Trong lúc Péron đang vấp phải những khó khăn với Giáo-hội Công-giáo thì Evita bất hạnh qua đời vào năm 1952 vì chứng bệnh ung-thư. Cái chết của Evita đã được các bộ hạ « không áo sơ mi » khóc thương thảm thiết. Tang lễ Evita được cử hành một cách vô cùng trọng thể. Quan tài Evita được đặt trên một cỗ đại-bác do 40 công nhân kéo thay cho ngựa. Một phong trào vận động phong thánh (canoniser) cho Evita được thành hình. Mỗi khi gặp khó khăn trên đời các bà già Á-căn-đinh lại cầu xin « Thánh Evita ban phước lành cho chúng tôi ».

Nhưng nạn nhân chính của cái chết của Evita lại chính là Péron. Căn-bản của chính quyền Péron từ trước tới nay dựa trên nụ cười của Evita. Nay Evita không còn nữa, Péron không những không còn có chỗ tựa mà lại còn không có ai dàn xếp cho các cuộc đụng

đụng giữa chính quyền và phe đối lập nữa. Vì vậy mà bắt đầu từ năm 1952 chính thể Péron bước vào giai đoạn suy tàn. Biết như vậy nên Péron đã cố lợi dụng vớt vát hình ảnh của Evita. 15 ngày trước khi Evita qua đời, một vị bác sĩ chuyên môn về ướp xác đã đến bên giường bệnh để kín đáo nghiên-cứu cách thức thực hiện. Sau khi Evita trút hơi thở cuối cùng, người ta đã mặc cho bà bộ áo đẹp nhất và trang điểm thật đẹp trước khi quàn xác tại Dinh Tổng-Thống cho dân chúng tới chiêm bái. Sau tang lễ, thi-hải Evita lại được đặt trong một miếu thờ, ngày đêm hương khói nghi ngút. Nhưng thiếu Evita các lực lượng chống đối bắt đầu hoạt động mạnh. Péron vụng về không đương đầu nổi với một khối qui tụ Giáo-hội Công-giáo, quân-đội và giai cấp tư-bản nên đã bị lật đổ. Khi đoàn biểu-tình la hét tiến tới Hồng-điện, Péron chỉ còn có đủ thì giờ mang theo cuốn ngân-phiếu chạy xuống một chiếc tàu của Uruguay để trốn ra ngoại quốc. Và ông đã chọn Tây-ban-nha để nương náu. Tại đây với một trương-mục 500 triệu Mỹ-kim

Đã phát hành :

NHỮNG NGÀY CẠN SỮA

của MINH QUÂN

Giải nhất Truyện ngắn Hội Văn Bút

TRÍ DẰNG xuất bản và phát hành

ký thác tại các ngân-hàng Thụy-sĩ, Péron đã có một cuộc sống vương-giả đề mơ ước một ngày về vinh quang.

Sau khi thần tượng bị lật nhào, dân chúng tràn vào dinh Tổng-Thống, lúc đó mọi người mới biết được cuộc sống « thánh thiện » của vợ chồng Péron xa xỉ đến mức nào. Mở tủ két một biệt thự nghỉ mát của Péron người ta thấy còn từng chồng giấy bạc, từng đồng tiền vàng, bát chén bằng vàng, những bức danh-họa vô giá. Péron còn để lại 10 đôi giày ống, 200 bộ đồ mới, 83 đôi giày và 90 cái mũ.

Năm biệt thự của Péron đều chứa những quần áo quý giá của Evita, đồ nữ trang kiếm không xiết. Nhà đề xe của Péron là một nơi triển lãm xe hơi thường xuyên với những kiểu xe sang trọng nhất, tối tân nhất, có những nhãn hiệu danh tiếng như Cadillac, Rolls Royce, Bentley, Mercedes, Ferrari. Đặc biệt nhất là trong văn phòng của Péron người ta tìm ra được một tủ đầy ảnh đàn bà chụp theo đủ loại, đủ kiểu, đủ mọi động tác !

Dân chúng phần uất quay ra phá những di tích của Evita. Những bức tượng vĩ đại của bà bị hạ xuống. Các hình ảnh của Evita bị xóa bỏ trên tường. Người ta đua nhau tiết lộ những sự nhúng lậm của Péron, nào là làm chủ 28 tờ báo, 2 hãng thông tấn, 15 đài phát thanh, kiểm soát hoàn toàn ngành điện-ảnh và buôn chợ đen ngoại-tệ v.v...

Cuộc đời lưu đầy của Péron tại

một biệt thự ở ngoại ô thành phố Madrid không tẻ nhạt như cuộc đời của các vị vua thất thế. Trái lại, với số tiền khổng lồ trong tay, Péron tiếp tục sống một cuộc đời đế vương. Thật vậy ngoài những số tiền lớn ký thác tại các ngân hàng Thụy-sĩ, Péron vẫn tiếp tục nhận được tiền do đàn em « không áo sơ mi » từ Á-căn-dinh gửi sang giúp. Suốt trong 17 năm qua Péron vẫn không ngừng hoạt động để trở lại chính quyền. Ước vọng trở về của Péron càng sôi sục hơn nữa khi mà từ lúc ông ra đi cả 9 vị Tổng-thống Á-căn-dinh không vị nào tái lập được trật tự trong nước và giải quyết được các khó khăn kinh-tế xã-hội. Dân quê và thợ thuyền vẫn hằng mơ tưởng hình ảnh cặp Juan và Evita đã từng cứu giúp họ.

Năm 1964 lợi dụng một cuộc khủng hoảng chính-trị, Péron đã trốn trong một cái rương để trở về Á-căn-dinh. Nhưng âm mưu bại lộ nên cuộc tính toán này đã trở thành một trò cười. Cách đây 3 năm không chịu nổi cuộc sống góa bụa, Péron đã làm lễ cưới với một cô gái tên là Isabella giống hệt Eva. Nhưng cuộc hôn nhân này đã bị đàn em chống đối vì họ vẫn không muốn một ai chiếm địa vị của Eva. Uy tín của Peron đang xuống dốc mau lẹ thì may thay chính phủ Á-căn-dinh quyết định trả lại cho Péron thi hài của Eva khiến cho dân quê Á-căn-dinh có cảm tưởng là Juan và Eva lại tái hợp nên họ lại bắt đầu hướng về Péron. Tại Buenos Aires Tổng Thống Á-căn-dinh Lanusse,

người da tẻnng bị Péron lên án từ hình cách đây 20 năm, cho rằng ngày nào Péron còn bị lưu đày thì đời sống chính trị trong nước còn bất ổn. Hơn nữa, theo Lanusse, thì Péron giờ đây trở về cũng chẳng làm được gì vì ông đã gần 80 tuổi, lực lượng ủng hộ ông cũng bị tan rã nhiều trong 17 năm qua. Vì vậy Lanusse đã cho phép Péron trở lại quê hương. Lần này không còn phải trốn tránh, Péron đã trở về bằng cửa chính và cùng về với ông là thi hài bà vợ hai Eva và bà vợ ba Isabella. Dân chúng tiếp rước ông nồng nhiệt đến nỗi chính phủ phải huy động tới 35.000 lính để giữ trật tự. Cứ vài phút dân chúng lại đòi Péron ra trước bao lơn cho họ được chào mừng. Đối với một ông già 77 tuổi, sự tiếp rước quá nồng hậu này đã làm ông mệt mỏi không ít, đến nỗi Péron phải van xin «đồng bào hãy để cho tôi nghỉ ngơi cái đã. Từ 5 đêm nay tôi chưa được ngủ vì đồng bào phá quá ».

Nhưng chính cô vợ ba Isabella cũng không để cho ông được yên vì nàng hãy còn trẻ đẹp và lại có tham vọng trở thành một Eva thứ hai. Isabella đã tuyên bố là, khi còn ở Madrid, ngày nào cô cùng tới thăm xác Eva và cầu nguyện cho bà ta, nhưng từ nay cô khỏi phải tới thăm nữa vì giờ đây Eva là của nhân dân Á-căn-đinh và đã được trả lại cho nhân dân. Mỗi lần dân chúng hò reo cổ vũ thì Isabella lại đẩy Péron ra bao lơn để vẫy chào.

Isabella bắt chước Eva đến độ mỗi khi xuất hiện đều mang theo mấy con chó bông xù thuộc giống Caniche mà Eva ưa thích ngày xưa. Rồi dân chúng cũng bắt đầu có cảm tình với Isabella và đã gọi cô ta một cách âu yếm là Isabellita. Người ta tự hỏi trong cuộc bầu cử sang năm, Isabellita có thể đưa vị lãnh tụ già nua Péron trở lại chính quyền hay không.

oOo

Juan Péron có thể là một lãnh tụ thối nát, ông có thể là một chính-trị gia đầy chất khôi hài, nhưng nhân danh một quá khứ ông vẫn còn là một lực lượng chánh trị đáng kể và vẫn còn một vai trò nào đó trong đời sống chính trị Á-căn-đinh nói riêng và Mỹ châu La-tinh nói chung. Thật vậy, vào một lúc mà người dân của lục địa này, thử đủ mọi phương-thức để cải-tạo xã-hội, nâng cao mức sống mà vẫn chưa thành công thì phương-thức Péron còn có thể được coi là một lối thoát. Vào lúc mà chủ-nghĩa tư-bản đã thất bại tại Mỹ châu la-tinh, lúc mà chủ-nghĩa Cộng-sản võ-trang của một Fidel Castro ở Cu-ba hay chủ-nghĩa Cộng-sản hòa hoãn của Allende ở Chili cũng không thành công gì hơn, có lẽ Péron còn có thể là một lá bài cuối cùng mà người dân vùng này có thể sử dụng để đối phó với các vấn đề của thế-kỷ 20.

TÙ MINH

- Một đứa trẻ cô cút, một phụ nữ giàu lòng hy sinh, một cụ già phóng đảng, một nhà giáo tận tâm, một mối tình đầu trong sáng và một tình bạn cao quý, đẹp hơn một bài thơ.

NHỮNG NGÀY XANH

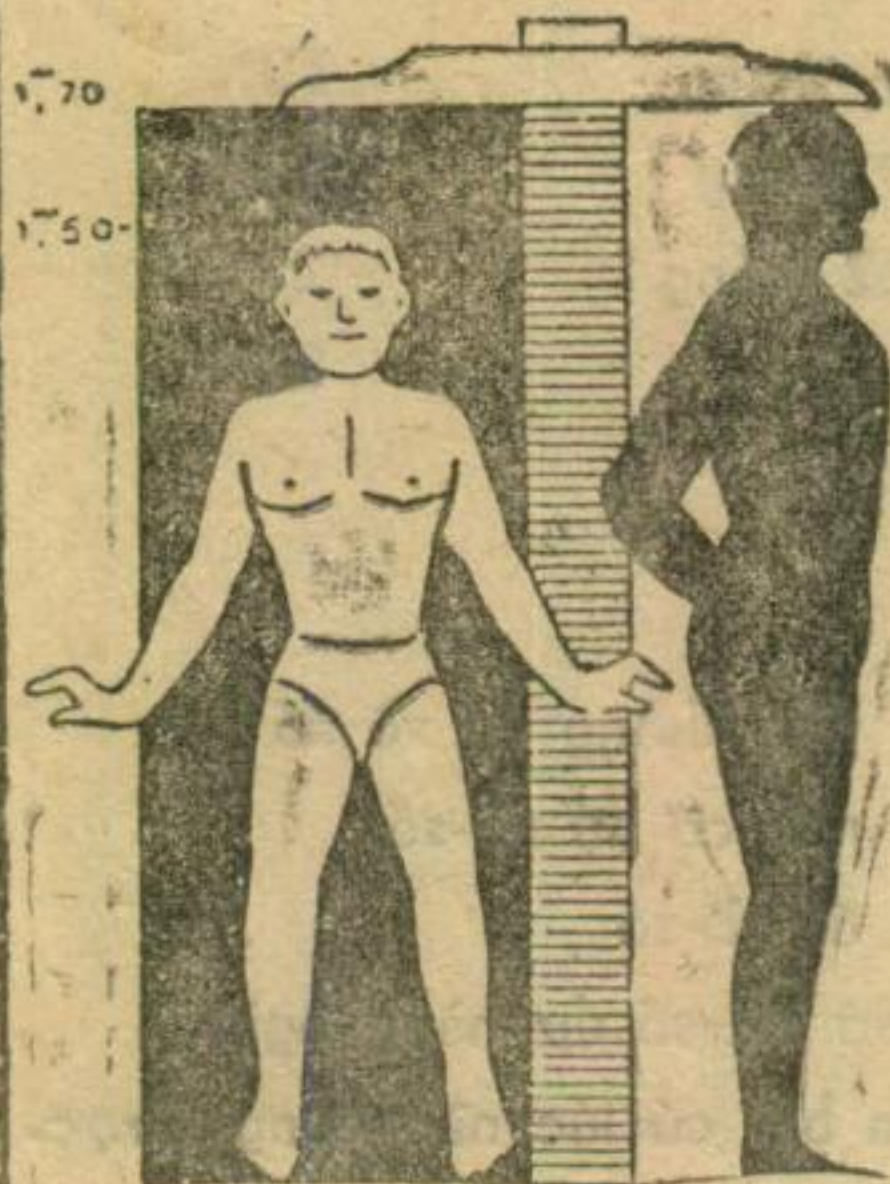
Nguyên tác của A.J. CRONIN — MINH QUÂN và MỸ LAN phỏng dịch

- Truyện của tuổi thơ lên tám và cũng là của tuổi già bảy mươi, ồn ào mà bí hiểm, dí dỏm mà cảm động, nụ cười và nước mắt chen nhau, đưa đến một kết thúc bất ngờ, lý thú như tia nắng lóe kỳ diệu giữa chiều đông.

Sách dày 256 trang. Giá 3.20đ. Bìa của Nguyễn Trọng Khôi. In offset. Tiếng Việt xuất bản và phát hành 666 Phan Thanh Giản Saigon
Điện Thoại : 96.800.

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C - D - PP - B2 - B6 - B12



CON NIT MAU
BIẾT ĐI
CÙNG XƯỜNG.
MẠNH KHOẺ.
NGƯỜI LỚN
CÙNG RĂNG.
ÍT ĐAU RĂNG.
YẾU PHÔI.
MỆT MỎI.

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ!

ĐẠI-Á NGÂN-HÀNG

TRỤ-SỞ CHÍNH : 61-63-65, Đại-Lộ Hàm-Nghi SAIGON

Điện thoại : 98.460 — 98.700

Chi-Nhánh Cholon :	47-49 Tổng Đốc Phương Cholon	ĐT : 51.047
—	Cầu Ông Lãnh : 21 Bác-sĩ Yersin Saigon	ĐT : 99.386
—	Gia-Long : 121-123 Gia-Long Saigon	ĐT : 96.827
—	Biên Hòa : 10 Nguyễn Hữu Cảnh BH	ĐT : 36
—	Ban Mê Thuật : 80-82 Quang Trung BMT	ĐT : 148.083
—	Vinh Bình : 24 Gia-Long Vinh-Bình	ĐT : 092
—	Sa-Đéc : 139-141 Tổng Phước Hòa Sa-Đéc	ĐT : 114
—	Đà-Nẵng : 197 Độc Lập Đà-Nẵng	ĐT : 21.077
—	Thị-Nghè : 22 Hùng Vương Thị-Nghè	ĐT : 96.251
—	Long An : 36 Thống Nhất Long-An	ĐT : 48
—	Vinh Long, 49 : Phan Thanh Giản V.L.	ĐT : 093

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM ĐỊNH-KỲ VÀ ĐỊNH-KỲ :

— Dưới 3 tháng	17%
— Từ 3 đến dưới 6 tháng	19%
— Từ 6 đến dưới 9 tháng	21%
— Từ 9 đến dưới 12 tháng	22%
— Từ 12 tháng	24%

LÃI-XUẤT TIẾT-KIỆM :

- 17% mỗi năm : nếu không dự xđ-số
- 13% mỗi năm : nếu có dự xđ-số
- 4% mỗi năm : để xđ-số
- Tiền lời tính theo kết-số dư hàng ngày
- Muốn rút vốn ra bất cứ lúc nào cũng được.

LÃI-XUẤT TÍN-DỤNG :

- Từ 14% đến 28%.

Hãy cho tôi

Thơ TẠ TỴ

Hãy cho tôi vắn ca dao ngày trước
Lời mẹ hiền ru nhẹ ở bên nôi
Đã lâu quá, thời gian nghiêng lối bước
Tóc phai xanh, ý trẻ cũng tan rồi

Hãy cho tôi chuyện thần tiên, cổ tích
Cùng mùa thu lá khóc buổi lìa cây
Cuộc sống nhỏ quay theo vòng chuyển dịch
Ngó tương lai trong hố mắt tròn đầy

Hãy cho tôi tuổi học trò thơ dại
Với mái trường, thầy cũ, bạn bè xưa
Kỷ niệm ơi, bây giờ và mãi mãi
Đáy tâm tư sót lại mấy âm thừa

Hãy cho tôi dáng người linh bé bỏng
Lời thương đầu quần quít giữa trang thư
Mỗi chiều xuống là mỗi lần trông ngóng
Cứ buông xuôi không cất tiếng giã từ

Hãy cho tôi sự cuồng mê bùng cháy
Như mặt trời rừng rực lửa tin yêu
Tay úp mặt nghe trái sầu run rẩy
Trôi, trôi đi, màu ảo ảnh diễm kiều

Hãy cho tôi tiếng sáo diều bay ngất
Cả vầng trăng xanh ngất góc vườn xa
Lũy tre mướt ôm ruộng đồng thơm mát
Trông đâu đây hơi ấm của quê nhà

Hãy cho tôi điệu thanh bình nhưng lụa
Với tiếng cười bát ngát vút lên cao
Đêm bỏ ngõ đón chờ duyên đôi lứa
Nhịp võng đưa chen giọng hát ngọt ngào

Hãy cho tôi khoảng đời hoa đã mất
Trót lỡ lắm, hoang phí kiếp nhân sinh
Bao tội lỗi chất đầy khung cửa chật
Bỗng xôn xao vang rộn khúc xuân tình

Hãy cho tôi từng mộng mơ hiền hậu
Từng hẹn hò, tha thiết thuở yêu em
Xin xua đuổi những lời đau ý xấu
Cho yên vui chung giấc ngủ khuya mềm

Hãy cho tôi, hãy cho tôi, người hỡi
Cuộc chiến này đan kết chuỗi đau thương
Cơn mê ngất với thịt xương kêu gọi
Hãy cho tôi được chối bỏ thiên đường.

TẠ TỰ

1972

Mùa thu trên đồi

Thơ VÕ VĂN LÊ

Mặt trời từ đó mong manh
Trong ta nỗi nhớ vừa xanh cỏ sâu
Sương rùng buồn trắng lũng sâu
Em ơi ngày có phai màu mắt xưa!
Ở đây thu đã sang mùa
Tiếng chim chiều tắt theo mưa cuối ngày
Lưng đồi buồn gió heo may
Xót xa cỏ úa cho gầy ước mơ
Ta ngồi đợi bóng hư vô
Lênh đênh khói thuốc xa mờ quê hương
Giờ ta chối bỏ thiên đường
Mù phiêu những bước vô thường em ơi!

(Chiều trên đồi Bảo)

QUẢNG TRỊ XƯA NÀO

Mùa hạ cao chợ vơ
Mắt trong vương đợi chờ
Nắng lạc vào nẻo phố,
Bụi hôn lớp kính mờ.

Mùa thu rụng lá vàng
Tóc dài mây trôi ngang
Cành trơ cành tội nghiệp
Buổi chiều bay lang thang.

Mùa đông rơi phũ phàng
Lưới giăng sâu mênh mang
Ngõ lầy ôm chân nhỏ
Cây nhìn cây ngõ ngang.

Mùa xuân quên giấc mơ,
Vàng hoa kín đôi bờ,
Nhỏn như tà áo trắng.
Dấu đời theo bờ vơ.

6-1972

QUẢNG TRỊ CHỪ ĐÂY

Phố xá nỡ nghe chừ tiêu điều lắm
Xa quá rồi sao thăm được nữa đây !
Trong trí tưởng đàn qua đen lẳng lẳng
Bóng nhập nhòa theo bóng nắng lắt lắt.

Cây thôi còn để mùa thu rụng lá,
Tổ mất rồi se-sẻ cũng xa bay,
Nhà tan hoang và người đi chốn lạ,
Đêm tiếp ngày thêm từng giọt đắng cay.

Lúa thôi vàng trong ruộng cày bằng đạn,
Khoai thôi xanh luống đất tưới bằng bom.
Giòng Thạch-hân nghe trăm chiều ly tán,
Nhớ nhịp chèo xưa, con nước nỉ non.

Người sống đó và những người đã chết,
Hồn tưởng chừng lạnh buốt gió heo may.
Vắng cả gọi tiếng sao mà tha thiết,
Vẫy nhau hoài chấp chới một bàn tay.

10-1972

Thư cho người

Thơ TRẦN DZA LỮ

Gắng lên em, hòa bình sắp lộ dạng
Ta sẽ về đồng ruộng dưới quê xưa
Hôn lá hôn cây hôn trời hôn đất
Sau chiến tranh, tình nối lại đôi bờ

Gắng lên em, đừng buồn đời tủi hổ
Bởi sắp ngừng tiếng súng giữa quê cha
Anh sẽ về như con bướm thật thà
Yêu cho hết hương cau ngày nắng mới

Gắng lên em, đừng sầu vì cơm áo
Nơi phố người xa hai buổi ngược xuôi
Bởi chúng ta sắp về thăm lại lúa
Lúa sẽ reo trong hồn mỗi con người...

Gắng lên em, đừng khóc anh tàn tật
Trong những ngày chinh chiến quá lao đao
Hãy mừng nhau còn niềm tin, chưa mất
Dù một mai anh như ngọn gió sầu

Gắng lên em, gắng thương đời hiu hắt
Của mẹ cha lặn bóng cuối quê nhà
Mẹ sẽ cười cho trẻ thêm vài tuổi
Khi người về sau-gió-bụi-can-qua...

Gắng lên em, đừng bao giờ tuyệt vọng
Vì chiến tranh không còn chỗ dong chơi
Chiến tranh này rồi cũng dần tàn lụi
Ta sẽ về ôm bề rộng sông vui

Gắng lên em, đừng buồn khi chiều xuống
Cho áo hoa tím cả mắt hôn hoàng
Bởi anh cũng sắp về củng lại chuyện
Hai-đứa-mình thường yêu mến hoa soạn

Gắng lên em, ngựa sắp dừng vó trận
Chiến chinh tan, mình nói chuyện vợ chồng
Đâu đã muộn, phải không em yêu dấu?
Phải không người mới đổ chôn quê mong?

18-10-72

Có bao nhiêu sư đoàn ?

Có hơn 6 sư đoàn « chính-qui » cộng thêm khoảng 3 sư đoàn « không qui ước ».

Không phải là ở chiến trường Đông Dương mà là ngay trên đất nước Mỹ.

Họ không phải là những tay súng chí nguyện mà toàn là những y sĩ ngoại quốc — đa số thuộc các quốc gia nghèo đói kém mở mang — tình nguyện phục vụ trên lãnh thổ Hoa-kỳ.

Đó là nét đại cương bài tường trình «Not Quite Doctors»⁽¹⁾ của Michael T. Malloy ký giả tờ National Observer, hoàn tất tại Huntington trước khi trở lại Việt-nam để điều tra về ngưng bắn.

Ai cũng biết là có nhiều y sĩ thuộc đủ mọi quốc tịch đang làm việc tại các bệnh viện Mỹ, nhưng cũng thật khó để có một con số chính xác. Theo thống kê của Hiệp hội Y khoa Hoa-kỳ (AMA) thì tính cho đến cuối năm ngoái đã có hơn 62 ngàn y sĩ không phải quốc tịch Mỹ đang hành nghề tại đây. Đó là chưa kể tới nhiều ngàn người khác — khoảng hơn 30 ngàn người theo Malloy — không đủ giấy tờ, cũng đang làm việc tại hầu hết các bệnh viện công của Hoa-kỳ.

Lấy mốc kể từ năm 1967, con số y sĩ ngoại quốc đổ xô vào đất Mỹ hàng năm đã gia tăng khủng khiếp : nó vượt xa tổng số y sĩ Mỹ được đào tạo ra mỗi năm tại khắp các Trung tâm Y khoa trên toàn quốc.

Một chuyện lạ nhưng có thật là chính Hoa-kỳ đã không đào tạo đủ số

y sĩ cho nhu cầu quốc gia họ. Và để giải quyết tình trạng này họ đã có một chánh sách thu hút những : y sĩ ngoại quốc bằng cách hàng năm tổ chức tại nhiều quốc gia những kỳ thi tương đương (ECFMG : Educational Council For Foreign Medical Graduates). Y sĩ ngoại quốc nào qua được kỳ thi tương đương này sẽ được hưởng nhiều «ưu tiên» trong đó có quyền ưu tiên xin cư trú ở lại Mỹ.

Và kết quả của chính sách «mở cửa» trên là vô số các y sĩ đã tìm cách ra khỏi quốc gia nghèo đói của họ. Chẳng hạn ở Phi-luật-tân, số y sĩ bản xứ muốn tham dự kỳ thi ECFMG đông đảo tới nỗi người ta phải xử dụng cả một «cầu trường» của Manila để có thể chứa nổi họ. Và kết quả là đã có 1 phần 4 tổng số y sĩ Phi-luật-tân vào đất Mỹ.

Phi-luật-tân, Ấn-độ, Đại-hàn là ba quốc gia được kể là cung cấp cho Mỹ nhiều y sĩ nhất. Riêng Việt Nam, vì một số không ít y sĩ chọn nơi di trú là Canada, nên chưa đủ «thành tích» để được xếp hạng vào một trong ba quốc gia «viện trợ y sĩ hàng đầu» đó.

Không phải là không có những người Mỹ thấy được khía cạnh «vô luân» của tình trạng viện trợ «tréo cẳng ngỗng» này. Đó là một nước Hoa-kỳ đã giàu có lại càng thịnh vượng thêm, chỉ vì họ có sẵn tiền và phương tiện để (thu hút) vô số các

(1) National Observer 2-12-72.

y sĩ của những quốc gia nghèo khó khác đang bị thiếu hụt y sĩ một cách trầm trọng. Irene Butter, thuộc Viện Đại-học Michigan, đã đưa ra nhận định này.

Tình trạng «xuất nã» (chữ của ông Nguyễn Hiến Lê) trên không phải là không gây ra những «bất bình» tại nhiều quốc gia khi mà mỗi y sĩ của nước họ được đào tạo nên bởi thuế má, đóng góp mồ hôi và nước mắt của đa số những bần dân. Và để phản ứng lại, một vài quốc gia như Ấn-độ, Tích-lan đã cấm đoán không cho tổ chức thêm những kỳ thi ECFMG trong nước họ. Nhưng xem ra biện pháp chế tài đó cũng không ngăn nổi cái phong trào y sĩ di cư sang đất Mỹ.

Thế còn tình trạng chung của lớp người này ra sao so với những đồng nghiệp gốc Mỹ ?

Chỉ trừ một số rất ít thật xuất sắc, được ưu đãi, còn nói chung « các y sĩ ngoại quốc ở đây chỉ là một thứ thầy thuốc hạng hai ». Tito Alquizola, một y sĩ Phi-luật-tân, hiện đang coi sóc hơn 100 bệnh nhân tâm trí ở

bệnh viện Huntington, đã cay đắng phát biểu như thế. « Họ là những người bị triệt để khai thác, trả lương ít, đối xử tệ hại và cả bị bỏ rơi nữa »...

Lương ít ở đây là khoảng 15 ngàn Mỹ kim một năm (hơn 6 triệu bạc V. N.) trong khi lợi tức hành nghề tư của một y sĩ Mỹ nhiều lần gấp bội. Đó cũng là lý do tại sao các y sĩ Mỹ từ chối hành nghề tại các Bệnh viện chính phủ và đó cũng chính là «cơ hội» cho các y sĩ ngoại quốc.

Trình trạng trên đã đưa tới dự luận than phiền cho rằng sức khỏe cộng đồng đã bị phó mặc cho các y sĩ ngoại quốc — kể cả những thành phần kém khả năng.

Đề trả lời dự luận, bác sĩ Robert de Vito, Giám đốc Bệnh viện Tâm trí của tiểu-bang Illinois đã phát biểu :

« Nhưng nếu không phải họ — những y sĩ ngoại quốc — thì lấy đâu ra y sĩ để làm việc trong các Bệnh viện công Mỹ ». Ông tiếp :

Xin hỏi ở các tiệm sách ở Sai-gòn và các tỉnh để có quyền:

TÂN-TOÁN-HỌC, MỘT BƯỚC TIẾN CỦA GIÁO DỤC

Tác giả : ĐOÀN-NHẬT-TÂN, Giáo-sư trường Sư-Phạm Qui-nhơn

Một quyển sách viết với mục-đích giúp quý vị phụ-huynh, các giáo chức Tiểu-học và đặt vấn đề với những bậc hữu-trách để người học sinh ta theo kịp đà tiến của Giáo-dục thế-giới

NỮ-OA xuất bản

« Và người ta cứ than phiền —
ám chỉ giới y sĩ Mỹ — nhưng vẫn
không muốn đến làm việc ở đây ! »

Và ông tiết lộ tình trạng y sĩ
của Bệnh viện ông là « chỉ có 5 trong
số 21 y sĩ của Bệnh viện là người
Mỹ ».

Còn về vấn đề « phẩm chất của y sĩ »,
người Mỹ quan niệm thực tiễn rằng :
« Việc huấn luyện thêm cho các y sĩ
ngoại quốc để đạt bằng tiêu chuẩn của

nền Y khoa Mỹ đâu sao cũng đỡ tốn
kém hơn việc đào tạo một y sĩ đòi hỏi
từ 8 đến 12 năm ».

Thêm một chi tiết nữa về luật hành
nghề tại các tiểu bang. Những điều
kiện thi và chọn lọc rất khắt khe với
mục đích chính là để bảo vệ quyền hành
nghề tư của y sĩ Mỹ hơn là vì lý do
sức khỏe quần chúng.

BÁCH-KHOA



Nhức đầu
Đông
Budon
TRI:

Nhức răng, nhức môi đau
lưng, đau nhức lúc có
Kính Kỳ

TRANG 1

KV số 1211/BYT/0609

THỜI SỰ KHOA HỌC

Một ý kiến thực tế :

Đề bảo vệ cho đứa con của mình trong tương lai, người đàn bà trong lúc có thai thường phải kiêng cử nhiều điều. Những điều kiêng cử thay đổi tùy vào ngày tháng của thai kỳ : lúc mới có thai có những cần-trọng này, lúc cuối ngày tháng có những điều e ngại khác, người mẹ nào lo cho tương lai của con mình đều phải lo giữ gìn.

Tuy nhiên không phải lúc nào người mẹ cũng nhìn thấy các điều nên làm đề mà làm và sự vô tình có thể đem lại sự khờ tâm cho họ. Thí dụ việc chụp hình quang tuyến là điều tối-kỵ trong lúc có thai, nhất là những ngày tháng đầu tiên của thai kỳ. Chụp hình quang tuyến trong lúc có thai có thể gây nên sự hư hại cho các cơ quan của thai nhi đang ở giai đoạn tạo hình, hậu quả là có thể thai bị hư hoặc dị hình, dị dạng. Trong y-học, người ta đã kể đến khá nhiều trường hợp trẻ con sinh ra bị hư hại hệ thống thần kinh, hoặc sinh ra mà không có não-bộ. Tất nhiên một người y sĩ hiểu biết và có lương tâm sẽ rất dấn đo khi chụp hình quang tuyến một người đàn bà đang có thai, thường là họ chỉ làm trong các trường hợp có lý do thật cần thiết và ở giai đoạn cuối của thai kỳ. Thế nhưng có những trường hợp mà cả người y sĩ và bệnh nhân của ông ta cũng không biết đến : đó là trường-hợp người đàn bà mới chỉ có thai được một hoặc hai tháng.

Trong khoảng thời gian này rất có thể người đàn bà không ý-thức được mình đã có thai vì các triệu chứng của thai-kỳ không phải lúc nào cũng rõ ràng ; và người y-sĩ vô tình cũng không biết đến. Đề tránh sự rủi ro nhiều khi đắt giá đó, các y-sĩ đã lên tiếng khuyên nhủ các phụ nữ trong khoảng tuổi có thể có thai và có điều-kiện gia đình để có thai nên đi thử thai đều đặn để biết chắc mình đã có thai hay không.

Tưởng đó cũng là một lời khuyên đẹp đẽ và đáng nghe theo !

Một biến đổi trong ngành khảo cổ

Một nhà khảo cổ trẻ tuổi vừa tìm ra tung tích của một giống người mà ông tin là « già » nhất từ trước tới nay. Trong ngành nhân-chủng-học, tuổi của tổ tiên loài người được phỏng định là một triệu năm, đó là thời gian đã xuất hiện giống người đi bằng hai chân và có một bộ óc đã phát triển khá lớn. Nhưng trong một cuộc đào xới ở gần hồ Kenya Richard Leakey, nhà khảo-cổ mới 28 tuổi, đã tìm thấy những mảnh vụn của một xương sọ bị chôn vùi trong lớp phún-thạch lâu từ 2 triệu 6 năm nay. Theo các giả-thuyết hiện đại thì loài người chúng ta là con cháu của giống *Australopithecus* và giống *Homo erectus* có từ 1 triệu năm tới 3 triệu rưỡi năm trước trên quả đất này. Điều mà Leakey đem lại là cái xương sọ của ông vừa tìm ra chứng tỏ rất khác biệt với xương

sọ giống *Australopithecus*, khác đến nước mà Leakey không thể coi cái xương sọ của ông là biến dạng của cái trước. Hơn nữa nó còn chứng tỏ không thể chối cãi là rất giống với xương sọ giống *Homo sapiens*, một giống rất gần với loài người hiện đại. Tiếp theo là hai cái xương đùi lại càng tỏ rõ cái xương sọ của Leakey thuộc về một giống đi trên hai chân và chúng không thể phân biệt được với xương đùi của ngay cả chúng ta. Cái xương sọ của Leakey tìm ra mới chỉ có 2 triệu 6 năm, trẻ hơn của giống *Australopithecus*, do đó mà nhà khảo-cổ trẻ tuổi này đã mạnh miệng cho rằng giống *Australopithecus* không thể là tổ tiên của loài người.

Tuy nhiên Leakey có thể vì còn trẻ mà quá khích trong nhận định của ông. Những quan niệm ôn hòa hơn cho rằng cái xương sọ của giống người mới tìm thấy chỉ là biến dạng của giống *Australopithecus*, trải qua hàng triệu năm chúng có thể có những thay đổi lớn lao. Nhưng dù sao khám phá của Leakey vẫn là một biến cố thích thú trong ngành nhân chủng học.

Marmoset, giống khỉ bất hạnh

Marmoset là tên một giống khỉ nhỏ, màu nâu và rất dễ mến có quê hương ở miền Nam Mỹ, sắp trở thành một giống vật sẽ phải hy sinh cho chúng ta. Nó là một loại «cobaye» trong tương lai, thay thế cho các loại cobaye hiện tại.

Đề kiểm soát tác dụng của các loại thuốc mới trước khi đem dùng cho

loài người, chúng ta vẫn đem các loại chuột bạch hoặc thỏ, hoặc chuột ắt (cobaye) làm vật thí nghiệm. Nhưng dùng các loài động vật này có điều bất tiện là nó có một cơ thể được cấu tạo khác biệt với con người. Nhiều thứ thuốc có hại cho con người mà không có ảnh hưởng tới chúng hoặc ngược lại. Giống khỉ Marmoset vượt qua được các bất tiện đó : nó có 46 nhiễm-sắc-thể như ở người, con cái có một chu-kỳ kinh-nguyệt khá giống với phụ-nữ và hơn nữa nó rất hiền lành, dễ nuôi và sinh đẻ mau chóng.

Tội nghiệp cho giống vật hiền lành này !

Apollo 17

Sau hơn 2 giờ rưỡi bị hoãn lại vì lý do trục-trắc kỹ thuật, phi thuyền Apollo 17 chở theo 3 phi hành gia đã được phóng đi từ mũi Kennedy lúc 1 giờ 33 phút chiều, giờ Sài-gòn.

Đây là chuyến bay chót trong chương trình Apollo của Hoa-kỳ. Phi thuyền được phóng đi vào ban đêm và 41.000 khán giả danh dự cùng hàng trăm ngàn người trong 13 tiểu bang gần mũi Kennedy đều đã thấy phi thuyền bay như một vệt sáng thật đẹp mắt trong bầu trời đầy sao. Trong số khán giả danh dự, ngoài Phó Tổng-thống Mỹ Agnew còn có một nhân vật đặc biệt là một cụ già năm nay đã hơn 130 tuổi. Cụ già ở tuổi gần đất xa trời này sinh ra từ lúc Mỹ quốc còn sơ khai, đã chứng kiến một cảnh ngoạn mục khó tin trong đời Cụ. Cụ không tin là 3 người sẽ lên được tới mặt trăng và phi thuyền đã chở họ vào một nơi vô

định nào đó. Người ta ao ước đây không phải là một lời nói gở cho chuyển bay.

Phi-hành-đoàn gồm Eugene A. Cernan, phi-đoàn-trưởng, Ronald E. Evans hoa-tiêu phòng chỉ huy và Harrison H. Schmitt hoa-tiêu phòng đồ bộ nguyệt cầu. Cuộc phóng đi tuy chậm trễ nhưng toàn hảo. Những giờ phút đầu tiên đã trôi qua tốt đẹp, 3 phi-hành-gia đã tỉnh giấc sau một giấc ngủ dài 6 tiếng đồng hồ. Trong lúc đó tầng chót của hỏa tiễn Saturn đã tách rời khỏi phi thuyền đang được đài kiểm-soát Houston hướng về một điểm trên mặt trăng. Khi tầng hỏa tiễn này rớt xuống mặt trăng, âm vang của nó sẽ được ghi nhận và phân tích bởi các địa-chấn-kế đã có từ trước trên mặt trăng.

Apollo 17 dự định bay trong 12 ngày và sẽ trở về trái đất ngày 19-12 tại một nơi trong Thái-bình-dương. Các phi hành gia sẽ chụp hình và nghiên cứu địa chất vùng Taurus Littrow trên nguyệt cầu, cố gắng hoàn tất các thí nghiệm còn thiếu sót ở các chuyến bay trước... Người ta hy vọng

Apollo 17 sẽ giải quyết được các khó khăn của các nhà bác học ở dưới đất hiện vẫn còn bất đồng ý kiến về nguồn gốc của mặt trăng.

Trong thập niên tới, nước Mỹ không có chương trình nào tiếp nối chương trình Apollo để khai thác mặt trăng cả, và vùng đất xa lạ đó, đã được bước chân loài người chiếu cố, lại vắng bóng người lai vắng cho tới không biết đến bao giờ. Mọi người đều nhận thấy các thành công của chương trình vĩ-đại này có một cái gì dở dang, hình như mọi nỗ lực chỉ là để thách một lời thách thức giữa hai quốc-gia đại-cường trên thế giới. Đó là một chương-trình không lỗ không có mục-đích, làm tốn kém tiền bạc của nhiều người và thiệt mạng một số nhân tài của riêng mỗi quốc-gia.

Tuy vậy, nó cũng có những lời bình vực quý giá. Nhờ chương trình này mà nền khoa học của nước Mỹ, và nói chung là của nhân loại, tiến một bước khá dài... Lợi ích gián-tiếp của nó được thể-hiện trong các lãnh vực y-khoa, kỹ-nghệ, truyền tin... mà chúng ta sẽ còn thụ-hưởng trong rất nhiều năm sau này.

TỬ DIỆP

Tin Mừng

Được hồng thiếp báo tin :

Ông Bà NGUYỄN VĂN TÂM (Giám-đốc nhà xuất-bản TRƯỜNG THI) ở 208 Trương-Tấn-Bửu, Phú-Nhuận, Sài-gòn sẽ làm lễ thành hôn cho con trai là cậu NGUYỄN XUÂN HÙNG (Bút hiệu KHÊ KINH KHA) với cô TRẦN THỊ VƯƠNG hôn lễ sẽ cử hành tại Sài-gòn ngày 16-12-1972.

Xin trân trọng mừng Ông Bà NGUYỄN VĂN TÂM và chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh Phúc.

LÊ NGỘ CHÂU — VŨ HẠNH

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Một kế hoạch tam niên.

Tên ông ta là Forsyth. Forsyth là «fear nothing», là không «ngán» bất cứ cái gì.

Thế mà ông ta rốt cuộc phải «ngán» văn chương, mặc dù ông ta đã gặp những thành công kinh khủng trong lãnh vực nghề nghiệp văn chương.

Năm ngoài Forsyth viết một mạch trong ba mươi bốn hôm, xong một tác phẩm, vút ra thị trường, được thiên hạ hoan nghênh hết mình. Ông ta thu được số tác quyền vào khoảng một tỉ rưỡi bạc!

Tác phẩm nọ là cuốn *Chacal*, nửa tiểu thuyết nửa phóng sự, nói về một cuộc ám sát hụt Tổng thống De Gaulle. Bảo rằng Forsyth đã «viết» thì không đúng hẳn : ông ta đã đánh máy theo lối mò cò bằng hai ngón tay.

Năm nay, Forsyth lại ăn quen, dùng hai ngón tay mò luôn một hơi hai mươi bốn ngày, lại xong một tác phẩm nữa : cuốn *Odessa*. Cũng lại nửa tiểu thuyết nửa phóng sự. Về hoạt động của dư đảng Quốc xã Đức tại Ai cập. Bởi vì *Odessa* chính là chữ viết tắt của tổ chức «Organisation Der Ehemaligen S S Angehörigen», tổ chức gián điệp của bọn cựu đảng viên Quốc-xã.

Chắc chắn *Odessa* sẽ đem lại cho tác giả một vài tỉ bạc nữa. Và rồi đây, năm tới cuốn *Les chiens de guerre* cũng sẽ hứa hẹn một thành công thương mại tương tự. *Les chiens de guerre* cũng là tiểu thuyết phóng sự về chiến cuộc tại Biafra mà tác

giả từng tham dự với tư cách phi công.

Nếu cứ thừa thắng xông lên, sồn sồn năm một như vậy, Forsyth không những sẽ thắng mọi văn hào cổ kim, mà sẽ nâng văn chương lên hàng hoạt động kỹ nghệ béo bở nhất.

Nhưng Forsyth không xông lên, tiến tới nữa. Ông ta đã tuyên bố minh bạch : Sau tác phẩm thứ ba, nhất định ông ta sẽ ngừng bút.

Sao vậy ? Ông ta không muốn phiêu lưu, muốn dừng lại ngay chỗ tuyệt đỉnh vinh quang danh vọng chẳng ? Forsyth không có ảo tưởng về giá trị của mình : «Tôi chỉ viết được loại sách để kiếm tiền. Không phải là văn chương cao cấp, tôi công nhận như vậy».

Có lẽ dù chỉ có mục đích kiếm tiền ông cũng đặt một điểm danh dự ở chỗ không nên làm quá, là phải biết dừng lại trước khi gặp thất bại.

Món nợ ba năm

Forsyth bắt đầu cầm bút năm 33 tuổi, quyết định sẽ vút bút vào năm 35 tuổi. Còn thi sĩ Nga sô Youri Galanskov thì bế mạc cuộc đời vào năm 33 tuổi. Ông ta còn nợ nhà nước ba năm tù.

Trước đây bốn năm, hồi 1968, ông bị tòa án ở Nga kết án 7 năm tù vì đã dám đánh máy và phổ biến bất hợp pháp một tờ báo tên là *Phoenix 61*. Tờ báo nợ có xu hướng hòa bình, tòa án bảo là nó có tính cách «chống lại chế độ xô-viết».

Hồi đó, giới văn nghệ Tây phương có phản đối bản án và có can thiệp bên vực Y Galanskov, nhưng tất cả đều vô hiệu. Thi sĩ đã đến tội tại một nhà ngục cách Mạc-tư-khoa 450 cây số, và đã trút hơi thở cuối cùng tại đó.

Ngạc nhiên mãi mãi

Nhà Robert Laffont vừa xuất bản cuốn *Les cavaliers du Kham* Michel Peissel.

Tác phẩm phát giác một sự lạ: cuộc chiến đấu mười tám năm trường của dân tộc Tây-tạng chống lại chính sách diệt chủng của Trung Cộng, trước sự làm ngơ hoàn toàn của thế giới văn minh cuối thế kỷ XX.

Nhưng chính tác giả, ông Michel Peissel, cũng là cả một sự lạ, đáng công một một phát giác.

Năm 18 tuổi, ông chuyên về tài chánh. Năm 19 tuổi, ông say mê khảo cổ: Tại Mễ-tây-cơ, ông là người Tây phương đầu tiên đến Yutacan, tìm ra tại Quintana Roo một thành phố maya có 108 ngôi đền, những kim-tự-tháp, 14 di tích lịch sử... Năm 23 tuổi, ông công bố phát giác cổ học ấy trong một tác phẩm được dịch tức khắc ra chín thứ tiếng trên thế giới.

Nhưng đến đây M. Peissel liền bỏ ngành Khảo cổ. Năm 1962 ông thám hiểm xứ Mustang ở trong dãy Hi-mã-lạp-sơn. Ông cũng lại là người Tây phương đầu tiên và duy nhất lưu lạc đến xứ này khảo cứu về sinh hoạt của dân tộc này. Năm 1968, ông trình tại viện Đại học Sorbonne một luận án tiến sĩ dân tộc học về Mustang.

Lại rời bỏ Mustang, ông qua xứ Bhoutan, xứ Kham, luôn luôn là con người đơn độc, ông bắt gặp trước tiên những điều chưa ai bắt gặp...

Tại sao không chuyên vào một ngành, không đi sâu vào một công cuộc khảo cứu, mà lại nhảy mãi từ địa hạt này sang địa hạt kia, lại có thái độ tài tử như vậy? M. Peissel đáp: Ông không muốn ngừng lại ở một lãnh vực quen thuộc, ông muốn luôn luôn tìm sự ngạc nhiên cho mình.

Đối với chúng ta, thì ông là kẻ chuyên gây ra sự ngạc nhiên.

TRÀNG THIÊN

Những bản dịch bài thơ của Nguyễn-Du

Trên Bách-Khoa số đặc biệt về « Nguyễn Du và Truyện Kiều » nhà thơ Vũ Hoàng Chương đã dịch bài thơ chữ Hán « *Thăng Long hoài-cổ* » của Nguyễn Du. Trong bài này câu đầu, nhà thơ họ Vũ ghi là:

Tản-lĩnh Lô-giang xứ xứ đồng

Ở những nơi khác thì ghi là:

Tản lĩnh Lô-giang tuế tuế đồng

Nhân đó chúng tôi đọc được bản dịch của nhà thơ Lãng Nhân Phùng Tất Đắc trên nội san « Trường Bưởi » số tháng 9-1965 như sau:

Tản vẫn non mà Lô vẫn sông

Bạc đầu còn được thấy Thăng Long

Cung xưa đập đổ, thành xây mới

Nếp cũ san bằng, lối mở chung.

Người đẹp hôm nao, giờ ăm trẻ,

Bạn chơi thừa trước, thấy nên ông

Một đêm trần-trọc nằm khôn nhắp
Tiếng sáo vi-vu bóng nguyệt lồng...

Chúng tôi cũng xin ghi lại đây một bản dịch khác nữa để bạn đọc tiện so sánh :

Tàn, Lô kia vẫn núi sông
Bạc đầu còn thấy Thăng Long có
rày

Nhà xưa bỗng hóa đường này,
Cung xưa bỗng hóa thành xây lạ
lòng

Gái quen nay đã con bông,
Bạn chơi nay đã nên ông cả rồi
Suốt đêm không ngủ bởi hồi,
Vi vu tiếng sáo một trời trăng trong.

Bài thơ dịch trên đây của Phạm-Khắc-Khoan và Ngô-Ngọc-Can.

Nhà văn làm đạo diễn

Đỗ Tiến Đức là một công chức cao cấp, anh đã từng là Giám-đốc Nha Thông tin, nha Điện ảnh,... Thế mà khi sang lãnh vực sáng tác, anh vẫn thành công với những truyện dài đăng trên các tạp chí và nhật báo, và truyện *Má hồng* đã được Giải thưởng Văn chương của Tổng-thống vào năm 1969.

Nhưng Đỗ Tiến Đức không chịu chỉ làm việc văn chương, anh lại nhảy sang Điện ảnh và năm trước đây phim « *Ngọc-lan* » đã ra đời do anh làm đạo diễn. Năm nay lại thêm phim *Yêu* — hiện đang chiếu tại các rạp Saigon qui tụ một số lớn nhà văn : nữ sĩ Trùng Dương (Giám đốc sản xuất), Đỗ Tiến Đức, Viên Linh... (Đạo diễn) Lê Tất Điều (Giám đốc nghệ thuật) Chu Tử (Diễn viên) v.v...

Với phim « *Ngọc-lan* » người ta còn tưởng Đỗ Tiến Đức chỉ làm đạo diễn « tài tử », nhưng với phim « *Yêu* » người ta thấy anh thành « chuyên-nghiep » rồi. Đỗ Tiến Đức đã theo thật sát một chuyện dài nổi tiếng

một thời của Chu-tử để dựng thành một cuốn phim gay cấn và sôi nổi, với một số lớn tài tử chưa từng đóng phim bao giờ. Đó là một việc táo bạo mà chỉ có tác giả « *Má hồng* » mới dám làm.

Tuy nhiên người ta chưa rõ cuốn phim có thu hút được đông đảo khán giả hay không vì có thể cuốn phim thành công nhiều về phương diện nghệ thuật mà vẫn không chắc gì đã thành công như vậy về phương diện thương mại.

Nhà văn làm báo thiếu nhi

Nhà văn làm báo thiếu nhi thì đã có khá nhiều người và thành công cũng không ít như Nguyễn-Vỹ với « *I hăng Bờm* », Trường Sơn với « *Tuổi Hoa* »..., nhưng thực chưa ai mê say làm báo cho lớp tuổi xanh như cặp Nhật Tiến-Phương Khanh và Lê Tất Điều. Anh Nhật Tiến và chị Phương Khanh đã bỏ hết thì giờ sức lực sáng kiến vào tờ « *Thiếu Nhi* » và tờ báo đã được thực hiện thật đẹp, rõ ràng lợi ích cho các em, nhưng cho tới nay chưa biết những lao tâm tốn trí của hai nhà văn này có gặt hái được những thành công xứng đáng, về phương diện thương mại hay không.

Còn Lê Tất Điều mấy năm nay lúc nào cũng mơ một tờ báo cho trẻ em, lúc nào cũng nghĩ về tờ báo đó, nên anh đã cố kết hợp một số họa sĩ để viết và vẽ sẵn một số truyện bằng tranh cho tờ báo tương lai này, mang tên là « *Yết Kiêu* ». Nay thì tờ « *Yết Kiêu* » trong mộng đã thành sự thực và chắc từ nay đến cuối tháng, một tờ báo gồm thật nhiều truyện bằng tranh, vẽ rất đẹp với những nhân vật rất ngộ nghĩnh do nhiều họa sĩ sáng tạo hoàn toàn in ốp-xét sẽ ra mắt các em và chắc chắn làm vui cả người lớn tuổi.

THU THỦY

HỘP THƯ

Bách Khoa đã nhận được những bài của quý bạn sau đây :

Sầu Đông (Ngày nào trở về ?) ;
Uyên Hà (thơ) ; Vũ Hưng Thanh (thơ) ; Hà Huyền Hoa (thơ) ; Lê Nguyên Ngữ (thơ). Thương Hoài Anh (thơ) ; Lý Thiện Ngộ (thơ).
Thế Lan (thơ) ; Thi Huyền Êm (thơ) ;
Cao Trường Huy (thơ) ; Phạm Ngọc Lư (thơ) ; Phạm Trường Hưng (thơ) ; Nguyễn Cửu (thơ) ; Tống Châu Ân (thơ) ; Lê Văn Trung (thơ) ;
Dương Ngu Mán (thơ) ; Trương Việt Linh (thơ) ; Trần Nguyên Vũ (thơ) ; Phạm Tiêu Sương (thơ) ;
Hoài Diễm Từ (thơ) ; Võ Văn Lê (thơ) ; Nguyễn Thái Dương (thơ) ;
Tiêu Chỉ Tước (thơ) ; Lê Yên Linh Phương (thơ) ; Trần Dạ Lữ (thơ) ;
Phạm Tấn Hầu (thơ) ; Nguyễn Thị Bạch Tuyết (thơ) ; Nguyễn Đức Nhân (thơ) ; Tống Châu Âu (Đêm trừ tịch trên thị trấn B) ; Nguyễn Đình Quý (thơ) ; Man Di (thơ) ;
Khánh Linh (thơ) ; PTH (thơ) ; Thu Hoa Đan (thơ).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn đã gửi cho Bách-Khoa những bài trên đây. Bài nào đăng được chúng tôi sẽ gửi thư riêng hoặc nhắn tin trên mục Hộp Thư này. Bởi vậy các bài gửi tới, ngoài bút hiệu, xin quý bạn nhớ ghi thêm tên thực và địa chỉ hiện tại để tiện liên lạc.

Cùng quý bạn gửi bài về số Tết và số Tân niên.

Cũng như mọi năm Bách-Khoa sẽ ra số Tết Quý Sửu vào 15-1-1973 và số Tân niên vào 15-2-1973. Vậy về

số Tết xin quý bạn gửi bài cho trước 25-12-1972 và số Tân niên trước 10-1-73. xin cảm ơn quý bạn.

Xin quý bạn đọc ghi ngày tháng năm cùng con số liên tiếp thích ứng vào khung trống ở ngoài bìa và trên phần mục lục đề sau này tiện tra cứu.

Sách mới

— I Chaikovsky, cuộc đời và nghệ thuật, nguyên tác của Percy M. Young bản dịch của Hoài Khanh, do Cadao xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 132 trang phiên dịch công phu với nhiều hình ảnh và phần phụ lục giới thiệu đại quan vờ nhạc vũ Hồ Thiên Nga. Giá 250đ.

— Lá khô mùa mưa. truyện tuổi mới lớn của Nguyễn thị Mỹ-Thanh do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 146 trang thuộc loại Hoa Tím. giá 120 đ.

Chưa tắt nụ cười truyện tuổi mới lớn của Nguyễn Sỹ Nguyên do Tuổi Hoa xuất bản và gửi tặng. Sách dày 110 trang thuộc loại Hoa Tím. Sách Hoa Tím đều trình bày rất đẹp, bìa do Vi Vi vẽ. Bản đặc biệt. Giá bán thường : 120đ.

— Tình sương, tập thơ của Võ Chân Cửu, do Thi ca xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày trên 60 trang gồm trên ba chục bài thơ, phần lớn là thơ 4 và 5 chữ. Trình bày trang nhã Cao Nam Tiến vẽ bìa. Bản đặc biệt.

— Vô cùng tập thơ của Trần Hữu Nguyễn do Nhập Cuộc xuất bản và tác giả gửi tặng. Tập thơ thứ 5 của tác giả gồm 14 bài thơ, Bản đặc biệt.